

TECHCOMBANK 

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM

 | Techcombank Tower, 191 Bà Triệu, P. Lê Đại Hành
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

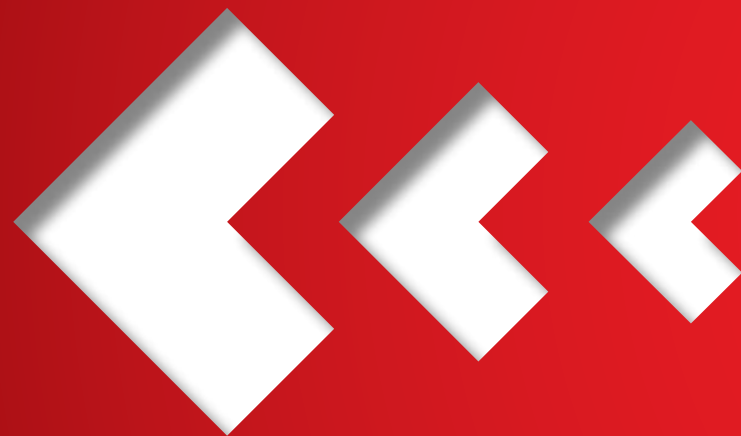
 | (84 24) 3944 6368

 | (84 24) 3944 6395

 | www.techcombank.com.vn



an tâm
TÀI CHÍNH
VỮNG BƯỚC THÀNH CÔNG



VỚI KHÁT VỌNG XÂY DỰNG MỘT DOANH NGHIỆP VIỆT ĐẲNG CẤP QUỐC TẾ, ĐÓNG GÓP LỚN VÀO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI, SAU 24 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN, TECHCOMBANK HIỆN ĐANG BƯỚC VỮNG CHẮC TRÊN HÀNH TRÌNH TRỞ THÀNH NGÂN HÀNG TỐT NHẤT VIỆT NAM VÀ VƯƠN ĐẾN TẦM VÓC KHU VỰC VÀO NĂM 2020.

Nội dung

04	Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị
07	TIẾP SỨC THÀNH CÔNG
08	Câu chuyện của CEO
15	QUẢN TRỊ XUẤT SẮC
16	Quản trị Ngân hàng
22	Giới thiệu Hội đồng Quản trị
24	Giới thiệu Ban Kiểm soát
25	Giới thiệu Ban Điều hành
32	Mô hình kinh doanh hiệu quả
34	Hoạt động chuẩn mực
37	GIẢI PHÁP TOÀN DIỆN
38	Lựa chọn tối ưu
46	Điểm đến của Doanh nghiệp
48	Giải pháp vượt trội cho Doanh nghiệp lớn
49	Tạo giá trị khác biệt cho Doanh nghiệp vừa và nhỏ
51	CÙNG NHÌN VỀ MỘT HƯỚNG
53	Hành trình chuyển đổi văn hóa doanh nghiệp
65	Nâng “chất” Techcomer
75	GIÁ TRỊ CỦA SỰ BỀN VỮNG
76	Quản trị rủi ro
82	Hiệu suất vượt trội
86	Phát triển bền vững đảm bảo an toàn của khách hàng
99	VÌ MỘT VIỆT NAM
107	HOẠCH ĐỊNH TƯƠNG LAI
113	BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2017
202	MẠNG LƯỚI CHI NHÁNH



◀ **VỚI CHƯƠNG TRÌNH CHUYỂN ĐỔI ĐANG ĐƯỢC TECHCOMBANK THÚC ĐẨY MẠNH MẼ, CÙNG NIỀM TIN VỮNG CHẮC TỪ CÁC KHÁCH HÀNG, CÁC CỔ ĐÔNG VÀ CÁC NHÀ ĐẦU TƯ, CHÚNG TÔI ĐANG TIỆM CẬN HƠN VỚI SỨ MỆNH TRỞ THÀNH MỘT DOANH NGHIỆP VIỆT ĐẲNG CẤP, LAN TỎA NIỀM TỰ HÀO VỀ GIÁ TRỊ VIỆT ĐẾN VỚI KHU VỰC VÀ THẾ GIỚI.** ▶

Kính thưa Quý vị!

Năm 2017, Techcombank có được kết quả đột phá về kinh doanh với mức lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt 8.036 tỷ đồng, tăng gấp 2 lần so với năm 2016. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) ^(*) tăng mạnh và đạt 23,84%, tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) ^(*) cũng tiếp tục tăng và đạt 2,09% trong năm 2017.

Bên cạnh đó, Techcombank cũng đạt được những thành tích ấn tượng khi dẫn đầu thị trường về doanh số thanh toán qua thẻ tín dụng Visa, các chương trình miễn phí giao dịch qua kênh trực tuyến - (Zero fee) và Bảo hiểm qua ngân hàng (Bancassurance) liên tục bứt phá các cột mốc mới. Nợ xấu đã được xử lý triệt để và minh bạch, tạo nên động lực phát triển tích cực.

Kết quả trên cho thấy sự đúng đắn khi Ngân hàng đã chú trọng vào những phân khúc khách hàng đem lại nhiều hiệu quả hơn và ít rủi ro hơn; cùng với các nỗ lực tối ưu hóa: chi phí hoạt động và dự phòng... Giá trị và nền tảng vững chắc mà Techcombank tạo ra đã được ghi nhận thông qua việc S&P nâng hạng tín nhiệm của Ngân hàng lên ngang mức “trần xếp hạng tín nhiệm quốc gia” và tạp chí uy tín The Asian Banker bình chọn Techcombank vào Top 2 ngân hàng có khả năng sinh lời cao từ giá trị kinh doanh cốt lõi, gồm Vietcombank và Techcombank.

Năm 2018, Techcombank hướng tới các mục tiêu lớn hơn, khát vọng cao hơn nhằm đáp ứng các chuẩn mực quốc tế, đưa vị thế của Techcombank ngang tầm với các ngân hàng lớn trong khu vực và trên thế giới. Khát vọng đó đang dần được hiện thực hóa thông qua việc tiếp tục triển khai mạnh mẽ giai đoạn 2 của Chương trình Chuyển đổi, trong đó tập trung củng cố và hoàn thiện tổ chức, xây dựng và nâng cấp các hệ thống nền tảng của Ngân hàng. Đặc biệt, một chương trình đầu tư rất lớn về công nghệ đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt nhằm tạo điều kiện đưa Techcombank trở thành tổ chức tín dụng đi đầu về công nghệ - không chỉ mang lại trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng mà còn giúp đưa ra các quyết định kinh doanh đúng đắn và kịp thời, đảm bảo sự bền vững, minh bạch cũng như tính linh hoạt cao.

Với Chương trình chuyển đổi đang được Techcombank thúc đẩy mạnh mẽ, cùng niềm tin vững chắc từ các khách hàng, các cổ đông và các nhà đầu tư, chúng tôi đang tiệm cận hơn với sứ mệnh trở thành một doanh nghiệp Việt đẳng cấp, lan tỏa niềm tự hào về giá trị Việt đến với khu vực và thế giới.

Trân trọng,

HỒ HÙNG ANH
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



tiếp sức THÀNH CÔNG

ĐIỂM NHẤN XUYÊN SUỐT CHO CÂU CHUYỆN THÀNH CÔNG CỦA TECHCOMBANK TRONG NĂM 2017 LÀ SỰ BỀN VỮNG CỦA TECHCOMBANK NÓI RIÊNG VÀ CẢ NỀN TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG VIỆT NAM NÓI CHUNG TRƯỚC SÓNG GIÓ THỊ TRƯỜNG, TRƯỚC NHỮNG THÁCH THỨC CỦA NỀN KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ VẤN ĐỀ NỘI TÀI CỦA KINH TẾ VIỆT NAM.

Thưa quý cổ đông, khách hàng
và Techcomers,

Năm 2017 là một năm thành công với kinh tế của Việt Nam. Trên nền tảng đó, các doanh nghiệp Việt Nam và người dân Việt Nam đã có thêm nhiều điều kiện để phát triển và gặt hái thành công ở các mức độ khác nhau.

MỘT CÂU HỎI ĐƠN GIẢN NHƯNG CẦN ĐƯỢC ĐẶT RA LÀ, NGÀNH NGÂN HÀNG VIỆT NAM TRONG ĐÓ CÓ TECHCOMBANK ĐÃ ĐÓNG GÓP GÌ VÀO THÀNH CÔNG ĐÓ.

Câu trả lời bắt đầu từ những điều cơ bản. Hệ thống ngân hàng là huyết mạch của nền kinh tế, đóng vai trò trung gian tài chính của nhiều nơi, nhiều người. Nếu hệ thống ngân hàng điều tiết nguồn lực vào những lĩnh vực có nhiều cơ hội tăng trưởng sẽ tạo ra sự phát triển của nền kinh tế và tạo ra sự phát triển của chính ngân hàng. Ngược lại, nếu ngân hàng đưa nguồn lực của mình tập trung vào các lĩnh vực kinh tế có vấn đề thì nợ xấu sẽ phát sinh, ngân hàng không những không đóng góp được cho sự tăng trưởng mà còn kìm hãm sự phát triển chung.



◀ TECHCOMBANK LÀ NGÂN HÀNG CÓ CHIẾN LƯỢC RÕ RÀNG, VÀ ĐIỀU QUAN TRỌNG LÀ KIẾN ĐỊNH VỚI NHỮNG GÌ CHÚNG TÔI ĐÃ LỰA CHỌN VÀ THEO ĐUỔI ĐẾN CÙNG. ▶

Trong năm 2017, Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng Nhà nước đã có những quyết sách lớn trong định hướng phát triển kinh tế, đặc biệt hướng dòng chảy tín dụng vào những lĩnh vực tạo ra dư địa tăng trưởng cao như khu vực kinh tế tư nhân, khởi nghiệp, lĩnh vực về sản xuất, xuất nhập khẩu, nông nghiệp áp dụng công nghệ cao... Xét trên một bình diện chung, các ngân hàng đã làm tốt yêu cầu định hướng này, và nguồn lực từ ngành ngân hàng đã đóng góp quan trọng cho sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam năm vừa qua.



Chọn đúng hướng đi

Techcombank, với vai trò của một ngân hàng lớn trong hệ thống ngân hàng Việt Nam, đã bám sát các chủ trương của Chính phủ và chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước trong việc phân bổ nguồn vốn, cung cấp dịch vụ của mình. Trên bình diện chung đó, điểm khác biệt là Techcombank lựa chọn phục vụ các khách hàng có tiềm năng phát triển dựa trên nền tảng am hiểu khách hàng và phù hợp với khẩu vị rủi ro của Techcombank, theo nguyên tắc đồng hành lâu dài với khách hàng trong suốt chu trình sản xuất - kinh doanh và trong đời sống tài chính.

◀ SỰ LỰA CHỌN ĐÓ CHO PHÉP TECHCOMBANK TẬP TRUNG TOÀN BỘ NGUỒN LỰC VÀO CÁC PHÂN KHÚC KHÁCH HÀNG MÀ NGÂN HÀNG THẤY PHÙ HỢP, QUẢN TRỊ ĐƯỢC RỦI RO VÀ CHIA SẺ ĐƯỢC GIÁ TRỊ TỐT NHẤT CỦA TECHCOMBANK VỚI KHÁCH HÀNG. ▶



Thấu hiểu khách hàng

Trong năm 2017 và nhìn rộng ra 5 năm trở lại đây, một trong những thành tựu lớn nhất của Techcombank là đã xây dựng được một chiến lược rõ ràng – lấy khách hàng làm trọng tâm. Quan điểm xuyên suốt là khi khách hàng thành công thì Techcombank sẽ thành công, cán bộ nhân viên Techcombank (Techcomers) sẽ thành công, nhờ đó Techcombank sẽ đạt được mục tiêu cao hơn: Dẫn dắt đời sống tài chính và phát triển của người dân Việt Nam.

Việc này đòi hỏi mỗi Techcomer trong từng lời nói, việc làm đều phải đồng lòng, cam kết, kiên định và hành động theo mục tiêu đã đặt ra.

Không chỉ hiểu khách hàng mà yêu cầu của Techcombank còn là hiểu được khách hàng của khách hàng, tức là hệ sinh thái của khách hàng, qua đó chọn ra được những khách hàng thực sự mang lại giá trị cho người tiêu dùng cuối cùng.

Không đơn thuần là tài trợ vốn, Techcombank mang đến một giải pháp tổng thể giải quyết nhu cầu toàn diện của khách hàng.

Năm 2017, Techcombank có nhiều ví dụ thành công như vậy trong nhiệm vụ hiểu sâu sắc cấu trúc kinh doanh của khách hàng để đưa đến những giải pháp toàn diện, bao gồm giải pháp tài chính. Kết quả là số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ của Techcombank đã tăng đáng kể, với hơn 5 triệu khách hàng cá nhân; hơn 114.000 khách hàng doanh nghiệp, trong đó có gần 1.000 khách hàng doanh nghiệp lớn.

Nhưng thành tựu không chỉ là số lượng khách hàng, mà quan trọng hơn là số lượng giao dịch đã tăng mạnh mẽ. Riêng với nhóm khách hàng lớn, mức duy trì số dư thanh toán trên tài khoản tăng với tốc độ hơn 20%/năm trong 3 năm trở lại đây, có những khách hàng đã chuyển 70 - 80% giao dịch ngân hàng về Techcombank. Nhóm khách hàng SME và Upper SME có khoảng 63.000 giao dịch, chiếm khoảng 15% tổng giao dịch toàn thị trường năm 2017.

◀ **VỀ KẾT QUẢ TÀI CHÍNH, MẶC DÙ TECHCOMBANK KHÔNG PHẢI LÀ NGÂN HÀNG CÓ QUY MÔ LỚN NHẤT, NHƯNG CHÚNG TÔI TỰ HÀO LÀ MỘT NGÂN HÀNG CÓ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TỐT ĐƯỢC THỂ HIỆN QUA CÁC CHỈ SỐ VỀ HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH VƯỢT TRỘI SO VỚI MẶT BẰNG CHUNG TOÀN NGÀNH.** ▶



HƠN **5.000.000**
KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

HƠN **114.000**
KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP
TRONG ĐÓ CÓ GẦN 1.000
KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP LỚN

Chuyển đổi thành công

TỪ THÁNG 7/2017, TECHCOMBANK BƯỚC SANG GIAI ĐOẠN 2 CỦA CHƯƠNG TRÌNH CHUYỂN ĐỔI. NHÌN LẠI GIAI ĐOẠN I TRONG HAI NĂM VỪA QUA, TECHCOMBANK ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC NHIỀU

Thành tựu quan trọng

Đầu tiên phải kể đến là toàn bộ cán bộ nhân viên đã thấu hiểu chiến lược khách hàng là trọng tâm. Tiếp đó, Techcombank đã xây dựng được một văn hóa tổ chức rất mạnh, các Techcomers cùng nhìn về một hướng, cùng chuẩn mực hành vi, cùng giá trị cốt lõi. Bên cạnh đó còn có sự chuẩn bị tốt về năng lực, Techcomers bao gồm cả những lãnh đạo cao cấp đến các tầng lớp nhân viên đều có được đào tạo và trải nghiệm để đáp ứng với cách làm mới, các quyết định kinh doanh đã dựa vào phân tích, công nghệ và theo chỉ số rõ ràng.

Hiện Techcombank có rất nhiều sáng kiến đang và sẽ được thực hiện giúp cải thiện trải nghiệm của khách hàng. Điều này được phản ánh qua kết quả kinh doanh: Lợi nhuận tăng trưởng gấp đôi so với cùng kỳ, nợ xấu giảm đi đáng kể, số lượng giao dịch và thị phần khách hàng tăng mạnh...

Một kết quả khác của quá trình chuyển đổi cần được nhắc tới trong năm 2017 là khả năng phối hợp – không chỉ là sự phối hợp, hỗ trợ giữa các cá nhân trong một tập thể nhỏ, mà còn là sự phối hợp giữa các khối, phòng, ban trong toàn hệ thống. Techcombank hiểu rằng khách hàng chỉ hài lòng khi các nhu cầu được đáp ứng một cách nhanh nhất, thuận tiện nhất. Và để thực hiện được điều đó thì cần có sự chung sức từ tất cả các khối nghiệp vụ, giữa chi nhánh và Hội sở. Năm 2017, để phục vụ tốt nhất khách hàng doanh nghiệp, Techcombank đã lập ra hơn 10 nhóm làm việc với đại diện đến từ các khối khác nhau để cùng đưa ra các giải pháp phù hợp nhất cho khách hàng, thể hiện tinh thần đồng lòng cùng hướng tới mục tiêu chung.

Trong những sự thay đổi được thiết lập qua giai đoạn 1, thay đổi tư duy là khó nhất. Những hành động đúng, những thông điệp đúng và cách làm đúng, những cuộc thảo luận, các chương trình đào tạo, những buổi nói chuyện chuyên đề (leader talk)... được thực hiện liên tục từ Hội sở đến chi nhánh, giữa nhân sự mới tuyển dụng và nhân sự làm việc lâu năm. Tất cả nằm trong một kế hoạch chặt chẽ, một văn hóa tổ chức không ngừng bồi đắp đã mang lại sự thay đổi về nhận thức cho các Techcomers để cùng hướng tới giá trị cốt lõi khách hàng là trên hết.

Trong năm 2017, Techcombank đã thực hiện 2 khảo sát trong đó có một khảo sát dành cho đối tượng là chuyên viên cao cấp với khoảng 1.000 cán bộ nhân viên, và một khảo sát dành cho toàn bộ Techcomers. Kết quả khảo sát với 97% câu trả lời có tính thống nhất cao, chỉ số gắn kết cán bộ nhân viên đã tăng lên sau mỗi lần khảo sát, đã cho thấy các

Techcomers thực sự “đồng nhất, đoàn kết”, quyền lại thành một khối. Đó là thành công lớn nhất.

Trong Giai đoạn 2 của Chương trình Chuyển đổi, Techcombank sẽ tiếp tục xây dựng các nền tảng để phục vụ khách hàng, cụ thể, trong năm 2018 và các năm tới, Techcombank sẽ đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ, dữ liệu, vận hành và quản trị rủi ro.

Bên cạnh đó, năng lực đội ngũ chuyên viên khách hàng sẽ tiếp tục được nâng cao thông qua tuyển dụng, đào tạo, và trải nghiệm. Mục tiêu hướng tới việc mỗi chuyên viên khách hàng phải là một nhà tư vấn tài chính cá nhân xuất sắc, một giám đốc tài chính (CFO) xuất sắc của doanh nghiệp để giải pháp đưa ra phải giúp được khách hàng tiêu dùng đúng cách, đầu tư đúng hướng và kinh doanh thành công.

Đồng thời, hệ thống quy trình, quy định sẽ tiếp tục được cải tiến hướng tới gần với hoạt động kinh doanh khách hàng chứ không dừng lại ở quy trình nội bộ của Techcombank.

Một con tàu lớn sẽ mất thời gian hơn để xoay trở, thay đổi hải trình. Một tổ chức đủ lớn để tạo ra sự bứt phá sẽ tập trung được sức mạnh thống nhất, hợp lực của các thành viên từ cấp cao nhất đến các nhân viên bình thường. Trong giai đoạn tới, những mục tiêu đặt ra thử thách với Techcombank còn lớn hơn rất nhiều. Để đạt được thành công, mỗi Techcomer cần nỗ lực bền tâm, bền chí và kiên định cùng đi trên một hành trình dài. Đó mới là sự rèn luyện và phát triển tốt nhất, để đưa Techcombank vươn lên, bứt phá và về đích.

Hội nhập không chỉ là cơ hội

Năm 2017, kinh tế Việt Nam đạt được nhiều thành tựu với nền tảng vĩ mô ổn định, GDP tăng trưởng 6,81%, vượt kế hoạch đề ra, đa số doanh nghiệp có kết quả kinh doanh tốt, tỷ giá ổn định, lãi suất phù hợp...

◀ TẤT CẢ NHỮNG YẾU TỐ NÀY SẼ LÀ NỀN TẢNG THÀNH CÔNG TRONG NĂM 2018 VỚI NỀN KINH TẾ, HỆ THỐNG NGÂN HÀNG NÓI CHUNG VÀ TECHCOMBANK NÓI RIÊNG. ▶

Tuy nhiên, trong năm 2018 và những năm tới đây, sẽ là giai đoạn hội nhập mạnh mẽ và thực chất hơn nữa của nền kinh tế Việt Nam. Với hệ thống ngân hàng và với Techcombank, sân chơi sẽ rộng hơn và thách thức cũng lớn hơn. Quan trọng nhất, nền tảng thành công trước đó chỉ là điều kiện cần, điều kiện đủ là phải biết “quên đi” những điều đã đạt được để chuẩn bị hành trang cho giai đoạn mới với bối cảnh mới và những khát vọng mới.





THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TECHCOMBANK VỀ QUẢN TRỊ - ĐIỀU HÀNH

◀ **ĐỐI VỚI CẤP QUẢN TRỊ, CHÚNG TÔI CAM KẾT SẼ ĐẢM BẢO SỰ TỒN TẠI CỦA TỔ CHỨC, SỰ CÔNG BẰNG VỚI KHÁCH HÀNG, CBNV VÀ CÁC CỔ ĐÔNG; ĐỒNG THỜI KỂ CẢ TRONG QUÁ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH, CHÚNG TÔI VẪN ĐẢM BẢO TÍNH KINH DOANH LIÊN TỤC CŨNG NHƯ HIỆU QUẢ KINH DOANH CỦA TỔ CHỨC.** ▶



THÔNG DIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC TECHCOMBANK VỀ QUẢN TRỊ - ĐIỀU HÀNH

◀ **ĐỐI VỚI CẤP ĐIỀU HÀNH, CHÚNG TÔI CAM KẾT SẼ ĐẢM BẢO SỰ BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TỔ CHỨC.** ▶

Cơ cấu Quản trị - Điều hành của Ngân hàng Techcombank được thiết kế và áp dụng từ năm 2010 với sự tư vấn của McKinsey và hỗ trợ hướng dẫn của HSBC đã hoàn thành **sứ mệnh lịch sử** đưa Techcombank đi qua giai đoạn đặc thù của nền Kinh tế Việt Nam nói chung và Ngành Ngân hàng nói riêng trong 6 năm vừa qua.

Từ năm 2017, để chủ động tuân thủ các dự thảo điều chỉnh của Luật Tổ chức Tín dụng mới có hiệu lực từ 15/01/2018 và đảm bảo việc hội nhập quốc tế với các tiêu chuẩn ngày càng cao, Techcombank đã xác định Cơ cấu Quản trị - Điều hành là một trong những **Sáng kiến Chiến lược trọng yếu** cần được triển khai để rà soát và cập nhật để đáp ứng với sự thay đổi nhanh chóng của nền kinh tế Việt Nam cũng như khu vực và quốc tế.

Một cơ cấu quản trị - điều hành **minh bạch và hiệu quả** là điều cần thiết, trong đó thể hiện **sự tách bạch giữa cấp Quản trị - Điều hành** để các cổ đông, nhà đầu tư và bên liên quan có thể **an tâm đầu tư** và **đánh giá cao tổ chức**. Năm 2018, chúng tôi sẽ tiếp tục hoàn thiện các công việc nhằm tiếp tục đảm bảo quyền lợi của cổ đông, gia tăng hiệu quả của Hội đồng Quản trị và các ủy ban trực thuộc cấp Quản trị, và đưa cơ cấu Quản trị - Điều hành đã cập nhật vào triển khai trên toàn Ngân hàng, cũng như thực hiện các sáng kiến nhằm tăng hiệu quả hoạt động của bộ máy Quản trị - Điều hành.

Trong năm 2017, chúng tôi đã hoàn thành việc thiết kế và xây dựng mô hình Quản trị - Điều hành đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định của cơ quan chủ quản tại Việt Nam đối với một tổ chức tín dụng là công ty đại chúng, đồng thời hướng tới các chuẩn mực, thông lệ được áp dụng tại các tổ chức tín dụng và ngân hàng quốc tế hàng đầu, bao gồm:

1. Luật các Tổ chức tín Dụng tại Việt Nam
2. Luật Doanh nghiệp tại Việt Nam
3. Các quy định về niêm yết chứng khoán tại Việt Nam
4. Các nguyên tắc quản trị công ty của G20/OECD
5. Các nguyên tắc Quản trị - Điều hành đối với Ngân hàng theo Basel

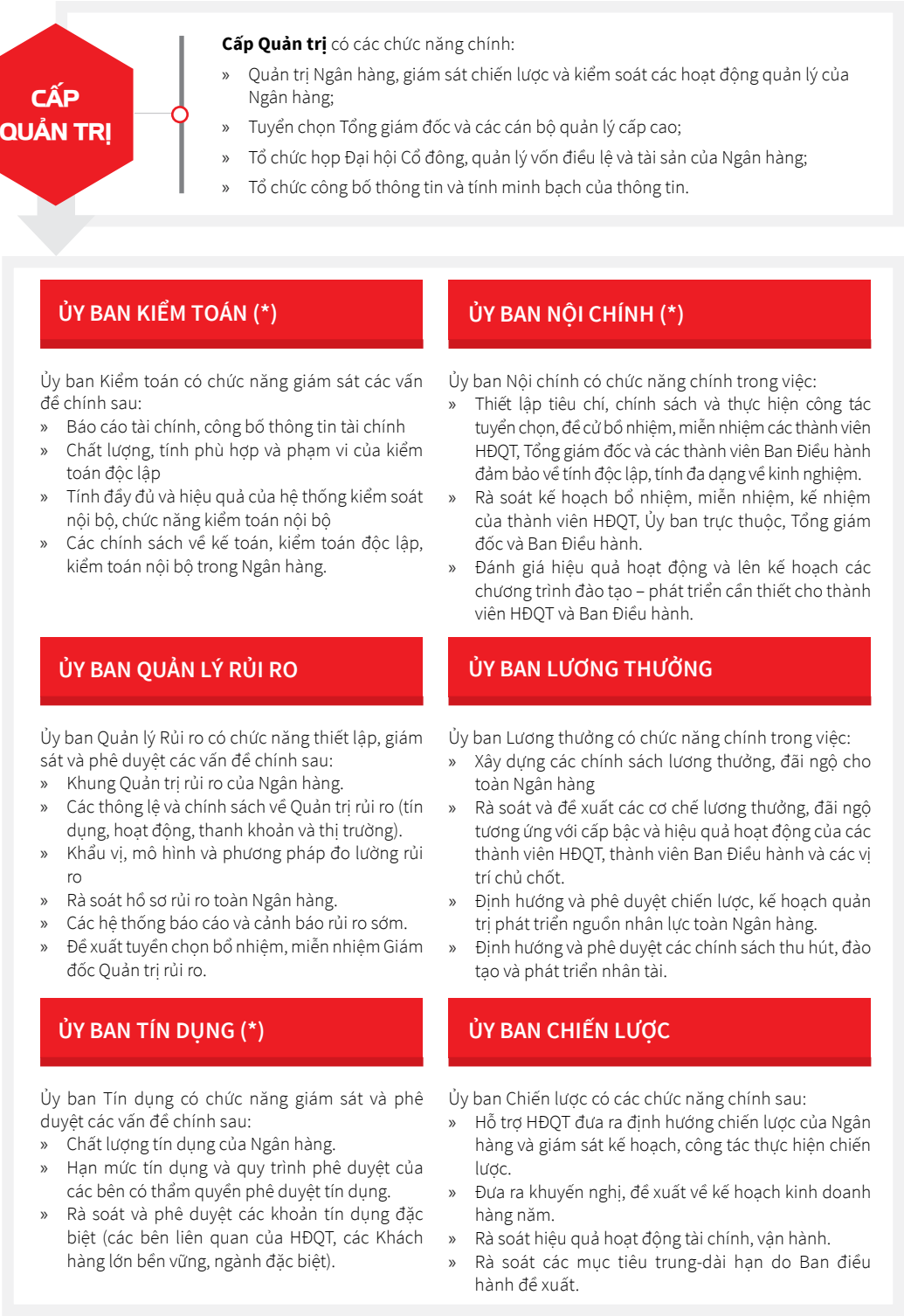
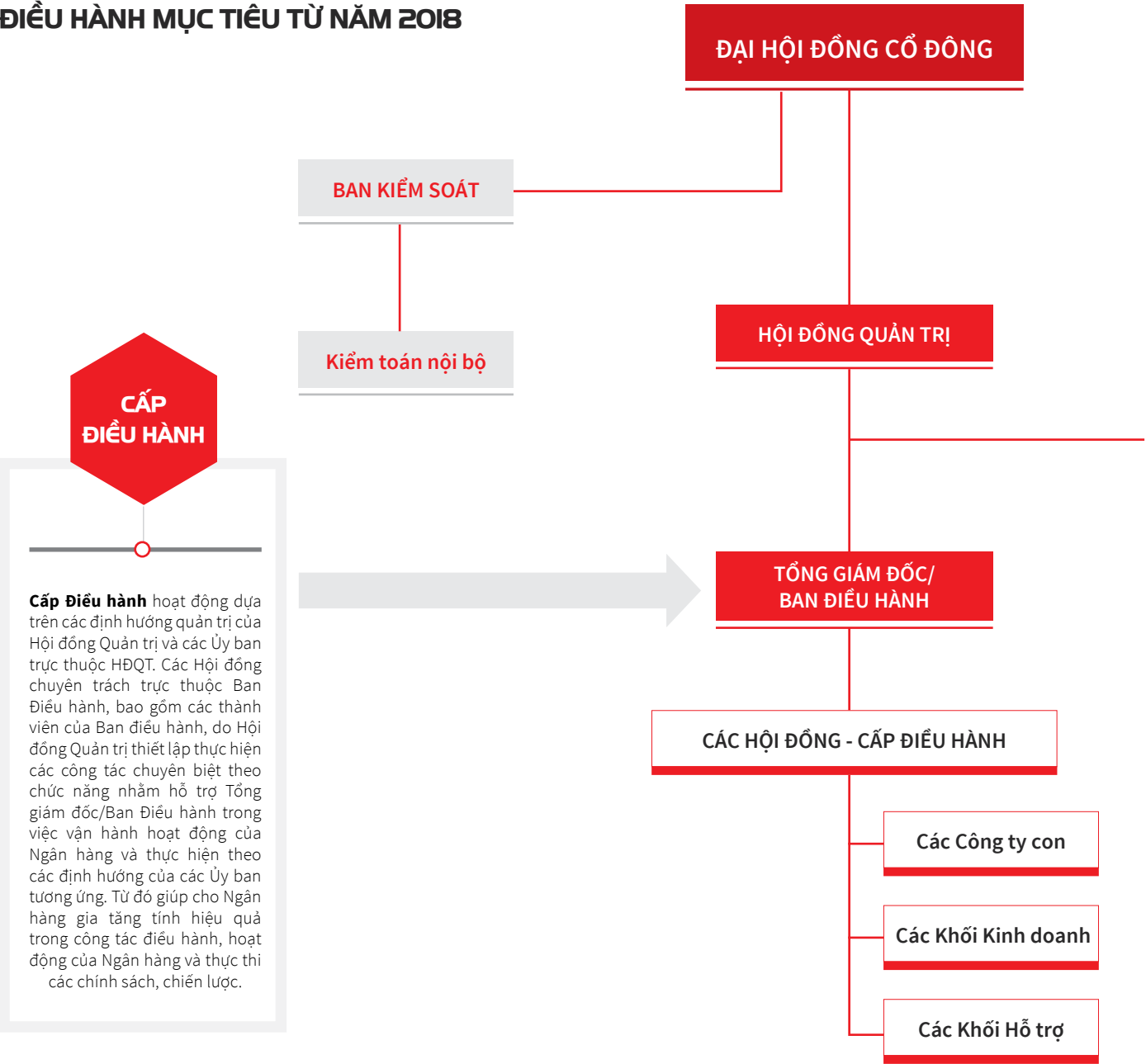
Để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng theo mục tiêu chiến lược và tầm nhìn của Techcombank, việc cập nhật cơ cấu Quản trị - Điều hành không chỉ để củng cố vị trí là Ngân hàng dẫn đầu tại thị trường Việt Nam mà còn hướng tới việc cạnh tranh tại các thị trường trong khu vực. Năm 2018, chúng tôi sẽ tiếp tục hoàn thiện các công việc liên quan đến thực thi và ứng dụng mô hình đã thiết kế vào thực tiễn hoạt động Quản trị - Điều hành tại Techcombank. Trong đó, cấp Điều hành bao gồm Ban Điều hành và các Hội đồng trực thuộc cấp Điều hành sẽ gia tăng **hiệu quả hoạt động điều hành**, đảm bảo **kết quả kinh doanh** cũng như **tối ưu hóa các nguồn lực** của tổ chức.

CƠ CẤU QUẢN TRỊ -
ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG

Cơ cấu Quản trị - Điều hành mới của Techcombank
sẽ được phân tách rõ ràng và minh bạch giữa:



CƠ CẤU QUẢN TRỊ -
ĐIỀU HÀNH MỤC TIÊU TỪ NĂM 2018



(*): Sẽ được đưa vào áp dụng trong thời gian tới

Hiện tại Techcombank đang tiếp tục triển khai các công việc cần thiết để đưa Mô hình trên vào ứng dụng thực tiễn trong hoạt động Quản trị - Điều hành của Ngân hàng.

Ủy Ban Tín dụng được thiết lập với mục tiêu tăng cường các chức năng về tín dụng của Ngân hàng trong trung hạn. Trong dài hạn, Ủy ban Tín dụng sẽ được tích hợp vào chức năng của Ủy ban Quản lý Rủi ro.

QUẢN TRỊ XUẤT SẮC

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



◀ Ông **HỒ HÙNG ANH**
Chủ tịch

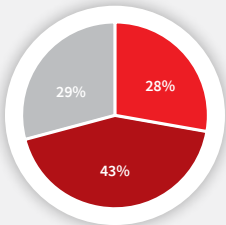
Ông Hồ Hùng Anh là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Techcombank từ tháng 05/2008 đến nay. Ông bắt đầu tham gia quản trị Ngân hàng từ năm 2004 và trước đó đã có kinh nghiệm quản trị nhiều năm tại các tổ chức lớn, trong đó có tập đoàn Masan.

Ông tốt nghiệp Kỹ sư Điện Kỹ thuật tại trường Đại học Bách khoa Kiev, Ucraina.

1 Thành viên HĐQT độc lập

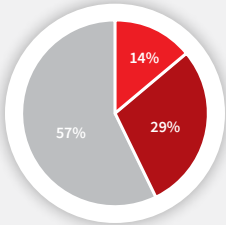
5 Thành viên HĐQT không điều hành

1 Thành viên HĐQT điều hành



ĐỘ TUỔI

● Dưới 50 tuổi **28%**
● 51 - 60 tuổi **43%**
● 61 - 70 tuổi **29%**



THỜI GIAN THAM GIA HĐQT

● Dưới 5 năm **14%**
● 5 - 7 năm **29%**
● trên 7 năm **57%**



◀ Ông **NGUYỄN ĐĂNG QUANG**
Phó chủ tịch thứ nhất

Ông Nguyễn Đăng Quang là Phó Chủ tịch thứ nhất HĐQT Techcombank từ tháng 4/2016 đến nay. Trước đó, ông đóng vai trò thành viên HĐQT Techcombank từ tháng 5/2014 đến tháng 3/2016 và Phó Chủ tịch thứ nhất từ tháng 5/2008 đến tháng 4/2014. Trước khi tham gia HĐQT, ông Nguyễn Đăng Quang đã có hơn 20 năm kinh nghiệm điều hành và quản trị ở nhiều vị trí quản lý khác nhau tại Techcombank từ năm 1995, cũng như với tư cách thành viên HĐQT tại tập đoàn Masan. Ông tốt nghiệp Tiến sĩ Khoa học Công nghệ tại Học viện Khoa học Quốc gia Belarus và Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh (MBA) của Đại học Kinh tế Nga Plekhanov.

Ông **NGUYỄN THIẾU QUANG**
Phó Chủ tịch

Ông Nguyễn Thiệu Quang tham gia HĐQT từ năm 1999 và là Phó Chủ tịch HĐQT Techcombank từ tháng 5/2008 tới nay. Ông Nguyễn Thiệu Quang có kinh nghiệm điều hành phong phú và từng nắm giữ nhiều vị trí quan trọng tại các tổ chức lớn như tập đoàn Masan, Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex và Công ty Cổ phần Môi trường và Xây dựng Sài Gòn - Senco. Ông tốt nghiệp Kiến trúc sư - Kỹ sư mỏ tại trường Đại học Bách khoa Donhetsk, Ucraina (nay là Đại học Kỹ thuật Quốc gia Donetsk).



Ông **ĐỖ TUẤN ANH**
Phó Chủ tịch kiêm Phó Tổng giám đốc

Ông Đỗ Tuấn Anh là thành viên HĐQT Techcombank từ tháng 12/2012 và là Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Techcombank từ tháng 6/2015. Ông Đỗ Tuấn Anh từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Techcombank như: Phó Trưởng phòng Vụ Hợp tác Quốc tế, Trưởng phòng Thanh tra Ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước, Trợ lý cao cấp cho HĐQT và Giám đốc Khối Chiến lược và Phát triển ngân hàng Techcombank. Ông tốt nghiệp Cử nhân Ngoại ngữ tại Đại học Ngoại ngữ Hà Nội và Thạc sỹ Quản lý tài sản đầu tư tại Đại học Tổng hợp Quản lý Singapore.



◀ Ông **LEE BOON HUAT**
Thành viên

Ông Lee Boon Huat là thành viên HĐQT độc lập Techcombank tháng 12/2012 đến tháng 4/2014 và là Thành viên HĐQT từ tháng 5/2014 đến nay. Trước khi gia nhập Techcombank, ông từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại các tổ chức tài chính lớn: Ủy ban tiền tệ Singapore, Ngân hàng HSBC, Ngân hàng Thương mại Hoàng gia Canada, Ngân hàng Hóa học và Ngân hàng Standard Chartered. Ông tốt nghiệp Cử nhân ngành Kế toán tại Viện Công nghệ Tây Australia (nay là Đại học Curtin).



Ông **NGUYỄN ĐOAN HÙNG**
Thành viên độc lập

Ông Nguyễn Doan Hùng là thành viên HĐQT độc lập Techcombank từ tháng 5/2014. Ông đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý: Trưởng Ban Nghiên cứu và Phát triển thị trường vốn, Chánh Văn phòng Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối. Ngoài ra, ông cũng từng là Giám đốc dự khuyết Ngân hàng Thế giới, Phó Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Ông tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Anh văn tại trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội và Thạc sỹ về Quản lý tài chính tại trường Đại học Luân Đôn (Anh).

THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP ⁽¹⁾

Thành viên HĐQT độc lập phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- » Không phải là người đang làm việc cho chính tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó hoặc đã làm việc cho chính tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó trong 03 năm liên kế trước đó;
- » Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của tổ chức tín dụng ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- » Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của tổ chức tín dụng, người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng;
- » Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng;
- » Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liên kế trước đó.

Thành viên HĐQT độc lập đồng thời được hiểu là thành viên HĐQT độc lập không điều hành (Independent Non Executive Director) theo thông lệ Quốc tế.

THÀNH VIÊN HĐQT KHÔNG ĐIỀU HÀNH ⁽²⁾

» Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

THÀNH VIÊN HĐQT ĐIỀU HÀNH ⁽³⁾

» Thành viên Hội đồng Quản trị điều hành là thành viên Hội đồng Quản trị đồng thời nắm giữ một vị trí điều hành trong công ty, đó là các vị trí: Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán Trưởng, Thành viên Ban giám đốc Điều hành.

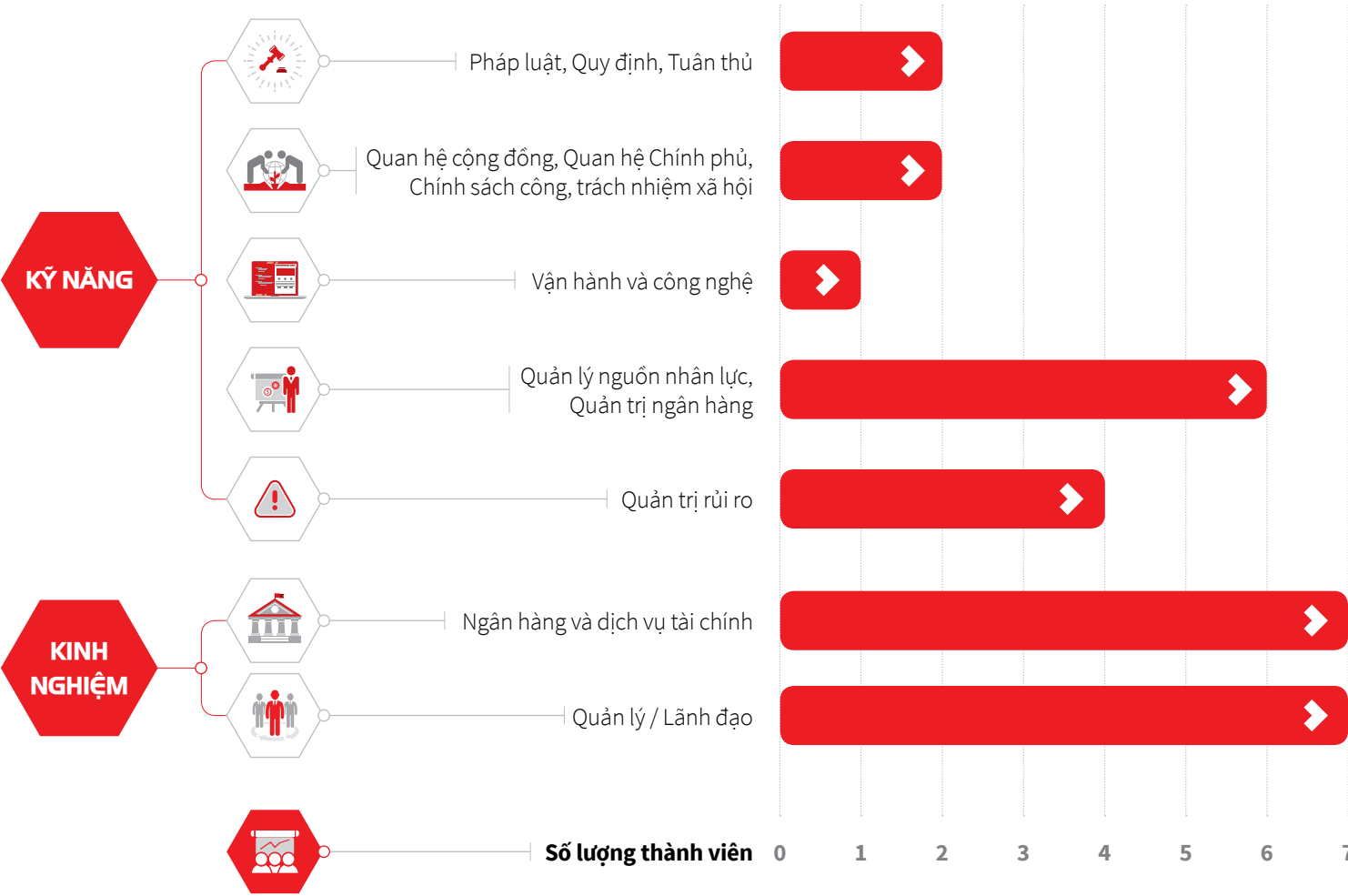
» Thành viên Hội đồng Quản trị điều hành không thể là thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Nguồn:

Điểm (1) và (2) được căn cứ theo Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12 và Nghị định Hướng dẫn về Quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng số 71/2017/NĐ-CP.

Điểm (3) được tham chiếu theo các thông lệ Quốc tế như: Các Quy tắc về Quản trị - Điều hành của Ủy ban Basel về Giám sát hoạt động Ngân hàng (BCBS 328) và Cẩm nang Quản trị công ty tại Việt Nam của Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC).

KỸ NĂNG, KINH NGHIỆM CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



QUẢN TRỊ XUẤT SẮC
GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



Ông **HOÀNG HUY TRUNG**
Trưởng Ban Kiểm soát
kiêm thành viên chuyên trách

Ông Hoàng Huy Trung đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng và đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Techcombank. Từ tháng 12/2012 đến nay, ông Hoàng Huy Trung là Trưởng Ban kiểm soát kiêm thành viên chuyên trách.

Ông tốt nghiệp Thạc sĩ kinh tế chuyên ngành ngân hàng tại Trường Đại học kinh tế quốc dân và Cử nhân kinh tế chuyên ngành tài chính ngân hàng tại Học Viện Tài chính.



Bà **NGUYỄN THU HIẾN**
Thành viên chuyên trách

Bà Nguyễn Thu Hiến tham gia hoạt động trong lĩnh vực kế toán và kiểm soát tại Ngân hàng từ năm 1999. Từ tháng 04/2010 đến 20/12/2012, bà là Trưởng Ban Kiểm soát kiêm thành viên chuyên trách Techcombank. Kể từ ngày 21/12/2012 đến nay, bà là thành viên chuyên trách của Ban kiểm soát.

Bà tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Tài chính Tín dụng tại Liên Bang Nga.



Bà **BUI THỊ HỒNG MAI**
Thành viên

Bà Bùi Thị Hồng Mai có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính kế toán. Từ tháng 04/2010 đến 20/12/2012, bà là thành viên chuyên trách Ban kiểm soát Techcombank. Từ 21/12/2012 đến nay, bà là thành viên Ban kiểm soát Techcombank.

Bà tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Kế toán.



Ông **MAG REC SOC OEC ROMAUCH HANNES**
Thành viên

Ông Mag Rer Soc Oec Romauch Hannes có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và đảm nhiệm các vị trí quản lý quan trọng tại các tổ chức tài chính, doanh nghiệp lớn. Từ tháng 4/2012 đến nay, Ông Mag Rer Soc Oec Romauch Hannes là thành viên Ban kiểm soát Techcombank.

Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh chuyên ngành Tài chính, ngân hàng và Tiếp thị - Đại học Klagenfurt.

QUẢN TRỊ XUẤT SẮC
GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



Ông **NGUYỄN LÊ QUỐC ANH**
Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Lê Quốc Anh được bổ nhiệm làm Giám đốc Khối Chiến lược & Phát triển Ngân hàng của Techcombank từ tháng 5/2015, và được giao kiêm nhiệm Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành từ cuối tháng 1/2016.

Ông chính thức được bổ nhiệm Tổng Giám đốc Techcombank từ tháng 9/2016. Trước khi gia nhập Techcombank, ông đã có hơn 20 năm kinh nghiệm và từng được giao phụ trách các vị trí cao cấp: Giám đốc Chiến lược đầu tư, Giám đốc Phát triển dự án tại các tổ chức toàn cầu T-Mobile US, Wells Fargo Bank, Nissan USA, Fortress Investment/Transmarket Group, McKinsey & Company.

Ông tốt nghiệp Tiến sĩ chuyên ngành Kỹ sư Hạt nhân tại Đại học Purdue (Mỹ) và Thạc sĩ chuyên ngành Kinh tế lượng tại Đại học bang California, East Bay (Mỹ).



Ông **ĐỖ TUẤN ANH**
Phó Chủ tịch HĐQT
kiêm Phó Tổng giám đốc

Ông Đỗ Tuấn Anh là thành viên HĐQT Techcombank từ tháng 12/2012 và là Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Techcombank từ tháng 6/2015.

Ông Đỗ Tuấn Anh từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Techcombank như: Phó Trưởng phòng Vụ Hợp tác Quốc tế, Trưởng phòng Thanh tra Ngân hàng – Ngân hàng Nhà nước, Trợ lý cao cấp cho HĐQT và Giám đốc Khối Chiến lược và Phát triển ngân hàng Techcombank.

Ông tốt nghiệp Cử nhân Ngoại ngữ tại Đại học Ngoại ngữ Hà Nội và Thạc sĩ Quản lý tài sản đầu tư tại Đại học Tổng hợp Quản lý Singapore.



Ông **LÊ BÁ DŨNG**
Giám đốc Khối Quản trị rủi ro

Ông Lê Bá Dũng được bổ nhiệm làm Giám đốc Khối Quản trị rủi ro của Techcombank từ ngày 01/09/2015. Ông đồng thời là thành viên Ủy ban Kiểm toán và Rủi ro (ARCO) của Techcombank. Ông có gần 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

Trước khi gia nhập Techcombank, ông từng nắm giữ nhiều vị trí cao cấp trong lĩnh vực quản trị rủi ro: Giám đốc Khối Quản trị rủi ro của Ngân hàng ACB, Giám đốc Toàn cầu Quản trị Rủi ro Mua bán & Sáp nhập thuộc Khối Ngân hàng Bán lẻ, Ngân hàng Standard Chartered, Giám đốc Điều hành và Giám đốc Khối Quản lý rủi ro của GE Capital Châu Á Thái Bình Dương mảng Tài chính Thương mại Y tế.

Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Quan hệ Quốc tế tại Đại học Georgetown (Mỹ) và Thạc sĩ ngành Kỹ sư Điện tại Đại học New York (Mỹ).



Ông **PHÙNG QUANG HƯNG**
Giám đốc Khối Bán hàng và
Kênh phân phối

Ông Phùng Quang Hưng được bổ nhiệm làm Giám đốc Khối Bán hàng và Kênh phân phối từ tháng 11/2014. Trước đó, ông đảm nhiệm vị trí Giám đốc Khối Vận hành và Công nghệ Techcombank từ tháng 9/2010. Trong hơn 15 năm làm việc, ông Hưng từng giữ nhiều vị trí khác nhau ở nhiều ngân hàng quốc tế như Giám đốc Khối Vận hành và Công nghệ tại Ngân hàng ABN AMRO Việt Nam; Business partner tại Ngân hàng National Australia, London.

Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế quốc tế của Đại học Washington State (Mỹ) và Cử nhân ngành Công nghệ thông tin tại Đại học Bách khoa Hà Nội.



Bà **TRẦN THỊ MINH LAN**
Giám đốc Khối Chiến lược và
Phát triển ngân hàng

Bà Trần Thị Minh Lan được bổ nhiệm giữ cương vị Giám đốc Khối Chiến lược và Phát triển Ngân hàng từ tháng 08/2017, chịu trách nhiệm xây dựng và triển khai chiến lược cho toàn Ngân hàng.

Bà có hơn 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng và từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại Techcombank: Phó Giám đốc Khối Chiến lược, Phó Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro, Giám đốc Giám sát Tín dụng.

Bà tốt nghiệp Thạc sĩ Quản lý Tài chính Kế toán tại Đại học Berlin (Đức) và Cử nhân Tài chính Ngân hàng tại Học viện Ngân hàng.



Ông **TRỊNH BẰNG**
Giám đốc Tài chính Tập đoàn

Ông Trịnh Bằng được bổ nhiệm làm Giám đốc Tài chính Tập đoàn từ tháng 01/2018. Ông có hơn 23 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng toàn cầu với vai trò lãnh đạo cấp cao tại các Tập đoàn lớn, đặc biệt trong đó bao gồm 18 năm tại Morgan Stanley (New York, Singapore) và gần đây nhất là làm Cố vấn cao cấp và Giám đốc điều hành toàn Việt Nam và Philippines.

Ông Trịnh Bằng tốt nghiệp Cử nhân ngành Kỹ sư hệ thống, Đại học Virginia (Mỹ).



Ông **CHESTER GORSKI**
Giám đốc Khối Vận hành và Công nghệ

Ông Chester Gorski gia nhập Techcombank với vị trí Giám đốc Khối Vận hành & Công nghệ từ tháng 2/2016. Ông có trên 25 năm kinh nghiệm và từng giữ nhiều vị trí quản lý cấp cao tại các tổ chức tư vấn, các ngân hàng và định chế tài chính hàng đầu tại Mỹ: PwC, McKinsey, Sallie Mae, Aon và Wells Fargo.

Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA) tại Đại học Chicago (Mỹ).



Bà **NGUYỄN THỊ VÂN ANH**
Giám đốc Khối Tiếp thị

Bà Nguyễn Thị Vân Anh gia nhập Techcombank vào tháng 11/2014. Bà được bổ nhiệm làm Quyền Giám đốc Khối Tiếp thị vào tháng 11/2015 và chính thức đảm nhiệm vị trí Giám đốc Khối Tiếp thị từ tháng 06/2016. Trước khi gia nhập Techcombank, bà từng đảm nhận vị trí Giám đốc Marketing tại các tập đoàn lớn trong và ngoài nước như tập đoàn Vingroup, BP Việt Nam và British American Tobacco Vietnam (BAT).

Bà tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA) tại Đại học Westminster (Anh) và Thạc sĩ chuyên ngành Marketing tại Đại học Công nghệ Swinburne (Australia).



Ông **PHAN THANH SƠN**
Giám đốc Chuyển đổi
Khối Ngân hàng giao dịch

Ông Phan Thanh Sơn gia nhập Techcombank với vị trí Giám đốc Khối Nguồn vốn và Thị trường tài chính từ tháng 1/2011.

Trước đó, ông từng giữ nhiều chức vụ về Quản lý Thị trường Toàn cầu tại các ngân hàng Standard Chartered Việt Nam, Citibank Việt Nam, Citigroup Global Markets Ltd. Hongkong. Trước khi bắt đầu làm việc tại Techcombank, ông từng là Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Tiên Phong.

Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân (Việt Nam).



Ông **CHUNG BÁ PHƯƠNG**
Giám đốc Khối Bảo hiểm

Ông Chung Bá Phương được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc Khối Bảo hiểm từ tháng 8/2017. Ông có hơn 24 năm kinh nghiệm trong việc xây dựng và mở rộng kinh doanh bảo hiểm tài các Tập đoàn bảo hiểm lớn như Generali (Châu Âu), Manulife (Canada), American International Group (Mỹ) và cố vấn tại Towers Perrin (Willis Towers Watson). Gần đây nhất trước khi gia nhập Techcombank, ông Phương nắm giữ chức vụ Giám đốc Điều hành – Tổng giám đốc của Generali Hong Kong

Ông tốt nghiệp Cử nhân ngành Thương mại (Hons.), Đại học Manitoba (Canada) và là thành viên của các Hiệp hội Chuyên gia Định phí Bắc Mỹ và Canada (FCIA, FSA, MAAA).



Bà **LÊ THỊ BÍCH PHƯƠNG**
Giám đốc Khối Dịch vụ ngân hàng & Tài chính cá nhân

Bà Lê Thị Bích Phương được bổ nhiệm chức vụ Quyền Giám đốc Khối Dịch vụ ngân hàng & Tài chính cá nhân vào tháng 9/2015 và chính thức đảm nhiệm vị trí Giám đốc Khối từ tháng 6/2016. Bà có hơn 13 năm kinh nghiệm làm việc tại Techcombank ở nhiều vị trí quản lý ở Khối Bán hàng và Kênh phân phối như Giám đốc Khu vực, Giám đốc Vùng và Giám đốc Khối Bán hàng và Kênh phân phối miền Nam.

Bà tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế đối ngoại tại Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội.



Ông **NGUYỄN XUÂN MINH**
Giám đốc Khối Ngân hàng đầu tư

Ông Nguyễn Xuân Minh được bổ nhiệm giữ cương vị Giám đốc khối Ngân hàng đầu tư – Chủ tịch Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương từ tháng 10/2013. Ông đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư và quản lý quỹ. Ông từng là CEO của Vietnam Asset Management Ltd. và Phó Chủ tịch cao cấp của Franklin Templeton Investments tại Singapore.

Ông tốt nghiệp Thạc sỹ Tài chính ứng dụng và đầu tư tại Úc và Thạc sỹ Kỹ thuật dầu khí tại Liên Bang Nga.



Ông **PHẠM QUANG THẮNG**
Giám đốc Khối Tuân thủ và Pháp chế

Ông Phạm Quang Thắng được bổ nhiệm vị trí Giám đốc Khối Tuân thủ, Quản trị rủi ro hoạt động và Pháp chế từ tháng 1/2014. Trước đó, ông từng giữ nhiều chức vụ quan trọng: Kế toán trưởng Ngân hàng; Giám đốc Trung tâm quản lý nguồn vốn; Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kế toán tài chính, Kế hoạch và chiến lược, Giám đốc Khối Khách hàng doanh nghiệp và Giám đốc Khối Phê duyệt tín dụng.

Ông tốt nghiệp Thạc sỹ chuyên ngành Kế toán quốc tế tại trường Đại học Công nghệ Swinburne (Úc).



Ông **VISHAL SHAH**
Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp

Ông Vishal Shah được bổ nhiệm làm Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp từ tháng 3/2018. Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm tại các tổ chức hàng đầu với kỹ năng chuyên môn trong các lĩnh vực ngân hàng thương mại, ngân hàng bán lẻ và dịch vụ tư vấn tài chính. Ông đã từng nắm giữ các vị trí quản lý chủ chốt tại Standard Chartered Bank (Singapore, Ấn Độ, và các Tiểu Vương quốc Ả rập). Ông cũng đã từng nắm giữ các vị trí tư vấn tại Ernst & Young và KPMG.

Ông tốt nghiệp Cử nhân Thương mại tại trường Thương mại và Kinh tế HR, Đại học Mumbai (Ấn Độ). Ông đã có chứng chỉ ACA và CWA.



Ông **ASHISH SHARMA**
Giám đốc Văn phòng Chuyển đổi

Ông Ashish Sharma được bổ nhiệm làm Giám đốc Văn phòng Chuyển đổi từ tháng 6/2017. Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm trong việc xây dựng và phát triển nền tảng Ngân hàng doanh nghiệp và chiến lược ngân hàng với vai trò lãnh đạo. Ông từng nắm giữ chức vụ Giám đốc/Giám đốc điều hành tại các tổ chức, Ngân hàng lớn như: Ngân hàng Standard Chartered, McKinsey and Company, The Goldman Sachs Group, INC,vv.

Ông tốt nghiệp Cử nhân ngành Khoa học máy tính và kỹ thuật, Viện Công nghệ Massachusetts (Mỹ) và bằng MBA lĩnh vực tài chính, Đại học New York (Mỹ).



Bà **PHẠM VŨ MINH ĐAN (ALEXIS)**
Giám đốc Khối Quản trị nguồn nhân lực

Bà Phạm Vũ Minh Đan (Alexis) được bổ nhiệm làm Giám đốc Khối Quản trị nguồn nhân lực từ tháng 1/2015. Trước đó, bà có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý nhân sự ở tập đoàn đa quốc gia British American Tobacco (BAT) và từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng trong mảng Quản trị Nguồn nhân lực trong nước cũng như trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương, trong đó có vị trí Giám đốc Nhân tài khu vực châu Á – Thái Bình Dương.

Bà tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Nanyang (Singapore).



Ông **VŨ MINH TRƯỜNG**
Giám đốc Khối Nguồn vốn và Thị trường tài chính

Ông Vũ Minh Trường được bổ nhiệm làm Giám đốc Khối Nguồn vốn và Thị trường tài chính từ tháng 1/2017. Ông đã có hơn 20 năm kinh nghiệm tại các vị trí quản lý cấp cao tại các ngân hàng quốc tế lớn như ABN AMRO, HSBC, ANZ and Standard Chartered và 5 năm gần đây ông làm việc tại VPBank và TPBank với vị trí Phó Tổng giám đốc.

Ông tốt nghiệp cử nhân Quản trị kinh doanh tại trường Đại học Kỹ thuật Berlin (Đức).



Bà **NGUYỄN HƯƠNG GIANG**
Giám đốc Khối Ngân hàng giao dịch

Bà Nguyễn Hương Giang được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc Ngân hàng giao dịch từ tháng 7/2017. Bà đã có hơn 25 năm làm việc tại các Ngân hàng quốc tế hàng đầu như ANZ và Citibank. Bà từng đảm nhận các vị trí quản lý như Giám đốc Dịch vụ Khách hàng và tích hợp giải pháp, Giám đốc Bán hàng và phát triển sản phẩm của Khối Ngân hàng giao dịch, và Giám đốc Giải pháp dịch vụ qua kênh điện tử ASEAN.

Bà tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Ngôn ngữ tại Đại học Quốc Gia, Hà Nội (Việt Nam).



Ông **CHAN JONATHAN CHUNG MING**
Giám đốc Chuyển đổi Khối Dịch vụ Ngân hàng và Tài chính cá nhân

Ông Chan Jonathan Chung Ming được bổ nhiệm làm Giám đốc Chuyển đổi Khối Dịch vụ Ngân hàng và Tài chính cá nhân từ tháng 12/2017. Ông có hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng tại Châu Á và Mỹ. Gần đây trước khi gia nhập Techcombank, ông từng nắm giữ các vị trí Giám đốc điều hành tại Fu An Investments, QBE Mortgage Insurance, và PMI Mortgage Insurance (Hong Kong). Ông cũng từng nắm giữ các vị trí chủ chốt về rủi ro và tài chính tại GE Commercial Finance and GE Capital.

Ông tốt nghiệp Cử nhân ngành Kinh tế, Đại học California, Los Angeles (Mỹ).



Bà **PHAN THỊ THANH BÌNH**
Giám đốc Chuyển đổi Khối Ngân hàng bán buôn

Bà Phan Thị Thanh Bình được bổ nhiệm làm Giám đốc Chuyển đổi Khối Ngân hàng bán buôn từ tháng 7/2017. Bà có hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc tại Ngân hàng ANZ, trải qua nhiều vị trí khác nhau như Giám đốc khối Nguồn vốn và Thị trường tài chính của ANZ và Quyền Tổng giám đốc của ANZ (Việt Nam), thành viên Hội đồng quản trị của ANZ (Việt Nam, Campuchia, và Lào) và Chủ tịch HĐQT của ANZ (Lào)

Bà tốt nghiệp Thạc sĩ tại Trường Đại học Libre de Bruxelles (Bỉ).



Bà **PHAN THỊ HẢI YẾN**
Phó Giám đốc Khối Ngân hàng bán buôn

Bà Phan Thị Hải Yến được bổ nhiệm làm Phó Giám đốc Khối Ngân hàng bán buôn từ tháng 03/2017. Bà có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, nắm giữ nhiều vị trí quản lý tại Techcombank như Giám đốc Trung tâm phát triển sản phẩm Miền Bắc, Giám đốc Khách hàng doanh nghiệp chiến lược Miền Bắc.

Bà tốt nghiệp trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội (Việt Nam).

Mô hình kinh doanh hiệu quả

MỖI TECHCOMER GIỜ ĐÂY KHI ĐẾN VỚI KHÁCH HÀNG ĐỀU MANG TÂM THẾ CHỦ ĐẠO LÀ HƯỚNG TỚI GIÁ TRỊ ĐEM LẠI CHO KHÁCH HÀNG, KHÁCH HÀNG CẦN GÌ ĐỂ ĐẠT ĐƯỢC THÀNH CÔNG, VÀ LÀM THẾ NÀO ĐỂ TECHCOMBANK ĐỒNG HÀNH VÀ HỖ TRỢ KHÁCH HÀNG TRÊN CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN.

TRONG GIAI ĐOẠN 2016 - 2020, TECHCOMBANK XÂY DỰNG MÔ HÌNH KINH DOANH VỚI

7

CẤU PHẦN, TRONG ĐÓ LẤY KHÁCH HÀNG LÀM TRUNG TÂM VÀ 6 NĂNG LỰC CỐT LÕI XOAY QUANH ĐỂ ĐÁP ỨNG NHU CẦU TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN CỦA KHÁCH HÀNG.

Năm 2017, khi mà nhiều ngân hàng đẩy mạnh tăng trưởng về quy mô thì Techcombank lại chú trọng vào chất lượng tăng trưởng, với mô hình kinh doanh hiệu quả, bền vững, tối ưu hóa giá trị sinh lời trên mỗi đồng vốn đầu tư, đồng thời mang đến cho khách hàng dịch vụ vượt trội, trải nghiệm xứng tầm thông qua sự hỗ trợ của nền tảng công nghệ hiện đại. Nhờ đó, Techcombank đã đạt hiệu quả vượt trội, với doanh thu và lợi nhuận đứng trong nhóm các ngân hàng dẫn đầu thị trường.

Thay đổi tư duy là kết quả nổi bật sau quá trình triển khai chiến lược giai đoạn 1, mỗi Techcomer giờ đây khi đến với khách hàng đều mang tâm thế chủ đạo là hướng tới giá trị đem lại cho khách hàng, khách hàng cần gì để đạt được thành công, và làm thế nào để Techcombank đồng hành và hỗ trợ khách hàng trên chặng đường phát triển – lúc biến động khó khăn cũng như khi gặt hái thành công.

Để triển khai mô hình kinh doanh hiệu quả, chúng tôi đã từng bước xây dựng và hoàn thiện năng lực am hiểu khách hàng, xây dựng giải pháp - phát triển sản phẩm dựa trên nhu cầu của khách hàng, cấu trúc và tổ chức bán hàng hợp lý. Qua đó, từng bước giải quyết được nhu cầu tài chính của mỗi khách hàng, cung cấp các gói giải pháp toàn diện thay vì những sản phẩm riêng lẻ.

Từ việc thấu hiểu nhu cầu của khách hàng, Techcombank hướng tới mục tiêu giảm thiểu rủi ro cho khách hàng thông qua việc củng cố khung quản trị rủi ro, xây dựng văn hóa giúp khách hàng kiểm soát rủi ro và tư vấn cho khách hàng định hướng kinh doanh vào những lĩnh vực, ngành hàng mà Techcombank tin rằng đó là nơi có mức độ thành công cao. Từ đó, giúp giảm rủi ro cho khách hàng và cũng là giảm rủi ro cho Techcombank, tăng khả năng thành công cho khách hàng và tăng thành công cho Ngân hàng. Với giá trị vượt trội mà Techcombank mang lại, khách hàng ngày càng hài lòng, yêu mến và gia tăng mức độ sử dụng các sản phẩm, dịch vụ của Ngân hàng.

Trong năm 2018 và giai đoạn tiếp theo, Techcombank sẽ tiếp tục triển khai chương trình chuyển đổi để làm sâu sắc thêm sự am hiểu khách hàng, đồng thời xây dựng năng lực vượt trội về công nghệ, nhân sự và quản trị rủi ro, qua đó, Techcombank sẽ trở thành một tổ chức có nền tảng kinh doanh dựa trên công nghệ, với hệ thống vận hành tập trung trên nền tảng công nghệ số, đội ngũ nhân sự và hệ thống quản trị rủi ro vượt trội, xứng đáng với các năng lực cần thiết của một ngân hàng dẫn đầu tại Việt Nam vào năm 2020, nơi khách hàng có thể đặt trọn niềm tin.

NỀN TẢNG CÔNG NGHỆ SỐ

ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ

HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO VƯỢT TRỘI





**MỘT TRONG NHỮNG CHÌA KHÓA
GIÚP MANG ĐẾN CHO KHÁCH
HÀNG TRẢI NGHIỆM SẢN PHẨM,
DỊCH VỤ TỐT NHẤT TẠI TẤT CẢ
NHỮNG NƠI TECHCOMBANK CÓ
MẶT LÀ VĂN HÓA**

TUÂN THỦ

**VÀ CAM KẾT CHẤT LƯỢNG ĐỒNG BỘ,
CHUẨN MỰC ĐƯỢC THIẾT LẬP TRONG
TECHCOMBANK VÀ LAN TỎA TỚI TỪNG
CẤP CÁN BỘ NHÂN VIÊN.**

Với vị thế dẫn đầu trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng tại Việt Nam, từ nhiều năm qua, Techcombank luôn coi tuân thủ, trách nhiệm, chuẩn mực là những yếu tố không thể thiếu trong các hoạt động của Ngân hàng, là cơ sở để tạo dựng niềm tin cho khách hàng và nhà đầu tư, đem lại sự an toàn và bền vững cho tổ chức. Ngân hàng xác định một trong những chìa khóa mang đến cho khách hàng những trải nghiệm tốt nhất là văn hóa tuân thủ và cam kết chất lượng đồng bộ, chuẩn mực được thiết lập trong Techcombank và lan tỏa tới từng cấp cán bộ nhân viên.

Đặt mục tiêu mang lại sự an tâm tuyệt đối cho khách hàng, chúng tôi luôn chú trọng đến từng hoạt động kiểm soát tuân thủ, thông qua việc xây dựng, triển khai các công cụ quản trị, kiểm soát tại các đơn vị kinh doanh, triển khai các chương trình đào tạo giúp nâng cao ý thức, năng lực tuân thủ và đạo đức nghề nghiệp của mỗi cán bộ nhân viên trong việc xử lý giao dịch khách hàng. Tại Techcombank, các giải pháp mang đến cho khách hàng được thiết kế dựa trên sự song hành giữa các khối kinh doanh và các khối rủi ro, kiểm soát, tuân thủ nhằm đáp ứng các nhu cầu khác biệt cho từng phân khúc khách hàng đồng thời đảm bảo quản trị rủi ro trong các hoạt động. Chẳng hạn, chúng tôi đã thực hiện tư vấn và giúp khách hàng xử lý các giao dịch bị lừa đảo/gian lận chiếm đoạt tài sản; hỗ trợ, gặp gỡ và giải đáp các khiếu nại, thắc mắc của khách hàng một cách tốt nhất.

Trong các hoạt động hàng ngày, mỗi cán bộ nhân viên Techcombank đều coi lợi ích của khách hàng là ưu tiên cao nhất. Mọi lời nói, hành động khi tiếp xúc với khách hàng phải đảm bảo sự tin cậy, chủ động, thấu đáo và sẵn sàng phục vụ. Các bộ phận chức năng Hội sở và các đơn vị kinh doanh phục vụ khách hàng trực tiếp luôn chủ động kết nối với nhau để tổ chức các hoạt động nâng cao chất lượng dịch vụ, trải nghiệm khách hàng tại các điểm tương tác. Các hoạt động bao gồm từ nhắc nhở về các chuẩn mực hành vi trong dịch vụ, trong những chương trình thi đua

nội bộ đến triển khai các dự án xây dựng nền tảng, năng lực cho cán bộ nhân viên như xây dựng hệ thống quản lý phản hồi ý kiến khách hàng, nâng cao chất lượng của Tổng đài viên, xây dựng năng lực bộ máy quản lý hành trình, trải nghiệm khách hàng...

Tiếp theo chuỗi giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ năm qua, Techcombank sẽ tiếp tục triển khai chuyên sâu các chuẩn dịch vụ theo phân khúc khách hàng, tiến đến các giải pháp chuyên biệt hóa dịch vụ theo từng phân khúc.

◀ **MỖI TECHCOMER LUÔN TÂM NIỆM CẦN PHẢI NỖ LỰC HẾT MÌNH ĐỂ ĐÁP ỨNG CÁC YÊU CẦU CỦA KHÁCH HÀNG, ĐỂ MỌI PHẢN ỨNG VỀ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ TRỞ THÀNH MỘT CƠ HỘI CẢI TIẾN NHẪM ĐEM LẠI TRẢI NGHIỆM TỐT NHẤT CHO KHÁCH HÀNG.** ▶





giải pháp TOÀN DIỆN

TỰ HÀO LÀ SỰ LỰA CHỌN CỦA NHIỀU KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN CÓ THU NHẬP KHÁ TRỞ LÊN, TECHCOMBANK Ý THỨC ĐƯỢC NHU CẦU CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁCH HÀNG NÀY KHÔNG CHỈ ĐƠN THUẦN DỪNG LẠI Ở CUNG CẤP SẢN PHẨM ĐƠN LẺ, MÀ LÀ GÓI SẢN PHẨM DỊCH VỤ TOÀN DIỆN ĐÁP ỨNG TỐI ĐA NHU CẦU TÀI CHÍNH CỦA KHÁCH HÀNG.



Trong điều kiện kinh tế đất nước đang phát triển, nhu cầu dịch vụ tài chính ngân hàng của người dân ngày càng đa dạng hơn. Khách hàng đến với Techcombank nói riêng và các ngân hàng thương mại nói chung có nhiều yêu cầu khắt khe về sản phẩm và chất lượng dịch vụ mà họ nhận được. Techcombank hiểu rằng, đây là những yêu cầu chính đáng và là thách thức thú vị với Techcombank trong việc nâng cao năng lực phục vụ để gia tăng trải nghiệm thuận tiện cho khách hàng.

Qua kết quả khảo sát, nghiên cứu về thị trường Việt Nam, 69% khách hàng cá nhân vì nhiều lý do thường ngại giao dịch với ngân hàng. Một trong những định kiến quan trọng gây ra tình trạng trên là hồ sơ thủ tục rườm rà, thời gian xử lý giao dịch lâu, cán bộ Ngân hàng

◀ **TECHCOMBANK LUÔN NỖ LỰC VÀ TÂM NIỆM PHẢI XÂY DỰNG CÁC SẢN PHẨM DỊCH VỤ HƯỚNG ĐẾN ĐỒNG HÀNH CÙNG KHÁCH HÀNG.** ▶

không hiểu biết về sản phẩm dịch vụ để tư vấn cho khách hàng... Để xóa bỏ định kiến đó, không có cách nào khác là các ngân hàng thương mại phải đưa ra được các giải pháp giúp khách hàng thực sự thấy ngân hàng là gần gũi và hữu hiệu trong giải quyết nhu cầu tài chính hàng ngày của từng người dân.

Tự hào là sự lựa chọn của nhiều khách hàng cá nhân có thu nhập khá trở lên, Techcombank ý thức được nhu cầu của các đối tượng khách hàng này không chỉ đơn thuần dừng lại ở cung cấp sản phẩm đơn lẻ, mà là gói sản phẩm dịch vụ toàn diện đáp ứng tối đa nhu cầu tài chính của khách hàng.



Những sản phẩm, dịch vụ ghi dấu ấn

◀ TRONG NĂM 2017, NẮM BẮT ĐƯỢC CÁC NHU CẦU NGÀY CÀNG CAO CỦA KHÁCH HÀNG TECHCOMBANK ĐÃ ĐƯA RA NHIỀU GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH ĐÁP ỨNG ĐƯỢC CÁC YÊU CẦU ĐA DẠNG CỦA CÁC PHÂN KHÚC KHÁCH HÀNG CHIẾN LƯỢC. ▶



GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH ONE TOUCH - GẶP 1 LẦN LẤY XE NGAY

Triển khai từ tháng 7/2017, được Cục Sở hữu trí tuệ cấp chứng nhận sở hữu độc quyền.

Chương trình này được áp dụng đặc quyền cho khách hàng hiện hữu, trong đó Techcombank đưa ra các gói giải pháp tài chính theo nguyên tắc “phê duyệt trước” dựa trên việc am hiểu nhu cầu và phân tích hành vi của khách hàng. Nhờ vậy khách hàng chỉ cần gặp ngân hàng một lần duy nhất là hoàn thiện được thủ tục cần thiết. Trước mắt, One Touch đã được Techcombank áp dụng cho hoạt động vay mua ô tô và sẽ được mở rộng ra đối với cho vay mua nhà và thẻ tín dụng.



CUNG CẤP DỊCH VỤ TÀI KHOẢN THANH TOÁN CÁ NHÂN - HOÀN TOÀN MIỄN PHÍ, VÔ VẦN NIỀM VUI

Năm 2017, Techcombank tiếp tục thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ tài khoản thanh toán cá nhân với nhiều ưu điểm nổi bật. Trong đó, chương trình khuyến khích khách hàng đăng ký và sử dụng Ebanking - Zero Fee với các giao dịch chuyển tiền trong và ngoài Ngân hàng đều không bị tính phí. Đây là dịch vụ độc đáo mà Techcombank hiện là một trong số ít các ngân hàng tại Việt Nam đang triển khai, giúp thúc đẩy xu hướng giao dịch trực tuyến, giảm áp lực vận hành cho chi nhánh, đồng thời giúp người dân tiết kiệm thời gian giao dịch tại chi nhánh để dành nhiều thời gian hơn cho gia đình và người thân.



THẺ TÍN DỤNG

Techcombank đã được tổ chức VISA ghi nhận là Ngân hàng có doanh số thanh toán qua thẻ tín dụng Visa cao nhất tại thị trường Việt Nam. Đây chính là kết quả về sản phẩm được khách hàng cá nhân đánh giá cao trong năm 2017 với nhiều ưu đãi thiết thực qua hệ thống đơn vị liên kết Smile, Xsmile.

Ngoài Visa và JCB, Techcombank đang chuẩn bị đưa thêm sản phẩm thẻ tín dụng MasterCard World, áp dụng với nhóm khách hàng có số lượng thanh toán thường xuyên lớn. Sản phẩm này được kì vọng sẽ làm cho bộ sưu tập sản phẩm thẻ Techcombank ngày càng đa dạng và đầy đủ hơn, tự tin cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

Đồng thời, Techcombank đang triển khai việc tái thiết kế mô hình cung cấp sản phẩm thẻ tín dụng nói riêng và thẻ thanh toán nói chung để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của khách hàng theo từng phân khúc chuyên biệt.



DỊCH VỤ CHO VAY MUA BẤT ĐỘNG SẢN

Trong chuỗi các sản phẩm dịch vụ đã ghi lại nhiều dấu ấn cho Techcombank trong lòng khách hàng còn phải kể đến dịch vụ cho vay mua bất động sản, thông qua sự liên kết với các chủ đầu tư bất động sản hàng đầu thị trường như: Vingroup, Thảo Điền Masteri, SunGroup... Sản phẩm cho vay mua bất động sản của Techcombank không đơn thuần là vay tiền mặt mà còn được tích hợp với các sản phẩm đầu tư khác như trái phiếu, gửi tiết kiệm... để tối ưu hóa lợi ích của khách hàng khi giao dịch với Ngân hàng.



◀ ĐỒNG THỜI, TECHCOMBANK CHÚNG TÔI ĐANG NỖ LỰC KHÔNG CHỈ MANG ĐẾN NHỮNG GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH TỐI ƯU CHO KHÁCH HÀNG MÀ CÒN DẪN DẮT ĐỜI SỐNG TÀI CHÍNH CỦA NGƯỜI DÂN VIỆT NAM THÔNG QU A VIỆC TỪNG BƯỚC THAY ĐỔI VĂN HÓA SỬ DỤNG TIỀN MẶT CHUYỂN DẪN SANG VĂN HÓA SỬ DỤNG THẺ VÀ THÔNG QU A HỆ THỐNG NGÂN HÀNG HIỆN ĐẠI ĐỂ GIA TĂNG LỢI ÍCH TỪ CÁC DÒNG TIỀN NHÀN RỎI, CỨNG NHƯ TRÁNH ĐƯỢC CÁC RỦI RO KHÔNG ĐÁNG CÓ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NẮM GIỮ NHIỀU TIỀN MẶT. ▶

Bảo mật tuyệt đối



Trong xu hướng số hóa này, yếu tố bảo mật là yêu cầu tiên quyết và Techcombank đã áp dụng tiêu chuẩn bảo mật quốc tế PCI DSS từ năm 2013 đến nay. Techcombank đã, đang và sẽ tiếp tục phát triển hệ thống, mạng lưới, cải tiến các sản phẩm, dịch vụ để đảm bảo tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật, đón đầu xu hướng phát triển của quốc tế, đồng thời thân thiện và mang đến những trải nghiệm tốt nhất cho người dùng.

Chúng tôi sẽ tiếp tục đầu tư và dồn nguồn lực vào việc xây dựng, nâng cấp hệ thống ngân hàng số và ngân hàng trực tuyến ứng dụng công nghệ mới của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, với các hình thức chấp nhận thanh toán không tiếp xúc (QR Code, Contactless v.v...) và các công cụ nhận dạng hiện đại (PIN, OTP, vân tay v.v...) cho dịch vụ thanh toán thông qua hợp tác triển khai với Visa, MasterCard, JCB, Napas...

◆ XU HƯỚNG SỐ HÓA SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH ĐANG ĐƯỢC TRIỂN KHAI RẤT MẠNH TẠI CÁC NGÂN HÀNG TRÊN TOÀN CẦU, VÀ TECHCOMBANK TỰ HÀO LÀ MỘT TRONG CÁC NGÂN HÀNG TIỀN PHONG TẠI VIỆT NAM TRONG LĨNH VỰC NÀY. NĂM 2017, TECHCOMBANK TIẾP TỤC ĐƯA THÊM NHIỀU GIẢI PHÁP ĐỒNG BỘ ĐỂ TÍNH CHỈNH VÀ TỰ ĐỘNG HÓA CÁC TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ DỊCH VỤ HƯỚNG TỚI AN TOÀN, BẢO MẬT CHO CÁC GIAO DỊCH QUA CÁC KÊNH ĐIỆN TỬ TRỰC TUYẾN. ◆



Bảo hiểm tiên phong

TECHCOMBANK LÀ
NGÂN HÀNG CHIẾM THỊ PHẦN

LỚN NHẤT

TRONG VIỆC CUNG CẤP DỊCH
VỤ BẢO HIỂM QUA NGÂN HÀNG
(BANCASSURANCE).

Năm 2017 là năm ghi dấu khi Ngân hàng và Tập đoàn Bảo hiểm đa quốc gia Manulife (Canada) đã ký hợp đồng hợp tác độc quyền kéo dài 15 năm.

Tính tới thời điểm 2017, ước tính chỉ có dưới 7% người dân Việt Nam tham gia bảo hiểm nhân thọ. Con số này thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực như Indonesia, Malaysia hay Singapore, nơi tỷ lệ người dân có bảo hiểm chiếm hơn 50% dân số. Tại các quốc gia phát triển như Mỹ, Anh, Pháp, Tây Ban Nha..., thị phần bancassurance có thể chiếm tới 70% doanh thu phí bảo hiểm. Còn ở các thị trường châu Á, như Malaysia, Hàn Quốc và Singapore, con số này vào khoảng 30-40%.

Nhằm mục tiêu nâng cao đời sống an sinh xã hội của người dân Việt Nam ngang tầm với khu vực, chúng tôi đang nỗ lực từng ngày để đưa



Lễ ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược giữa Techcombank và Manulife Việt Nam.

các sản phẩm bảo hiểm đến với nhiều người tiêu dùng hơn. Với đội ngũ chuyên gia tư vấn tài chính am hiểu nhu cầu của khách hàng và giàu kinh nghiệm và mạng lưới chi nhánh toàn quốc, Techcombank đã và đang cung cấp các giải pháp bảo hiểm tối ưu nhất, bằng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp, thủ tục gọn nhẹ, tiết kiệm thời gian và là một cầu nối tin đáng tin cậy mang đến sự an tâm cho khách hàng trong suốt quá trình sử dụng các sản phẩm bảo hiểm.

Tính riêng cho năm 2017, tổng phí bảo hiểm khai thác mới (APE) của toàn hệ thống Techcombank đạt gần 649 tỷ đồng (tăng trưởng 44% so với năm 2016).

CÁC CON SỐ KHẲNG ĐỊNH SỰ DẪN ĐẦU TRONG CÁC TRỌNG TÂM LỰA CHỌN

Doanh số bảo hiểm dẫn đầu thị trường Ngân hàng Việt Nam

PHÍ BẢO HIỂM
QUÝ NĂM TĂNG

44%

SO VỚI NĂM 2016 VÀ GẤP 3
LẦN SO VỚI NĂM 2015



Giao dịch qua thẻ tín dụng Techcombank Visa Credit đứng đầu

13,9%

thị phần giao dịch qua thẻ tín dụng Visa toàn thị trường. Số lượng giao dịch qua thẻ tín dụng Techcombank Visa Credit đứng đầu trong ngành ngân hàng từ tháng 10/2017

Thúc đẩy mạnh kênh giao dịch trực tuyến

Với việc thúc đẩy mạnh kênh giao dịch trực tuyến, số lượng giao dịch trực tuyến của Techcombank tăng lên đáng kể trong năm 2017, tăng hơn

400%

so với năm 2015 và vượt hơn 2,8 lần so với năm 2016 với lượng giao dịch đạt gần

2.800.000
giao dịch/tháng

Tăng trưởng Dư nợ tín dụng của Techcombank

DƯ NỢ TÍN DỤNG CỦA TECHCOMBANK
NĂM 2017 ĐẠT

181.002
tỷ đồng

tăng trưởng 15,96%
so với cùng kỳ năm 2016.

ĐIỂM ĐẾN CỦA DOANH NGHIỆP

VỚI PHƯƠNG CHÂM
"TECHCOMBANK KHÔNG CHỈ BÁN
SẢN PHẨM MÀ CÒN CUNG CẤP

GIẢI PHÁP

TOÀN DIỆN CHO KHÁCH HÀNG", MỖI
CÁN BỘ BÁN HÀNG SẼ LÀ CHUYÊN GIA
TƯ VẤN TÀI CHÍNH, THỰC SỰ AM HIỂU
KHÁCH HÀNG, MANG LẠI GIÁ TRỊ THỰC
SỰ CHO DOANH NGHIỆP.



Giải pháp vượt trội cho doanh nghiệp lớn



◀ **ĐIỂM KHÁC BIỆT CỦA TECHCOMBANK LÀ CHÚNG TÔI HƯỚNG SỰ TẬP TRUNG VÀO NHÓM KHÁCH HÀNG LỚN CÓ NỀN TẢNG TÀI CHÍNH VÀ TỐT, TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN TỐT, CÓ HỆ SINH THÁI RIÊNG, THUỘC CÁC NGÀNH TRỌNG TÂM CỦA NỀN KINH TẾ CỨNG NHƯ CÁC LĨNH VỰC MÀ CHÚNG TÔI THỰC SỰ AM HIỂU.** ▶

Một đặc thù của các khách hàng lớn là nhu cầu tài chính phức tạp, đòi hỏi chất lượng sản phẩm và dịch vụ cao, đa dạng, và đúng thời điểm. Để thỏa mãn các nhu cầu của khách hàng và tạo ra sự khác biệt, Techcombank đã đưa ra các giải pháp tổng thể theo hệ sinh thái bao gồm cung cấp các dịch vụ tài chính khép kín từ đầu vào tới đầu ra trong suốt chu trình sản xuất - kinh doanh của khách hàng, hướng tới việc mang lại giá trị cao nhất, cũng như quản trị rủi ro tốt nhất cho khách hàng và Ngân hàng, đưa Techcombank trở thành lựa chọn đầu tiên của khách hàng.

Chẳng hạn với khách hàng là chủ đầu tư bất động sản, giải pháp cho khách hàng không đơn thuần là tài trợ vốn, bảo lãnh dự án mà Techcombank còn đưa đến một giải pháp tổng thể giải quyết nhiều nhu cầu bao gồm: Làm thế nào có thể bán được hàng tốt nhất, đảm bảo tiến độ và thu được dòng tiền về tốt nhất, xây dựng và quảng bá thương hiệu, đồng thời quản trị được rủi ro và nhân rộng những mô hình đã phát triển thành công sang nhiều dự án khác,... Các giải pháp tài chính Techcombank đưa ra không chỉ dành cho chủ đầu tư mà còn cho người mua nhà, các mắt xích trong chuỗi liên kết của khách hàng như nhà cung cấp vật liệu, nhà thầu, bảo hiểm...

Với phương châm “Techcombank không chỉ bán sản phẩm mà còn cung cấp giải pháp toàn diện cho khách hàng”, mỗi cán bộ bán hàng sẽ là chuyên gia tư vấn tài chính, thực sự am hiểu khách hàng, mang lại giá trị thực sự cho doanh nghiệp.

Tạo giá trị khác biệt cho doanh nghiệp vừa và nhỏ



Techcombank hướng tới các khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ thuộc hệ sinh thái của các khách hàng doanh nghiệp lớn, hoặc các tiểu phân khúc trọng tâm có tiềm năng tăng trưởng cao, nằm trong khả năng phục vụ và phù hợp với khẩu vị rủi ro của Ngân hàng.

Nhu cầu nổi bật của nhóm khách hàng này là đảm bảo nguồn vốn để duy trì cũng như mở rộng các hoạt động sản xuất - kinh doanh, đặc biệt vào các dịp cao điểm hay mùa vụ; thủ tục và quy trình ngân hàng thuận tiện, đơn giản, dễ giao dịch; và cần được tư vấn sâu về các hoạt động doanh nghiệp nhằm cải thiện và nâng cao hiệu quả kinh doanh....

Để phục vụ tốt nhất nhu cầu của nhóm khách hàng này, ngoài những chính sách về phí, lãi suất, tài sản bảo đảm, tối ưu hóa thời gian xử lý giao dịch... cho mỗi khách hàng, Techcombank còn hướng đến để xuất các giá trị khác biệt cho từng tiểu phân khúc khách hàng trọng tâm. Dựa trên bản chất nhu cầu và hành vi tài chính mỗi khách hàng, Techcombank sẽ đưa đến giải pháp đúng thời điểm khách hàng cần, dựa trên năng lực phục vụ tốt nhất của Ngân hàng.

Trên cơ sở đó, Techcombank đã xây dựng thành công các chương trình kinh doanh đột phá cho từng tiểu phân khúc khách hàng trọng tâm, mang lại giá trị lớn nhất cho khách hàng, bước đầu lượng hóa các

giải pháp cho khách hàng thông qua việc tăng mức doanh thu, lợi nhuận dự kiến dựa trên ước lượng chi phí, vòng quay dòng tiền, giảm chi phí tài chính, chi phí quản lý, ...

Để triển khai thành công các chương trình kinh doanh, chúng tôi đang bước đầu thực hiện mô hình chuyên môn hóa theo các tiểu phân khúc trọng tâm, với sự ra đời của các trung tâm khách hàng doanh nghiệp phục vụ chuyên biệt cho một số tiểu phân khúc trọng tâm xác định. Tại các trung tâm khách hàng doanh nghiệp này, các khách hàng sẽ được bố trí phục vụ bởi nguồn nhân lực tốt nhất, được đào tạo chuyên sâu theo từng tiểu phân khúc trọng tâm và có sự am hiểu sâu sắc về lĩnh vực kinh doanh, ngành nghề, mô hình kinh doanh của khách hàng, từ đó có thể trở thành các nhà tư vấn tài chính tốt nhất giúp khách hàng lựa chọn những giải pháp phù hợp nhất với nhu cầu tài chính của mình; các quy định, quy trình được xây dựng, cải tiến để phục vụ theo nhu cầu chuyên biệt của từng tiểu phân khúc trọng tâm.

Đây là chìa khóa tạo nên sự khác biệt của Techcombank trên thị trường tài chính – ngân hàng để chinh phục được những khách hàng tốt và khó tính nhất thị trường và mang lại giá trị vượt trội cho khách hàng.



cùng nhìn về **MỘT HƯỚNG**

**CHỈ KHI TẤT CẢ CÙNG NHÌN VỀ
MỘT HƯỚNG, GUỒNG MÁY LỚN
MỚI CHẠY THÔNG SUỐT MÀ
KHÔNG GẶP TRỞ LỰC TỪ CHÍNH
NỘI TÀI HOẶC SỰ LÔNG LẼO ĐAU
ĐÓ TRONG CỐ MÁY.**



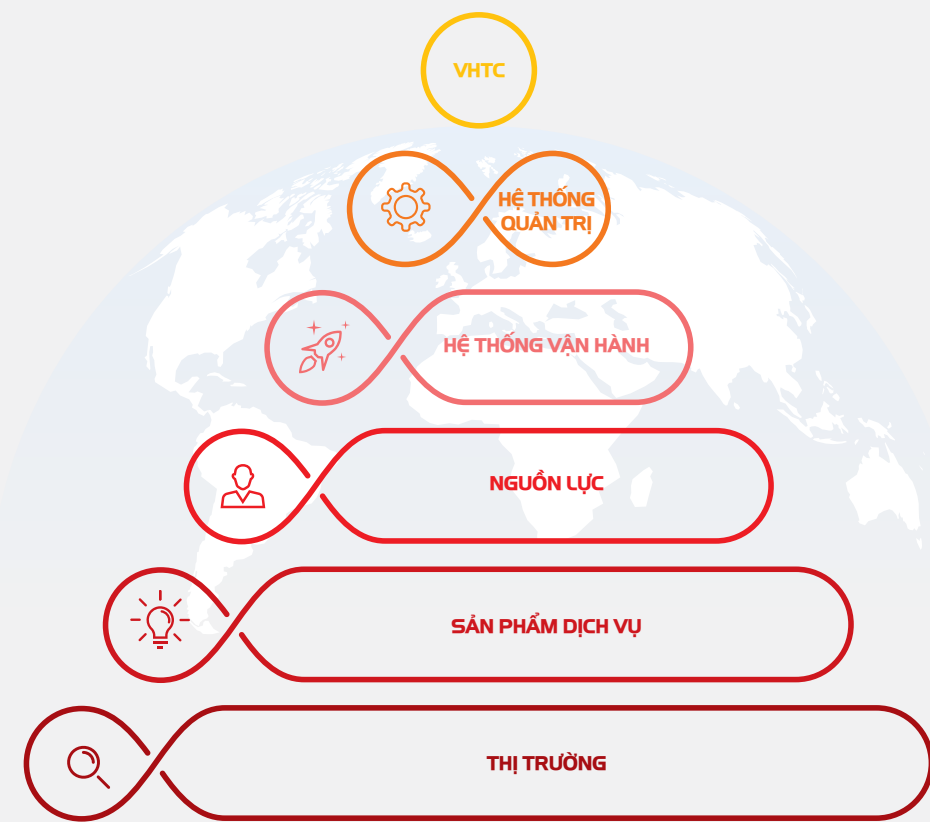
HÀNH TRÌNH CHUYỂN ĐỔI VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

VĂN HÓA TỔ CHỨC CỦA
TECHCOMBANK ĐƯỢC
XÂY DỰNG DỰA TRÊN

5 GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- 1 | KHÁCH HÀNG LÀ TRÊN HẾT
- 2 | LIÊN TỤC CẢI TIẾN
- 3 | TINH THẦN PHỐI HỢP
- 4 | PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC
- 5 | CAM KẾT HÀNH ĐỘNG

Tại Techcombank, “**Văn hóa tổ chức**” được định nghĩa là ADN của tổ chức: là những niềm tin, giá trị và hành vi chung của doanh nghiệp. Văn hóa tổ chức được tích lũy hàng ngày, hàng giờ sẽ đưa Techcombank trở thành một ngân hàng có cá tính riêng, tạo ra những sản phẩm vượt trội, đóng góp vào sự phát triển của nền kinh tế nói chung, của các khách hàng và bản thân Techcombank nói riêng.



MÔ HÌNH THÁP PHÁT TRIỂN TỔ CHỨC MÀ TECHCOMBANK ÁP DỤNG TỪ NĂM 2014 VỚI TƯ VẤN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN HỆ THỐNG QUẢN LÝ (MANAGEMENT SYSTEM CONSULTING CORPORATION) KHÔNG CHỈ THỂ HIỆN VĂN HÓA TỔ CHỨC LÀ MỘT TRONG SÁU CẤU PHẦN ĐẢM BẢO THÀNH CÔNG ĐỘT PHÁ VÀ BỀN VỮNG MÀ CÒN TẠO NÊN BẢN SẮC RIÊNG CHO TECHCOMBANK KHI MỖI TECHCOMER ĐỀU THỂ HIỆN NHỮNG GIÁ TRỊ CỐT LÕI TRONG MỖI HOẠT ĐỘNG HÀNG NGÀY. NẪM TRÊN ĐỈNH CAO NHẤT CỦA THÁP PHÁT TRIỂN TỔ CHỨC, VĂN HÓA TỔ CHỨC LUÔN LÀ HỆ QUY CHIẾU ĐỂ CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI ĐÁNH GIÁ TẦM VÓC, NỀN TẢNG VÀ KHẢ NĂNG PHÁT TRIỂN CỦA TỔ CHỨC VÀ LÀ CHẤT KEO BỀN CHẶT GẮN BÓ MỖI CÁ NHÂN, TẬP THỂ Ở BÊN TRONG TỔ CHỨC ĐÓ.

Với nhận thức đầy đủ về vai trò của Văn hóa tổ chức trong tổng quan các hoạt động của Ngân hàng, Techcombank đã đầu tư không chỉ ngân sách mà còn dành nguồn lực thời gian và trí tuệ đáng kể cho việc xây dựng Văn hóa tổ chức dựa trên 5 giá trị cốt lõi: **Khách hàng là trên hết, Liên tục cải tiến, Tinh thần phối hợp, Phát triển nhân lực và Cam kết hành động.**

KHÔNG CHỈ ĐƯA RA ĐỊNH NGHĨA, TECHCOMBANK ĐÃ XÂY DỰNG LÊN KHUNG ĐỊNH CHUẨN HÀNH VI CHO MỖI GIÁ TRỊ CỐT LÕI ĐỂ HƯỚNG DẪN TECHCOMER THỰC HIỆN.

5 GIÁ TRỊ CỐT LÕI	KHÁCH HÀNG LÀ TRÊN HẾT	Vì mỗi việc chúng ta làm chỉ có giá trị khi thực sự mang lại lợi ích cho khách hàng, đồng nghiệp.	1. Lợi ích khách hàng - quan tâm trước hết 2. Thấu hiểu khách hàng, dễ dàng vượt khó	
	LIÊN TỤC CẢI TIẾN	Để luôn dẫn đầu.	1. Sáng kiến đột phá, thành quả vượt trội 2. Nghĩ mới làm ngay, hiệu quả mỗi ngày	
	TINH THẦN PHỐI HỢP	Vì ở Techcombank, bạn sẽ không có kết quả tốt nếu không phối hợp.	1. Nỗ lực hiểu nhau, thu hẹp khoảng cách 2. Hạn chế email, gặp nhau thảo luận	
	PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC	Vì con người với năng lực cao sẽ tạo lợi thế cạnh tranh và thành công vượt trội cho tổ chức.	1. Xây dựng lộ trình, coaching, hướng dẫn 2. Học và dạy học, nhiệm vụ mỗi người	
	CAM KẾT HÀNH ĐỘNG	Để vượt qua khó khăn và đạt được thành công lớn.	1. Đã quyết phải làm, sẵn sàng vượt khó 2. Lợi ích riêng tư đặt sau cam kết	



◆ THẤU HIỂU, HÀNH ĐỘNG NGAY VÀ LUÔN NỖ LỰC HẾT MÌNH ĐỂ ĐÁP ỨNG CÁC YÊU CẦU ĐÃ TRỞ THÀNH TÂM NIỆM CỦA MỖI TECHCOMER ◆



Khách hàng là trên hết

Tại Techcombank, văn hóa **“Khách hàng là trọng tâm”**, để cao giá trị khách hàng chính là kim chỉ nam cho các hoạt động kinh doanh cũng như trong việc xây dựng chiến lược phát triển lâu dài. Với đặc thù là ngành dịch vụ, Techcombank hiểu rất rõ chỉ có thể giữ được sự trung thành của khách hàng bằng sản phẩm, dịch vụ vượt trội, và hơn hết, là chất lượng vượt trội.

Luôn đau đầu câu hỏi **“Giá trị tốt nhất mang lại cho Khách hàng là gì?”**, mọi sản phẩm, dịch vụ của Techcombank là kết quả của sự tỉ mỉ nghiên cứu, tìm tòi trong suốt quá trình hoạt động, từ đó thấu hiểu những mong muốn của khách hàng một cách sâu sắc nhất. Thấu hiểu, hành động ngay và luôn nỗ lực hết mình để đáp ứng các yêu cầu đã trở thành tâm niệm của mỗi Techcomer, để mọi phản ánh về dịch vụ trở thành một cơ hội để đem lại trải nghiệm tốt và dành được thiện cảm lâu dài của khách hàng.



◆ Ở TECHCOMBANK, SÁNG TẠO, CẢI TIẾN KHÔNG PHẢI LÀ NHỮNG PHONG TRÀO ĐƯỢC PHÁT ĐỘNG VÀ TỔNG KẾT MÀ Ý THỨC CẢI TIẾN PHẢI LUÔN THƯỜNG TRỰC TRONG MỌI VIỆC LÀM. ◆



Liên tục cải tiến

Hôm nay sẽ làm gì khác biệt so với ngày hôm qua và ngày mai có những sáng kiến gì có thể áp dụng vào công việc của ngày hôm nay là điều mọi Techcomer phải thường xuyên nghĩ tới. Năm 2017, hàng trăm sáng kiến cải tiến quy trình nghiệp vụ của cán bộ nhân viên Techcombank đã được áp dụng trên toàn hệ thống.

Bên cạnh đó, để hướng tới chinh phục mục tiêu chiến lược, khẳng định vị thế dẫn đầu, Techcombank luôn duy trì và thúc đẩy những sáng kiến đột phá, xuất phát từ tư duy vượt trội; đảm bảo cho vừa phù hợp với xu hướng, vừa đảm bảo tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật nhưng vẫn cung cấp đủ và tốt so với yêu cầu của khách hàng.

Tinh thần **“liên tục cải tiến”** sẽ giúp Techcombank nhận diện và xây dựng, triển khai mô hình kinh doanh phù hợp, chuyển đổi Techcombank trở thành tổ chức xây dựng kinh doanh dựa trên công nghệ, chuyển đổi nguồn nhân lực và nâng cao văn hóa doanh nghiệp...



◆ SỰ HÀI HÒA VỚI VĂN HÓA CỦA TỔ CHỨC SẼ TRỞ THÀNH VỮ KHÍ VÔ CÙNG QUAN TRỌNG GIÚP CÁC CÁN BỘ NHÂN VIÊN ĐẠT ĐƯỢC MỤC TIÊU TRONG CÔNG VIỆC. ◆



Tinh thần phối hợp

Mỗi bộ phận tại Techcombank được tạo dựng có những chức năng riêng biệt, từ chi nhánh tới các phòng ban Hội sở. Mỗi Techcomers cũng có những chỉ tiêu riêng của mình, có nhân sự cũ và nhân sự mới nhưng tất cả đều chia sẻ một khát vọng, một tầm nhìn chung.

Văn hóa tổ chức tại Techcombank yêu cầu mỗi cán bộ nhân viên phải hiểu được thành công của cá nhân cần sự nỗ lực của bản thân và từ sự hỗ trợ của hệ thống. Sự hài hòa với văn hóa của tổ chức sẽ trở thành vũ khí vô cùng quan trọng giúp các cán bộ nhân viên đạt được mục tiêu trong công việc. Những người hoà hợp được với văn hoá tổ chức, hiểu được những điều Techcombank đang hướng tới thì sẽ thành công, vì sẽ được hỗ trợ của toàn hệ thống.



Nếu như với dịch vụ ngân hàng, châm ngôn thành công của chúng tôi là đặt “**Khách hàng là trọng tâm**”, thì với hệ thống nội bộ, các cán bộ nhân viên chính là trọng tâm của Ngân hàng. Vì vậy, việc đầu tư vào cán bộ giúp cho họ có kiến thức và năng lực, tầm nhìn là mục tiêu mà Techcombank luôn theo đuổi.

◆ VIỆC MỖI CÁN BỘ NHÂN VIÊN ĐƯỢC ĐÀO TẠO BÀI BẢN VÀ CHUYÊN NGHIỆP CHÍNH LÀ YẾU TỐ THEN CHỐT CÙNG CỐ GIÁ TRỊ NỀN TẢNG “NHÂN SỰ XUẤT SẮC” NÓI RIÊNG VÀ CÁC GIÁ TRỊ NỀN TẢNG KHÁC CỦA TECHCOMBANK NÓI CHUNG. ◆



Phát triển nhân lực

Để chuẩn bị cho tương lai, những năm qua Techcombank tốn rất nhiều tâm sức hơn hầu hết các ngân hàng khác trong hệ thống cho những chương trình tuyển dụng và đào tạo. Ngân hàng hiểu rằng, tài sản quý giá nhất đó chính là con người, do đó ngân sách dành cho đào tạo chưa bao giờ bị cắt giảm. Việc mỗi cán bộ nhân viên được đào tạo bài bản và chuyên nghiệp chính là yếu tố then chốt củng cố giá trị nền tảng “Nhân sự xuất sắc” nói riêng và các giá trị nền tảng khác của Techcombank nói chung. Bên cạnh đó, việc chú trọng vào công tác đào tạo cũng đã góp phần tạo ra những năng lực và cống hiến vượt trội, tạo nên thành công của tổ chức. Khi khát vọng thành công của một doanh nghiệp trở thành hiện thực sẽ tạo ra những giá trị thặng dư cho khách hàng, cho cổ đông, cho chính các cán bộ nhân viên. Tổng hòa trong các mối quan hệ đó, công tác đào tạo có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo nên những Techcomers mang trong mình ADN của tinh thần và khát vọng, sự minh bạch và đạo đức nghề nghiệp cùng sự chuyên nghiệp, hiểu biết sâu rộng, từ đó sẽ củng cố niềm tin của khách hàng với Techcombank, tạo nên sự gắn kết bền vững.



Cam kết hành động

Trong guồng máy hơn 8.000 nhân sự của Techcombank, hệ thống pháp luật của Nhà nước, quy chế, quy định và Văn hóa tổ chức trong Ngân hàng đã quy định rõ bốn phận và phạm vi trách nhiệm của từng cá nhân, tổ chức. Cam kết hành động của các nhân viên là tính tuân thủ, sẵn sàng thực thi và sáng tạo trong thực thi công việc; còn cam kết hành động của đội ngũ lãnh đạo là định hướng thực thi và kết nối những động lực đơn lẻ thành sức mạnh thống nhất đưa toàn hệ thống tiến lên.

Từ nhiều năm qua, Techcombank luôn xem Tuân thủ là giá trị cốt lõi để tạo dựng niềm tin, sự an toàn, bền vững trong kinh doanh. Tuân thủ mọi quy trình, quy định của Ngân hàng, pháp luật và cam kết chất lượng nhất quán, đồng bộ được thiết lập trong Techcombank là một nguyên tắc quan trọng giúp triển khai thành công chiến lược Ngân hàng...

◀ **CAM KẾT HÀNH ĐỘNG CỦA CÁC NHÂN VIÊN LÀ TÍNH TUÂN THỦ, SẴN SÀNG THỰC THI VÀ SÁNG TẠO TRONG THỰC THI CÔNG VIỆC; CÒN CAM KẾT HÀNH ĐỘNG CỦA ĐỘI NGŨ LÃNH ĐẠO LÀ ĐỊNH HƯỚNG THỰC THI VÀ KẾT NỐI NHỮNG ĐỘNG LỰC ĐƠN LẺ THÀNH SỨC MẠNH THỐNG NHẤT ĐƯA TOÀN HỆ THỐNG TIẾN LÊN.** ▶



(*): theo mô hình tư vấn bởi McKinsey.

Sử dụng mô hình 4 yếu tố tác động theo tư vấn của McKinsey, Techcombank đã đưa 5 giá trị cốt lõi nói trên vào các hoạt động hàng ngày thông qua các chương trình Đào tạo Tân tuyển, Phát triển nhân tài Talent Pool (**Phát triển nhân tài và kỹ năng**), đưa vào các vật phẩm quen thuộc, gắn gũi với cán bộ nhân viên như lịch để

bàn, bích chương (**Thúc đẩy sự hiểu biết và sức thuyết phục**), hay đưa việc đánh giá năng lực quản lý văn hóa tổ chức vào chiếm trọng số 10% trong tổng điểm đánh giá hiệu quả làm việc (**Củng cố bằng các cơ chế chính thức**) của các thành viên Ban điều hành (**Làm gương**). Trọng số này sẽ tăng thành 20% trong năm 2018.

ĐỂ GHI NHẬN VÀ TƯƠNG THƯỞNG VIỆC THỰC HÀNH NHỮNG HÀNH VI TÍCH CỰC TỪ 5 GIÁ TRỊ CỐT LÕI, TECHCOMBANK XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH

HÀNH TRÌNH VĂN HÓA

VÀ NHẬN ĐƯỢC SỰ THAM GIA NHIỆT TÌNH CỦA CÁC CÁN BỘ NHÂN VIÊN. VỚI MÔ HÌNH LIÊN QUÂN GIỮA VÙNG KINH DOANH VÀ TẦNG HỘI SỞ, CHƯƠNG TRÌNH ĐÃ GIÚP KÉO GẦN HƠN KHOẢNG CÁCH GIỮA CÁN BỘ NHÂN VIÊN HỘI SỞ VÀ CHI NHÁNH, ĐỂ TỪ ĐÓ HIỂU HƠN, HỖ TRỢ NHAU TỐT HƠN TRONG CÔNG VIỆC HÀNG NGÀY.



Bên cạnh đó, Giải thưởng Techcomer Tiêu biểu do Chủ tịch Hội đồng Quản trị đích thân lựa chọn được tổ chức thường niên đem lại sự tự hào cho người nhận giải và tạo động lực cho tất cả Techcomers. Đó không đơn thuần chỉ là một phần thưởng giá trị, ADN của Techcomer tiêu biểu là sự kết tinh của việc kiên định thực hành 5 giá trị cốt lõi của Techcombank: Luôn hướng tới thành công vượt trội, Luôn làm điều đúng, phù hợp với đạo đức nghề nghiệp, Luôn gắn lợi ích bản thân với thành công lớn, lâu dài của tổ chức.

Văn hóa tổ chức đã đưa Techcombank trở thành một ngân hàng có cá tính riêng, tạo ra những sản phẩm vượt trội, đóng góp vào sự phát triển của nền kinh tế nói chung, các khách hàng và bản thân Techcombank nói riêng. Tuy nhiên, để hiện thực hóa chiến lược 2016-2020 của Ngân hàng, chuyển đổi thành công và bền vững, Hội đồng Quản trị Techcombank đã quyết định thành lập sáng kiến chiến lược Chuyển đổi Văn hóa tổ chức vào quý IV/2017 với sự dẫn dắt trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và triển khai bởi Ban Điều hành với mục tiêu xây dựng một nền văn hóa lành mạnh và hiệu quả.

CÁC CẤP ĐỘ KỸ NĂNG QUẢN LÝ
VÀ CÁC VỊ TRÍ QUẢN LÝ YÊU CẦU
CÁC KỸ NĂNG TƯƠNG ỨNG

V.
CEO, COO, Chủ tịch/ giám đốc

Kỹ năng
quản lý
Chuyển Tiếp

MỨC TRÁCH NHIỆM
TƯƠNG ỨNG

Phát triển tầm nhìn dài hạn
Kê hoạch chuyển tiếp sang giai đoạn
tăng trưởng tiếp theo

IV.
Quản lý cấp cao

Kỹ năng
phát triển tổ chức

- » Xây dựng kế hoạch chiến lược
- » Xây dựng kế hoạch tổ chức
- » Lãnh đạo chiến lược
- » Quản trị văn hóa

Phát triển và giám sát kế hoạch
chiến lược

Quản lý các hoạt động vận hành
thường ngày

III.
Quản lý cấp trung

Kỹ năng quản trị tổ chức

- » Xây dựng kế hoạch
- » Quản trị tài chính
- » Phát triển quản trị
- » Quản trị kết quả
- » Tổ chức
- » Xây dựng đội ngũ
- » Quản trị xung đột

Điều phối công việc giữa
các đơn vị chức năng và
bảo cáo trực tiếp

II.
Cấp giám sát
trực tiếp

Kỹ năng quản trị hoạt động

- » Tuyển dụng và chọn lựa
- » Theo dõi hàng ngày
- » Huấn luyện và đào tạo
- » Quản trị các buổi họp
- » Khuyến khích và thúc đẩy
- » Thẩm định kết quả hoạt động

Giám sát
công việc

I.
Toàn bộ các
đối tượng trên

Kỹ năng quản trị cốt lõi

- » Giao tiếp/ trao đổi thông tin
- » Năng hiệu quả của lãnh đạo trong hoạt động
- » Năng hiệu quả từ các mối quan hệ
- » Năng hiệu quả của việc giao việc và ủy quyền
- » Quản trị thời gian
- » Giải quyết vấn đề và ra quyết định

Khái niệm về vai trò

Liên tục nâng cao tầm quan trọng của việc Chuyển Tiếp trong trách nhiệm của
cấp lãnh đạo/ quản lý

TRỌNG TÂM CỦA SÁNG KIẾN CHIẾN LƯỢC CHUYỂN ĐỔI VĂN HÓA TỔ CHỨC TẬP TRUNG VÀO XÂY DỰNG NĂNG LỰC QUẢN LÝ VĂN HÓA TỔ CHỨC CỦA CẤP QUẢN LÝ CẤP CAO. MÔ HÌNH THÁP NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ DƯỚI SỰ TƯ VẤN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN HỆ THỐNG QUẢN LÝ (MANAGEMENT SYSTEM CONSULTING CORPORATION) MÀ TECHCOMBANK SẼ SỬ DỤNG KHÔNG CHỈ ĐẢM BẢO TÍNH HỆ THỐNG TRONG VIỆC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC QUẢN LÝ VĂN HÓA TỔ CHỨC BẮT ĐẦU TỪ NỀN TẢNG, MÀ CÒN GIÚP CHO NGÂN HÀNG MINH BẠCH LỘ TRÌNH HỌC TẬP CHO MỖI CẤP, ĐẶC BIỆT LÀ NHÓM NHÂN TÀI - THỂ HỆ KẾ CẬN CỦA NGÂN HÀNG.

Với việc chuyển đổi Văn hóa tổ chức trở thành một trong các sáng kiến chiến lược toàn Ngân hàng, Techcombank đã thể hiện cam kết cải thiện chỉ số Văn hóa tổ chức, sự hài lòng của nhân viên và môi trường làm việc trong khảo sát OHI (Organizational Health Index) và EES (Employee Effectiveness Survey) cũng như nâng hạng đánh giá của thị trường về nơi làm việc tốt nhất tại Việt Nam.

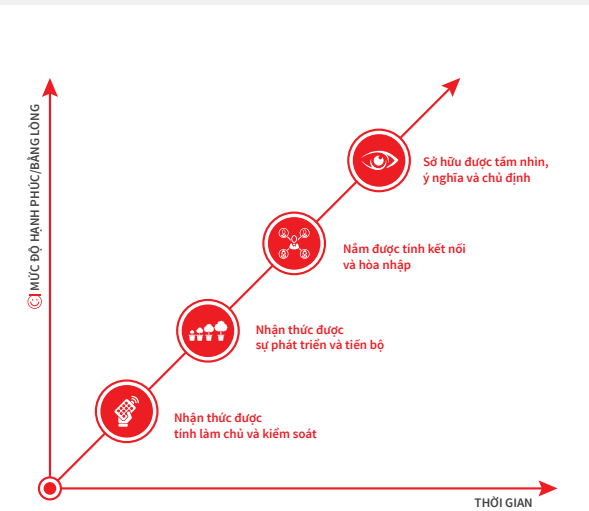
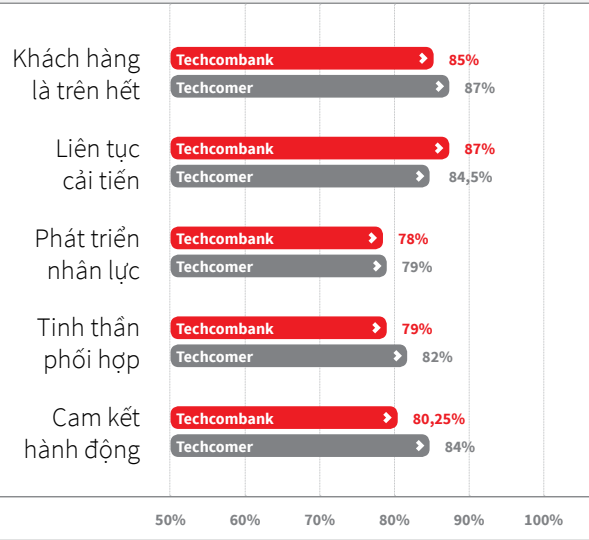
Theo kết quả khảo sát EES, mức độ thực hành 5 giá trị cốt lõi tại Techcombank năm 2017 đạt trung bình trên 80% và liên tục được cải thiện qua các năm. Việc Techcomers tích cực thực hành chính là cơ hội để Techcombank đưa ra 4 mục tiêu lớn biến Văn hóa tổ chức thực sự thành một phần không thể thiếu trong các hoạt động hàng ngày:

- PHỔ CẬP VÀ THỰC HÀNH GIÁ TRỊ CỐT LÕI THÔNG QUA CHƯƠNG TRÌNH HÀNH TRÌNH VĂN HÓA THƯỜNG NIÊN;**
- XÂY DỰNG BỘ CHUẨN MỰC HÀNH VI ĐẦY ĐỦ, CHI TIẾT VÀ RÕ RÀNG THEO TỪNG TIÊU CHÍ GIÁ TRỊ CỐT LÕI, BỘ CHUẨN MỰC VĂN HÓA RIÊNG BIỆT VÀ CỤ THỂ THEO TỪNG CẤU PHẦN KINH DOANH CỦA TỪNG KHỐI VÀ CÓ HƯỚNG DẪN CHI TIẾT;**
- TRIỂN KHAI NHIỀU CHƯƠNG TRÌNH ĐỂ CBNV BIẾT, HIỂU VÀ TIN TƯỞNG, THÚC ĐẨY THỰC HIỆN VÀ BIẾT CÁCH CHUYỂN ĐỔI THÔNG QUA VAI TRÒ LÀM GƯƠNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH, CÁC CẤP QUẢN LÝ CẤP TRUNG VÀ ĐỘI NGŨ KẾ CẬN TRONG TALENT POOL.**
- XÂY DỰNG HỆ THỐNG ĐO LƯỜNG VIỆC THỰC HIỆN 5 GIÁ TRỊ CỐT LÕI HIỆU QUẢ VÀ KHÁCH QUAN CÓ THAM CHIẾU CHUẨN ĐỐI SÁNH VỚI CÁC TỔ CHỨC QUỐC TẾ.**

KHỞI ĐẦU LÀ MỘT NGÂN HÀNG QUY MÔ NHỎ, NHƯNG SAU 24 NĂM HOẠT ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN, TECHCOMBANK ĐÃ TRỞ THÀNH NGÂN HÀNG DẪN ĐẦU VỚI KHÁT VỌNG XÂY DỰNG THÀNH CÔNG DOANH NGHIỆP VIỆT CÓ GIÁ TRỊ VÀ ĐẲNG CẤP QUỐC TẾ, QUA ĐÓ MANG LẠI LỢI ÍCH LỚN HƠN CHO CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI.

Như Tony Hsieh đã trích dẫn trong cuốn sách bán chạy nhất Tỷ phú bán giấy (Delivering Happiness), bất kỳ tổ chức nào đưa ra một viễn cảnh với mục tiêu cao cả hơn là chỉ kiếm tìm lợi nhuận hay trở thành số 1, thì tổ chức đó đã mang trong mình một phẩm chất Vượt trội (dưới góc độ hiệu quả tài chính lâu dài). Hành trình chuyển đổi Văn hóa tổ chức của Techcombank với những nỗ lực tập trung vào việc nâng cao năng lực quản lý Văn hóa tổ chức của cấp lãnh đạo cấp cao và đội ngũ kế thừa chắc chắn sẽ trở thành nền tảng quan trọng hỗ trợ Techcombank sớm chinh phục mục tiêu trở thành Ngân hàng số 1 Việt Nam.

Mức độ thực hành 5 giá trị cốt lõi





Nâng "CHẤT" TECHCOMER

ĐÓ CÓ THỂ CHƯA PHẢI LÀ
NHỮNG CÁ NHÂN TỐT NHẤT
NHƯNG PHẢI LÀ NHỮNG NGƯỜI

PHÙ HỢP NHẤT

VỚI ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CHUNG CỦA TỔ
CHỨC. CHỈ KHI TẤT CẢ CÙNG NHÌN VỀ MỘT HƯỚNG,
GUỒNG MÁY LỚN MỚI CHẠY THÔNG SUỐT MÀ
KHÔNG GẶP TRỞ LỰC TỪ CHÍNH NỘI TẠI HOẶC SỰ
LÔNG LẼO ĐẦU ĐÓ TRONG CỔ MÁY.

Tổng Giám đốc **Nguyễn Lê Quốc Anh**

Năm 2017, là năm nền kinh tế vĩ mô của Việt Nam nói chung và ngành Ngân hàng nói riêng đã phát triển một cách mạnh mẽ, các tổ chức tín dụng và ngân hàng đều đạt được những kết quả kinh doanh khả quan. Tuy nhiên, để có được kết quả này thì các tổ chức kinh tế - tài chính đã trải qua một năm đầy biến động trong việc đảm bảo có đủ lực lượng nhân sự chất lượng cao, đáp ứng được các nhu cầu ngày càng phức tạp của khách hàng đối với các sản phẩm dịch vụ tài chính – ngân hàng.



Trong bối cảnh ấy, Techcombank tự hào khẳng định là một trong những ngân hàng có tỷ lệ nhân viên nghỉ việc thấp nhất trong hệ thống. Không những thế, Techcombank còn được ghi nhận là tổ chức có số lượng cán bộ nhân viên, đặc biệt là đội ngũ lãnh đạo cấp trung và cao cấp có thâm niên trung bình rất cao so với bình quân toàn ngành.

Điều này thể hiện chúng tôi đã có chiến lược nhân sự phù hợp trong bối cảnh biến động của thị trường, với mục tiêu tạo ra môi trường tốt nhất - nơi mà các cán bộ nhân viên có thể phát huy tối đa năng lực, khả năng, được tạo điều kiện học tập, đào tạo nghiệp vụ toàn diện, được ghi nhận và có lộ trình công danh rõ ràng, cũng như nhận được những đãi ngộ, phúc lợi thỏa đáng.

Techcombank hiểu rằng "Nhân sự xuất sắc" là một trong những nền tảng quan trọng

nhất - yếu tố then chốt tạo nên sự phát triển bền vững của bất kỳ tổ chức nào. Bởi vậy ngay từ đầu, Techcombank đã xác định được tầm quan trọng của việc lựa chọn, tuyển dụng, đào tạo, giữ chân và phát triển nhân tài gắn kết với mục tiêu phát triển của tổ chức. Chỉ khi có đủ nguồn lực cần thiết mới có thể sẵn sàng đáp ứng, triển khai được các yêu cầu của chiến lược và mô hình kinh doanh đã lựa chọn.

Tại Techcombank, chiến lược tuyển dụng, đào tạo luôn luôn nhất quán với tư duy: *"Đó có thể chưa phải là những cá nhân tốt nhất nhưng phải là những người phù hợp nhất với định hướng phát triển chung của tổ chức. Chỉ khi tất cả cùng nhìn về một hướng, guồng máy lớn mới chạy thông suốt mà không gặp trở lực từ chính nội tại hoặc sự lỏng lẻo đầu đố trong cỗ máy"* - Tổng Giám đốc Nguyễn Lê Quốc Anh.

◆ **TECHCOMBANK LUÔN TẠO ĐIỀU KIỆN ĐỂ NHÂN SỰ GẶT HÁI ĐƯỢC THÀNH CÔNG CAO NHẤT, PHÁT HUY ĐƯỢC TIỀM NĂNG, TRỞ THÀNH MỘT "PHIÊN BẢN TỐT HƠN" CỦA CHÍNH MÌNH KHI ĐƯỢC TRAO TẦM NHÌN, THỬ THÁCH, CƠ HỘI, NẮM TRONG TAY VAI TRÒ DẪN DẮT TECHCOMBANK TRONG VIỆC HIỆN THỰC HÓA MỤC TIÊU TRỞ THÀNH NGÂN HÀNG SỐ I VIỆT NAM.** ◆

Khẳng định "LƯỢNG"...



1

Năm 2017, Techcombank tuyển mới gần

2.000

cán bộ, để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh của Ngân hàng. Tất cả các cán bộ này đã được đào tạo và định hướng lộ trình sự nghiệp để nhanh chóng thích nghi và hòa nhập với văn hóa Techcombank;

2

Số lượng cán bộ đạt trình độ học vấn cao có xu hướng tăng đáng kể. Năm 2017, toàn Ngân hàng có trên

92%

cán bộ nhân viên đạt trình độ đại học và trên đại học.

Đặc biệt, thâm niên trung bình gắn bó với Ngân hàng duy trì ở mức hơn 4,7 năm. Đây là con số rất tích cực, thể hiện mức độ gắn kết của người lao động với Techcombank, cao hơn đáng kể so với mức trung bình 3 năm của ngành dịch vụ và cao hơn rất nhiều so với mức trung bình của ngành tài chính - ngân hàng.

Điều đó thể hiện rằng với chiến lược nhân sự đúng đắn, Techcombank là môi trường làm việc lý tưởng được đội ngũ nhân sự có năng lực cao của ngành tài chính lựa chọn và gắn kết.



LỰA CHỌN ĐẦU VÀO KỸ CÀNG



Công tác tuyển dụng được lên kế hoạch dài hạn từ việc xác định nhu cầu nhân lực của các khối trong toàn hệ thống, dựa trên định hướng kinh doanh và mục tiêu đặt ra trong 5 năm tới. Từ đó có các đội ngũ tuyển dụng được chuyên biệt hóa nhằm tuyển chọn, xác định nguồn nhân lực kỳ vọng, phỏng vấn ứng viên theo định hướng và nhu cầu của Ngân hàng.

Trong quy trình tuyển dụng có cam kết về số lượng, thời gian cung cấp ứng viên, thời gian phản hồi ứng viên, và chất lượng sau tuyển dụng (ứng viên qua được thời gian thử thách) và có đo lường hiệu quả của những cam kết này. Kết quả của tuyển dụng trong khảo sát mức độ hài lòng của khách hàng nội bộ năm 2017 đạt 82,59% (tăng 2% so với năm 2016).

CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO VƯỢT TRỘI

Techcombank có những cột mốc đào tạo khác nhau dành cho từng bộ chức danh để đảm bảo có thể nâng cao chất lượng và năng lực của cán bộ nhân viên, giúp họ dần thích ứng ngay từ những ngày đầu gia nhập. Techcombank hiểu rằng, sự hòa nhập, thoải mái trong giai đoạn đầu đóng vai trò quyết định đến khả năng gắn bó của họ với tổ chức sau này.

Đó là lý do trong năm 2017, Techcombank liên tục cải thiện những chương trình đào tạo chủ chốt của mình để có thể phát triển cán bộ nhân viên, điển hình như dự án Xây dựng khung năng lực chuẩn cho đội ngũ bán, tiếp tục triển khai Chương trình Đào tạo Cán bộ Quản lý (TechcomLead)... Toàn Ngân hàng đã

triển khai 231 khóa học và thi, với 91.967 lượt học viên tham gia đào tạo. Số lượng giảng viên nội bộ tham gia giảng dạy cũng tăng dần qua các năm, đạt 278 cán bộ trong năm 2017 (không bao gồm giảng viên cơ hữu). Đây là những con số ấn tượng, khẳng định một năm bứt phá và thành công đối với công tác đào tạo tại Techcombank.

Từ nỗ lực nâng cao chất lượng của hoạt động đào tạo, Ngân hàng tự hào khi nhận được thành quả bước đầu đến từ kết quả của "Khảo sát mức độ hiệu quả của cán bộ nhân viên (EES)". Theo đó, chỉ số hiệu quả của cán bộ nhân viên Techcombank đạt 66%, cao nhất trong 5 kỳ thực hiện khảo sát giai đoạn 2011-

2017 và lần đầu tiên vượt lên trên tất cả các nhóm so sánh. Điều này khẳng định bước tiến vượt trội về chất lượng và sự gắn kết của cán bộ nhân viên Ngân hàng.



Nâng tầm "CHẤT"...

Tại Techcombank, chúng tôi luôn quan niệm rằng đầu tư vào công tác tổ chức đào tạo là một trong những chiến lược đúng đắn, do đó ngay cả trong những giai đoạn hết sức khó khăn, ngân sách của Ngân hàng dành cho các chương trình đào tạo không vì thế mà bị cắt giảm.

◀ **CÔNG TÁC ĐÀO TẠO BÀI BẢN VÀ CHUYÊN NGHIỆP LUÔN ĐƯỢC COI LÀ YẾU TỐ THEN CHỐT Củng CỐ CHO GIÁ TRỊ NỀN TẢNG "NHÂN SỰ XUẤT SẮC."** ▶

Do đó bên cạnh những thành công về "Lượng", trong năm 2017, Techcombank còn ghi dấu nhiều thành công về "Chất" trong công tác tổ chức các khóa đào tạo tân tuyển, đào tạo kỹ năng mềm, đào tạo e-learning được "đo ni đóng giày" cho các nhóm nhân sự chuyên biệt và nhận được những phản hồi rất tích cực từ các học viên.

Bên cạnh đó, đội ngũ giảng viên nội bộ Techcombank là những cán bộ lãnh đạo tâm huyết, giàu kinh nghiệm, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao và khả năng ứng dụng phương pháp, phương tiện giảng dạy hiện đại kích lệ tinh thần tập trung và hứng khởi của học viên.

Công tác đào tạo và huấn luyện không chỉ dừng lại ở trong các lớp học và các khóa đào tạo, mà còn được thực hiện trong công việc hàng ngày có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng và phát triển đội ngũ Techcomers - mang trong mình ADN của tổ chức với tinh thần học hỏi không ngừng và khát vọng vươn lên, sự minh bạch và đạo đức nghề nghiệp, từ đó sẽ củng cố niềm tin của khách hàng với Techcombank, tạo nên sự gắn kết bền vững.



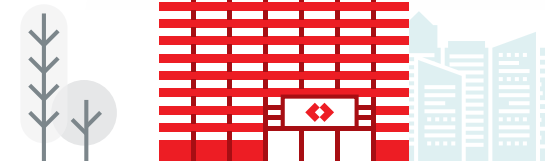


Tạo ra Nhân sự xuất sắc

◀ **TIẾP NỐI CÔNG TÁC TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC "NHÂN SỰ XUẤT SẮC" TỪ 2016 - 2017, TRONG NĂM 2018 TECHCOMBANK SẼ TIẾP TỤC ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, ĐẶC BIỆT TẬP TRUNG VÀO CÁC CHƯƠNG TRÌNH NÂNG CAO NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ CHO CÁC CÁN BỘ NHÂN VIÊN, HƯỚNG TỚI NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG. ▶**

Ngân hàng đảm bảo ứng viên sẽ được nhận một cơ hội nghề nghiệp toàn diện khi đến với Techcombank thông qua chính sách đãi ngộ tổng thể của Techcombank đảm bảo ghi nhận thưởng xứng đáng, cũng như lộ trình đào tạo, phát triển và văn hóa tổ chức vững mạnh, minh bạch.

Bên cạnh đó, thông qua việc duy trì và đề cao triết lý "Lấy cán bộ nhân viên làm trọng tâm", Techcombank luôn không ngừng cải tiến những chương trình phúc lợi đãi ngộ đặc biệt, đáp ứng nhu cầu thực tế của cán bộ nhân viên. Điều này cũng thể hiện sự ghi nhận của Ngân hàng với những nỗ lực và đóng góp cho sự thành công chung của tổ chức.



Chương trình Bảo hiểm TECHCOMBANK CARE



ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Toàn thể CBNV chính thức đang làm việc tại Techcombank và người thân.

Ý NGHĨA VÀ LỢI ÍCH TỪ CHƯƠNG TRÌNH

Được duy trì triển khai từ năm 2009, Techcombank Care mang tới cho CBNV và người thân một chương trình phúc lợi toàn diện và thiết thực, nhằm hỗ trợ và đảm bảo tài chính cho CBNV trước những rủi ro về tai nạn, ốm bệnh hoặc trong trường hợp thai sản. Năm 2017, bên cạnh việc giữ nguyên các quyền lợi ưu việt, Chương trình đã điều chỉnh và nâng cấp quyền lợi bảo hiểm cho nhóm CBNV hàm VP, O và C, mang lại giá trị phúc lợi cao hơn cho các thành viên Techcombank.

Chương trình vay DÀNH CHO CBNV



ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Toàn thể CBNV chính thức đang làm việc tại Techcombank, có thâm niên 1 năm công tác và đạt mức đánh giá hiệu quả công việc từ A3 trở lên.

Ý NGHĨA VÀ LỢI ÍCH TỪ CHƯƠNG TRÌNH

Được thiết kế dựa trên chính nhu cầu của CBNV, Chương trình mang lại cơ hội hiện thực hóa ước mơ và đón nhận khoảnh khắc tuyệt vời trong những dấu mốc của cuộc đời một cách nhanh chóng nhất cho CBNV. Bên cạnh đó, Chương trình cũng khẳng định cam kết mạnh mẽ của ngân hàng đồng hành cùng CBNV trong việc đem lại cuộc sống tốt hơn cho bản thân và gia đình.

VỚI MỤC TIÊU LIÊN TỤC CẢI TIẾN VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ, HÀNG NĂM TECHCOMBANK ĐỀU TỔ CHỨC TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH KHẢO SÁT THẨM DÒ VÀ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA KHÁCH HÀNG NỘI BỘ ĐỐI VỚI CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ CỦA CÁC ĐƠN VỊ. THEO ĐÓ, TRONG NĂM 2017, MỨC ĐỘ HÀI LÒNG BÌNH QUÂN CỦA TOÀN HỆ THỐNG ĐẠT 83,35%, TĂNG 2,13% SO VỚI NĂM 2016. KẾT QUẢ NÀY ĐÃ KHẲNG ĐỊNH CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ NỘI BỘ ĐANG NGÀY CÀNG ĐƯỢC CẢI TIẾN TẠI TECHCOMBANK.

83,35%

MỨC ĐỘ HÀI LÒNG BÌNH QUÂN CỦA TOÀN HỆ THỐNG NĂM 2017, TĂNG 2,13% SO VỚI NĂM 2016

THÊM VÀO ĐÓ, TRONG NĂM 2017, TECHCOMBANK ĐÃ XUẤT SẮC TRỞ THÀNH NGÂN HÀNG TMCP DUY NHẤT NẪM TRONG TOP 2 NƠI LÀM VIỆC TỐT NHẤT VIỆT NAM NGÀNH NGÂN HÀNG, VÀ XẾP HẠNG 18 TRONG TOP 100 NƠI LÀM VIỆC TỐT NHẤT VIỆT NAM, TĂNG 2 BẬC SO VỚI NĂM 2015 (THEO KẾT QUẢ CÔNG BỐ BỞI NIELSEN VÀ ANPHABE TRONG CUỘC KHẢO SÁT "NƠI LÀM VIỆC TỐT NHẤT VIỆT NAM 2016"). GIẢI THƯỞNG NÀY ĐÃ GHI NHẬN NHỮNG TIẾN BỘ CỦA TECHCOMBANK TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC THÔNG QUA XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC VÀ TẠO CẢM HỨNG CHO CÁN BỘ NHÂN VIÊN.





giá trị của sự **VỮNG BỀN**

**TECHCOMBANK LÀ MỘT TRONG
RẤT ÍT NGÂN HÀNG TẠI VIỆT NAM
ĐẦU TƯ NGHIÊM TÚC VÀO QUẢN
TRỊ RỦI RO VÀ LỰA CHỌN NÀY
HIỆN ĐANG PHÁT HUY HIỆU QUẢ.**



**TECHCOMBANK LÀ MỘT
TRONG RẤT ÍT NGÂN HÀNG
TẠI VIỆT NAM**

ĐẦU TƯ NGHIÊM TÚC

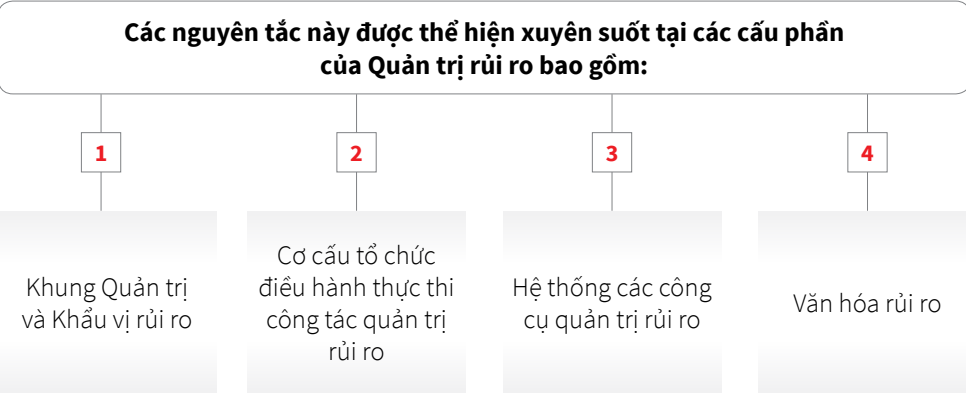
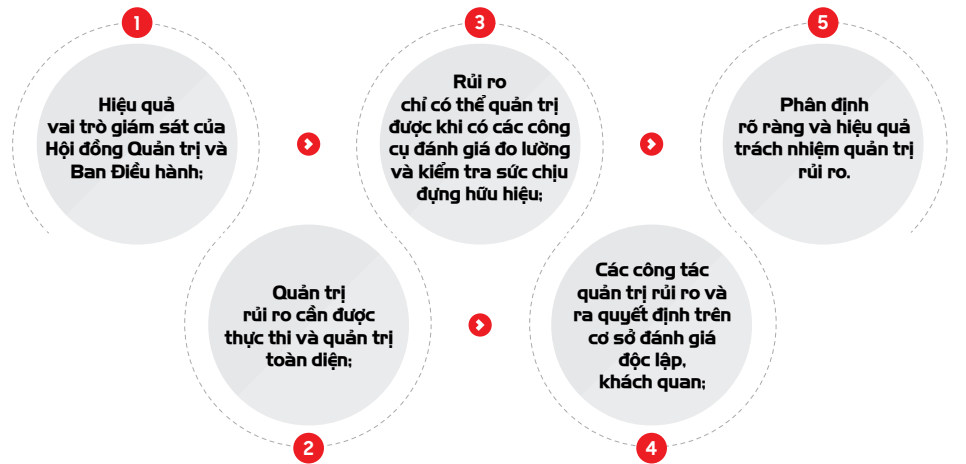
**VÀO QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ LỰA CHỌN NÀY
HIỆN ĐANG PHÁT HUY HIỆU QUẢ.**

Khi quản trị rủi ro trở thành nhu cầu tự thân

Sau nhiều sóng gió trên thị trường tài chính - ngân hàng giai đoạn trước, thời gian qua, Ngân hàng Nhà nước đã thể hiện quan điểm điều hành thị trường một cách thận trọng như điều tiết hợp lý dòng vốn tín dụng sang lĩnh vực sản xuất và lĩnh vực ưu tiên; tăng tỷ lệ dự phòng rủi ro đối với cho vay những lĩnh vực không ưu tiên; giảm dần tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn. Đó là một trong những cơ sở tiền đề để phát triển thị trường tài chính - ngân hàng lành mạnh, bền vững.

Tuy nhiên, với Techcombank, quản trị rủi ro không chỉ nhằm đáp ứng quy định của cơ quan điều hành mà là một nhu cầu tự thân. Xuất phát từ quan điểm quản trị rủi ro đóng vai trò rất quan trọng trong hoạt động của một ngân hàng thương mại, Techcombank đã xây dựng Khung quản trị rủi ro toàn diện đảm bảo giúp Ngân hàng đạt được các mục tiêu chiến lược đồng thời phát triển bền vững.

Theo Chính sách quản trị rủi ro của Ngân hàng, tất cả các hoạt động kinh doanh vận hành cần phải dựa trên các nguyên tắc nền tảng như sau:



Trên cơ sở nền tảng quản trị rủi ro được thiết lập, Techcombank thực thi quản trị rủi ro thông qua việc hiểu khách hàng, văn hóa tuân thủ và liên tục cải tiến, cụ thể đã triển khai như sau:

1

Hiểu khách hàng và quản lý rủi ro bền vững: Cơ cấu quản trị rủi ro được xây dựng theo từng phân khúc khách hàng, dựa trên quy mô, đặc tính, hành vi của từng nhóm khách hàng và với định hướng “quản trị rủi ro chủ động tới gần khách hàng hơn, am hiểu kinh doanh hơn” đã giúp Techcombank ngày càng nâng cao sự thấu hiểu và gắn kết với khách hàng thông qua các hoạt động tư vấn quản trị rủi ro, tư vấn kinh doanh, nhận diện sớm các rủi ro, đưa ra các quyết định phù hợp, từ đó nâng cao chất lượng quản trị rủi ro.

2

Techcombank xây dựng các phương thức quản trị rủi ro linh hoạt và chủ động xây dựng các phương án dự phòng rủi ro, cho phép quản lý được vốn, đồng thời thuận tiện hơn trong vận hành kinh doanh. Theo đó, các giải pháp và dịch vụ cho khách hàng cũng có nhiều lựa chọn hơn, phù hợp với các nhu cầu tài chính khác nhau của khách hàng

3

Văn hóa tuân thủ đảm bảo tính hệ thống và chuẩn mực: Với mục tiêu chiến lược là trở thành Ngân hàng số 1 tại Việt Nam, Techcombank đã luôn tiên phong áp dụng các thông lệ quốc tế tốt nhất vào hoạt động quản trị kinh doanh, đặc biệt trong công tác quản trị rủi ro. Việc nghiêm túc tuân thủ các quy định pháp luật, các chuẩn mực theo thông lệ quốc tế và chủ động thực hiện áp dụng nhất quán toàn hệ thống, Techcombank hướng tới một hệ thống minh bạch tin cậy đối với các khách hàng, cổ đông và các bên liên quan khác.



♦ **VĂN HÓA TUÂN THỦ ĐƯỢC XÂY DỰNG, PHÁT HUY VÀ ĐỀ CAO Ở TECHCOMBANK. CÁC CÁN BỘ NHÂN VIÊN TECHCOMBANK LUÔN NGHIÊM TÚC, ĐỀ CAO TÍNH TỰ GIÁC TUÂN THỦ, KHÔNG DUNG TÚNG BAO CHE CÁC HÀNH VI VI PHẠM, ĐỒNG THỜI CHỦ ĐỘNG CAM KẾT THỰC HIỆN CÁC CHUẨN MỰC HÀNH VI VÀ ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP.** ♦

Hệ thống quản trị rủi ro tiên tiến

♦ **VỚI MỤC TIÊU QUẢN TRỊ RỦI RO HIỆU QUẢ, THÔNG SUỐT, MINH BẠCH VÀ ĐÁP ỨNG CÁC CHUẨN MỤC QUỐC TẾ, MÔ HÌNH QUẢN TRỊ TẠI TECHCOMBANK TÁCH BIỆT CÁC CHỨC NĂNG KINH DOANH VÀ PHÊ DUYỆT CHẤP NHẬN RỦI RO, THEO ĐÓ CÁC BỘ PHẬN CHỨC NĂNG ĐỀU CÓ VAI TRÒ ĐỘC LẬP CỦA MÌNH.** ♦

Hội đồng Quản trị là cơ quan cấp cao nhất có trách nhiệm quản trị rủi ro. Thông qua Ủy ban Kiểm toán và Rủi ro (ARCO), khung quản trị rủi ro, khẩu vị rủi ro và các chính sách quản trị rủi ro được phê duyệt từng thời kì là định hướng xuyên suốt cho công tác quản trị rủi ro và các hoạt động kinh doanh của toàn Ngân hàng.

Các hội đồng trực thuộc ban điều hành liên quan đến công tác quản trị rủi ro đang được tinh chỉnh, hoàn thiện các chức năng đóng vai trò điều hành và ra các quyết định chấp nhận rủi ro.

Đặc biệt, Khối Quản trị Rủi ro là đơn vị độc lập với kinh doanh, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro (ARCO) với vai trò giám sát mọi hoạt động của Ngân hàng. Theo đó, các hoạt động và quyết định quản trị rủi ro đảm bảo tính minh bạch, độc lập và được đánh giá đầy đủ.

Techcombank là một trong rất ít ngân hàng tại Việt Nam đầu tư nghiêm túc vào quản trị rủi ro và lựa chọn này hiện đang phát huy hiệu quả. Hệ thống quản trị rủi ro tập trung chuyển đổi từ đơn thuần xử lý các vấn đề đã phát sinh sang chủ động nhận diện sớm rủi ro và có các giải pháp ngăn ngừa và giảm thiểu. Các định hướng kinh doanh được xây dựng trên nền tảng mức độ, ngưỡng rủi ro mà Techcombank có thể chấp nhận được. Từ đó xây dựng các định hướng lựa chọn khách hàng, các cơ cấu tín dụng và giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro. Song song với đó, Techcombank đã xây dựng các kênh rà soát thường xuyên, nhận diện sớm rủi ro và sớm có các giải pháp chủ động cho mọi trạng thái thị trường.

Techcombank lấy việc hiểu khách hàng làm trọng tâm, Khung quản trị rủi ro làm trụ cột và Văn hóa quản trị Rủi ro làm nền tảng, để từ đó quản lý tất cả các loại hình rủi ro đặc biệt là: (i) rủi ro tín dụng thường là rủi ro được chú ý nhất trong môi trường kinh doanh tại Việt Nam nói chung và ngành tài chính - ngân hàng nói riêng; rủi ro hoạt động; rủi ro gian lận tài chính thường là rủi ro có tần suất xảy ra nhiều nhất, đã và đang được giám sát bởi nhiều lớp, nhiều công cụ. Trong năm 2018 và dài hạn, Techcombank sẽ tiếp tục củng cố nền tảng và trụ cột quản trị rủi ro để đảm bảo sự phát triển mạnh mẽ, bền vững theo đúng chiến lược đã vạch ra.

Quản trị rủi ro không chỉ giới hạn, giảm thiểu các rủi ro cho Ngân hàng, mà còn tập trung vào các giải pháp quản trị rủi ro cho khách

hàng. Xây dựng mối quan hệ bền chặt, song hành và phát triển cùng với khách hàng là mục tiêu của Techcombank phát triển kinh doanh và đồng thời cũng nhằm quản trị rủi ro hiệu quả hơn.

Việc Techcombank chú trọng vào quản trị rủi ro có ý nghĩa lớn trong việc mang lại sự an tâm tới khách hàng, để khách hàng có thể hoàn toàn đặt niềm tin vào một ngân hàng mà văn hóa rủi ro được lan truyền rộng rãi và mạnh mẽ từ cấp lãnh đạo cao nhất tới từng cán bộ nhân viên.



Nâng cao năng lực để bảo vệ hiệu quả

Năm 2017, Techcombank đã thực hiện tính toán tỷ lệ an toàn vốn theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và Ủy ban Basel để chuẩn hóa các quy định về an toàn hoạt động theo khuôn khổ Basel II. Để có thể tính toán chính xác, áp dụng vào công tác quản trị và nhằm tối ưu hóa nguồn vốn của Ngân hàng, Techcombank cũng hoàn thiện các công tác chuẩn hóa quy trình, hệ thống hóa và thu thập bổ sung dữ liệu, tự động hóa báo cáo.

Nhằm quản lý rủi ro tín dụng hiệu quả, Techcombank cũng đã tập trung phát triển và vận hành hiệu quả mô hình đánh giá khách hàng cá nhân. Mô hình xếp hạng khách hàng cá nhân đã có bước tiến vượt trội khi chuyển từ việc đánh giá theo sản phẩm tín dụng sang đánh giá theo khách hàng. Việc chuyển đổi này giúp Techcombank xây dựng hiệu quả các chương trình bán chéo (cross-sale), bán thêm, phê duyệt trước (pre-approve) và giữ chân khách hàng giao dịch lâu dài với Techcombank.

Bên cạnh đó, Techcombank đang tiếp tục xây dựng và phát triển mô hình đánh giá tổn thất khi khách hàng mất khả năng thanh toán (LGD) cho phân khúc khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp. Mô hình LGD được xây dựng trên cơ sở giá trị thực của tài sản bảo đảm, thay vì giá trị thị trường để giảm thiểu rủi ro do biến động của thị trường.

Cũng trong năm 2017, Techcombank tiếp tục thực hiện các tiểu dự án để tự hoàn thiện hệ thống công nghệ và cơ sở dữ liệu, hệ thống quy trình nghiệp vụ và các quy định nội bộ để tự động hóa và chuẩn bị sẵn sàng cho việc tuân thủ sớm các quy định về an toàn vốn của Ngân hàng Nhà nước trong

Thông tư 41/2016/TT-NHNN. Techcombank cũng đã có các kế hoạch và lộ trình để thực hiện các công việc chuẩn bị cho tuân thủ thông tư quy định về hệ thống kiểm toán kiểm soát nội bộ và ICAAP (trụ cột 2 của Basel II) mà Ngân hàng Nhà nước đang trong quá trình soạn thảo.

◀ **BÊN CẠNH MỤC TIÊU TUÂN THỦ QUY ĐỊNH CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC, TECHCOMBANK ĐẶT MỤC TIÊU CAO HƠN ĐÓ LÀ THỰC HIỆN TUÂN THỦ BASEL II THEO PHƯƠNG PHÁP NÂNG CAO, HƯỚNG GẦN TỚI ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ TRONG QUẢN LÝ RỦI RO. ĐÂY LÀ MỘT MỤC TIÊU THAM VỌNG NHƯNG KHẢ THI, NẪM TRONG KHẢ NĂNG CỦA TECHCOMBANK.** ▶



Ngoài ra, trong năm qua, Dự án Mô hình Kho dữ liệu phục vụ Quản trị Rủi ro (Risk Datamart) bắt đầu được triển khai nhằm chuẩn hóa về mặt dữ liệu rủi ro, tạo nguồn dữ liệu tin cậy thống nhất và cung cấp các công cụ tự động hóa hỗ trợ cho hệ thống các báo cáo quản lý rủi ro, báo cáo đánh giá về vốn và tài sản giúp Techcombank có thể ra các quyết định quản trị hiệu quả và chủ động trong công tác quản trị rủi ro.

Tất cả các hoạt động trong thời gian tới sẽ đều hướng tới việc nâng cao năng lực quản trị rủi ro, hỗ trợ bảo vệ hiệu quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

◀ **ĐỊNH HƯỚNG CHO NĂM 2018, TECHCOMBANK SẼ TIẾP TỤC HOÀN THIỆN MÔ HÌNH ĐÁNH GIÁ KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP. TECHCOMBANK SẼ ĐẦU TƯ VÀO PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG CHO HỆ THỐNG PHÊ DUYỆT TÍN DỤNG TÍCH HỢP SỬ DỤNG CÁC MÔ HÌNH ĐÁNH GIÁ RỦI RO KHÁCH HÀNG TRONG QUY TRÌNH TÍN DỤNG. TẤT CẢ CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG THỜI GIAN TỚI SẼ ĐỀU HƯỚNG TỚI VIỆC NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN TRỊ RỦI RO, HỖ TRỢ BẢO VỆ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA NGÂN HÀNG.** ▶

TRONG NĂM 2017, TECHCOMBANK ĐÃ GẶT HÁI ĐƯỢC NHIỀU THÀNH TỰU ẤN TƯỢNG KHI CÁC CHỈ SỐ VỀ LỢI NHUẬN ĐỀU CÓ SỰ TĂNG TRƯỞNG VƯỢT BẬC, ĐẶC BIỆT LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ TIẾP TỤC TĂNG GẤP KHOẢNG 2 LẦN TRONG HAI NĂM LIÊN TIẾP.

Bước sang năm thứ 2 kiên định với chiến lược “Khách hàng là trọng tâm”, Techcombank hiểu rằng sự an tâm, thành công của khách hàng cũng chính là con đường dẫn tới thành công của chính ngân hàng. Do đó, mọi sản phẩm dịch vụ của Techcombank đều hướng tới mục đích trước tiên là nhằm hỗ trợ cho sự thành công tài chính trong dài hạn của khách hàng. Từ việc cung cấp những sản phẩm riêng lẻ, Techcombank đã cung cấp cho khách hàng những gói sản phẩm đáp ứng tốt hơn nhu cầu tài chính của họ qua đó tiến thêm một bước tới gần hơn với khách hàng. Song hành cùng sự thành công của khách hàng, trong năm 2017 Techcombank đã gặt hái được nhiều thành tựu ấn tượng khi các chỉ số về lợi nhuận đều có sự tăng trưởng vượt bậc, đặc biệt lợi nhuận trước thuế tiếp tục tăng gấp khoảng 2 lần trong hai năm liên tiếp.

Chỉ số	Đơn vị	2017
Tổng tài sản	Tỷ VND	269.392
Tăng trưởng tín dụng	%	15,96
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VND	8.036
Tăng trưởng LNTT		Gấp 2 lần
ROE (%)	%	23,84
ROA (%)	%	2,09
Tỷ trọng TG KKH	%	23,51
Tỷ trọng thu nhập ngoài lãi	%	45,36
Số lượng khách hàng		Trên 5 triệu khách hàng
Số lượng CBNV	Người	8.766
Doanh thu trên mỗi CBNV	Tỷ VND	1,86
Số lượng chi nhánh	Chi nhánh	315
Số lượng ATM	Máy	1.117
Chi phí/Thu nhập	%	28,75

(*) Tính trên cơ sở từng tháng và không bao gồm doanh thu từ phí hỗ trợ đại lý bảo hiểm và doanh thu từ bán cổ phiếu Vietnam Airline.

TRONG NĂM 2017
TECHCOMBANK
ĐÃ GẶT HÁI ĐƯỢC
NHIỀU THÀNH TỰU
ẤN TƯỢNG KHI
CÁC CHỈ SỐ VỀ LỢI
NHUẬN ĐỀU CÓ
SỰ TĂNG TRƯỞNG
VƯỢT BẬC



TECHCOMBANK



TỔNG TÀI SẢN CỦA TECHCOMBANK
(TỶ VND)

269.392

TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG
(%)

15,96

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
(TỶ VND)

8.036

ROE
(%)

23,84

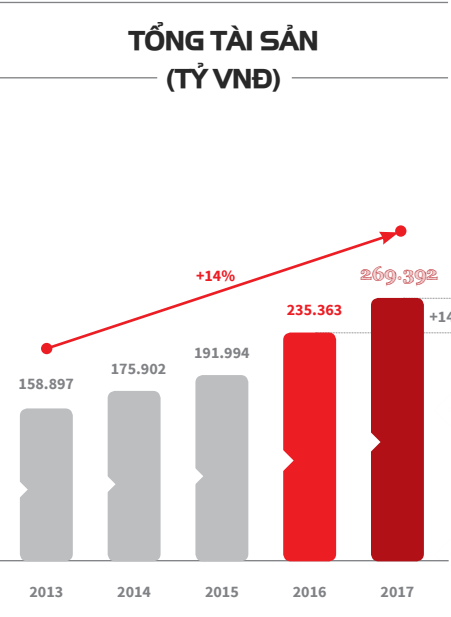
DOANH THU TRÊN MỖI CBNV
(TỶ VND)

1,86

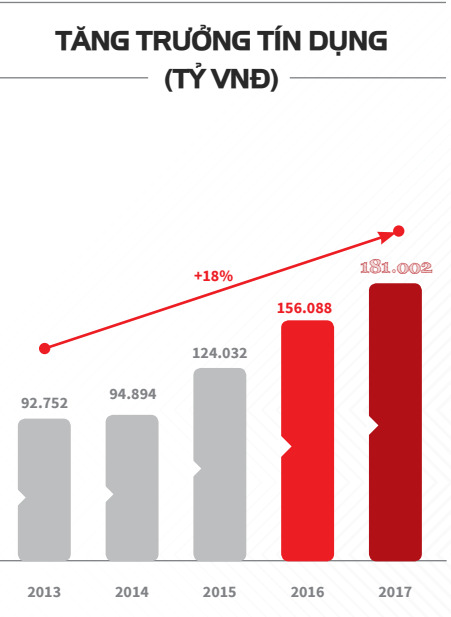
ROA
(%)

2,09

BƯỚC SANG NĂM THỨ 2 KIẾN ĐỊNH VỚI CHIẾN LƯỢC “KHÁCH HÀNG LÀ TRỌNG TÂM”, TECHCOMBANK HIỂU RẰNG SỰ AN TÂM, THÀNH CÔNG CỦA KHÁCH HÀNG CỨNG CHÍNH LÀ CON ĐƯỜNG DẪN TỚI THÀNH CÔNG CỦA CHÍNH NGÂN HÀNG.

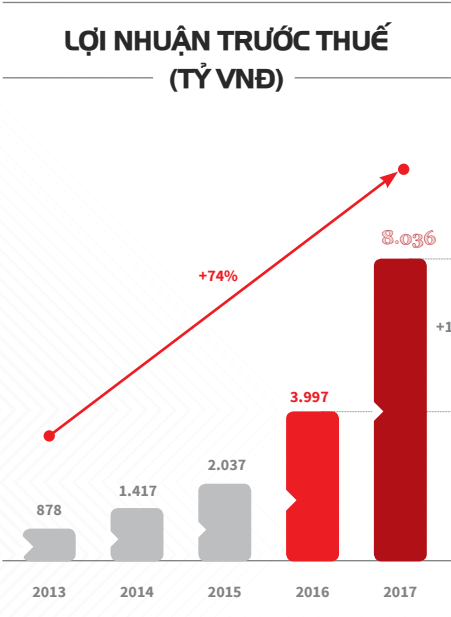


TỔNG TÀI SẢN CỦA TECHCOMBANK TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2017 CÁN MỐC 269.392 TỶ VNĐ, TĂNG 14% SO VỚI CUỐI NĂM 2016, QUA ĐÓ NÂNG TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KÉP (CAGR) TỪ 2013 ĐẾN 2017 ĐẠT MỨC 14,1%.

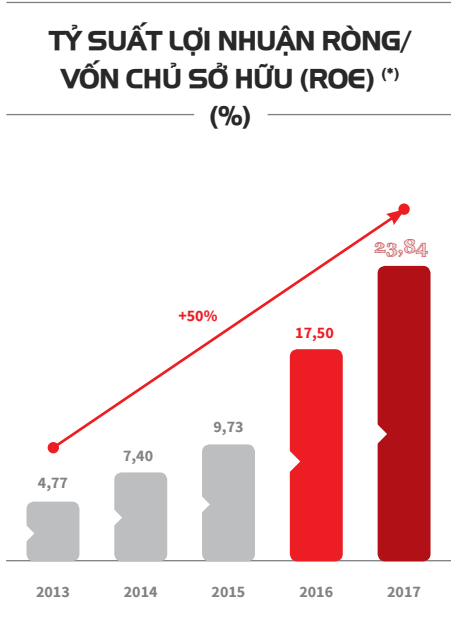


*Không gồm trái phiếu VAMC

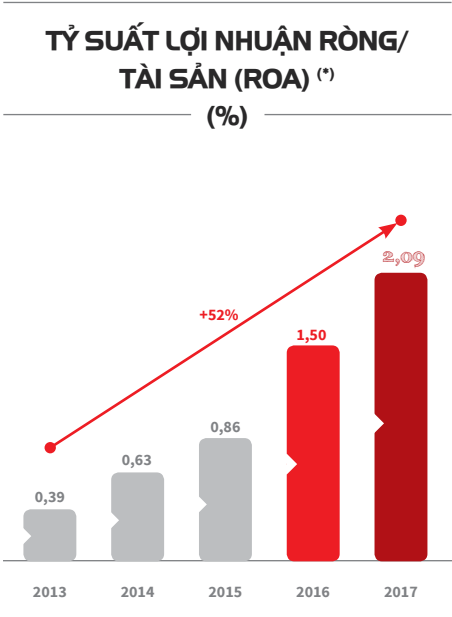
TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2017, TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG CỦA TECHCOMBANK HOÀN THÀNH MỤC TIÊU ĐÃ ĐẶT RA VÀ ĐẠT 15,96% NĂM TRONG HẠN MỨC ĐƯỢC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHO PHÉP.



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ NĂM 2017 ĐẠT 8.036 TỶ VNĐ VƯỢT KẾ HOẠCH 60%, TĂNG GẤP KHOẢNG 2 LẦN TRONG HAI NĂM LIÊN TIẾP VÀ TĂNG TRƯỞNG BÌNH QUÂN 73,9% TRONG 5 NĂM TRỞ LẠI ĐÂY.



NHỜ KẾT QUẢ LỢI NHUẬN ẤN TƯỢNG, TỶ SUẤT LỢI NHUẬN RÒNG/VỐN CHỦ SỞ HỮU (ROE) TIẾP TỤC TRÊN ĐÀ TĂNG TRƯỞNG MẠNH TỪ 17,50% NĂM 2016 LÊN MỨC 23,84% NĂM 2017.



TRONG NĂM 2017, TỶ SUẤT LỢI NHUẬN RÒNG/TÀI SẢN (ROA) CỦA TECHCOMBANK ĐẠT ĐƯỢC MỨC TĂNG TRƯỞNG CAO KHI ĐẠT MỨC 2,09%.

(*) Tính trên cơ sở từng tháng và không bao gồm doanh thu từ phí hỗ trợ đại lý bảo hiểm và doanh thu từ bán cổ phiếu Vietnam Airline.

ĐIỀU QUAN TÂM TRƯỚC HẾT CỦA MỖI CÁ NHÂN HAY DOANH NGHIỆP KHI LỰA CHỌN ĐỐI TÁC ĐỒNG HÀNH CÙNG MÌNH CHÍNH LÀ TÍNH

ỔN ĐỊNH, BỀN VỮNG

trong quá trình hoạt động và phát triển của đối tác đó. Đặc biệt với các ngân hàng thì sự an toàn và ổn định lại càng được chú trọng bởi bất kỳ sự bất ổn nào trong hoạt động cũng sẽ có ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích của khách hàng nói riêng và nền kinh tế vĩ mô nói chung. Thấu hiểu một cách sâu sắc mong muốn này của khách hàng, bên cạnh

việc phát triển cả về chất và lượng của các sản phẩm dịch vụ, Techcombank cũng luôn không ngừng củng cố và hoàn thiện các quy trình kiểm soát, quản trị rủi ro, quản lý chất lượng bằng cân đối, đảm bảo tính ổn định, an toàn trong hoạt động của mình, qua đó giúp cho khách hàng hoàn toàn có thể an tâm, tin tưởng để hợp tác với ngân hàng.



THE ASIAN BANKER
STRATEGIC BUSINESS INTELLIGENCE FOR ASIA'S FINANCIAL SERVICES COMMUNITY

NHỮNG NỖ LỰC NÀY CỦA TECHCOMBANK ĐÃ ĐƯỢC TỔ CHỨC THE ASIAN BANKER GHI NHẬN VÀ XẾP HẠNG VÀO TOP NHỮNG NGÂN HÀNG HÀNG ĐẦU CỦA VIỆT NAM TRONG DANH SÁCH 500 NGÂN HÀNG CÓ BẢNG CÂN ĐỐI LÀNH MẠNH NHẤT KHU VỰC CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG TRONG NĂM 2017.

Nâng cao hiệu quả bảng cân đối

TRONG NĂM 2017, TECHCOMBANK ĐÃ CÓ NHỮNG CHUYỂN BIẾN TÍCH CỰC THEO HƯỚNG NÂNG CAO HIỆU QUẢ CỦA BẢNG CÂN ĐỐI

TỔNG TÀI SẢN TẠI 31/12/2017 ĐẠT 269.392 TỶ ĐỒNG 34.029 TỶ ĐỒNG SO VỚI 31/12/2016	NGUỒN HUY ĐỘNG TĂNG 2,6 % SO VỚI NĂM 2016	CHO VAY THỊ TRƯỜNG I TĂNG 12,8 % SO VỚI NĂM 2016	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ NĂM 2017 TĂNG 101,1 % SO VỚI NĂM 2016
--	---	--	--

Chỉ tiêu (Tỷ VNĐ)	31/12/2017	31/12/2016	Tăng trưởng	
Cho vay thị trường 1	160.849	142.616	18.233	12,78%
Huy động khách hàng và phát hành giấy tờ có giá	188.611	183.864	4.747	2,58%
Huy động thị trường 1	170.971	173.449	-2.478	-1,43%
Giấy tờ có giá	17.640	10.415	7.225	69,37%
Lợi nhuận trước thuế	8.036	3.997	4.039	101,05%

Duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu cao

TỶ LỆ AN TOÀN VỐN TỐI THIỂU (CAR) HỢP NHẤT TẠI 31/12/2017 ĐẠT

12,68%

CAO HƠN 3,68% SO VỚI MỨC 9% THEO QUY ĐỊNH CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC.

Việc duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) cao, mặc dù tăng trưởng tài sản kép (CARG) tới 14% trong 5 năm qua, là nhờ Ngân hàng áp dụng chính sách không trả cổ tức trong 5 năm liên tiếp. Nhờ đó, lợi nhuận sau thuế đến hết 2016 được giữ lại toàn bộ

để đầu tư, phục vụ cho tăng trưởng của Ngân hàng trong tương lai. Ngoài ra, Techcombank đã sẵn sàng triển khai và áp dụng tỷ lệ an toàn vốn tiêu chuẩn Basel II theo lộ trình của Ngân hàng Nhà nước.



Kiểm soát rủi ro thanh khoản

◀ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN, TECHCOMBANK ĐÃ THIẾT LẬP CHÍNH SÁCH, QUY ĐỊNH QUẢN LÝ THANH KHOẢN NỘI BỘ, TRONG ĐÓ CÓ HỆ THỐNG QUẢN LÝ, ĐO LƯỜNG, GIÁM SÁT VÀ DỰ BÁO RỦI RO THANH KHOẢN. ▶



Ủy ban Kiểm toán và rủi ro (ARCO) là cơ quan ban hành khung khẩu vị rủi ro cho toàn Ngân hàng. Hội đồng Quản lý tài sản nợ - có (ALCO) là cơ quan thi hành và giám sát việc thực hiện quản lý rủi ro thanh khoản, đảm bảo tuân thủ khẩu vị rủi ro và các ngưỡng giới hạn/ngưỡng cảnh báo do ARCO quy định.

Ngoài ra, thử nghiệm sức căng thanh khoản cũng được thực hiện trong kịch bản sự kiện thanh khoản trên diện rộng toàn thị trường và kịch bản sự kiện xảy ra với riêng Techcombank.

Thử nghiệm sức căng thanh khoản được tiến hành định kỳ hàng tháng nhằm dự báo dòng tiền trong một giai đoạn nhất định, với giả định Ngân hàng phải đối mặt với một/một số tình huống căng thẳng thanh khoản như tốc độ rút tiền gửi tăng nhanh, việc tiếp cận nguồn vốn liên ngân hàng hạn chế. Trên cơ sở đó, Techcombank đã xây dựng kế hoạch dự phòng thanh khoản (LCP) để có biện pháp ứng phó kịp thời với những tình huống căng thẳng, giúp ngăn chặn khủng hoảng thanh khoản xảy ra.

Các tỷ lệ thanh khoản của Techcombank luôn được đảm bảo và đáp ứng yêu cầu theo quy định trong Thông tư 36/2014/TT-NHNN, sửa đổi bởi TT 06/2016/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước.

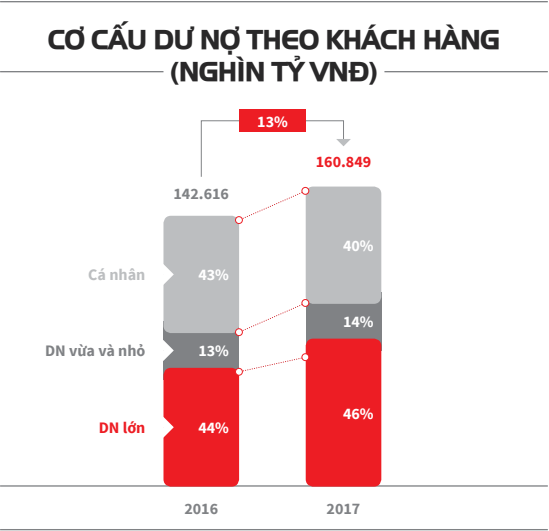
Phát triển hoạt động -
cho vay theo hướng hiệu quả và bền vững

Tại thời điểm 31/12/2017, số dư tín dụng của Techcombank đạt 181.002 tỷ đồng, tăng trưởng 15,96% so với năm trước, trong đó dư nợ cho vay khách hàng tăng 12,78% lên mức 160.849 tỷ đồng.

VỚI ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN AN TOÀN VÀ BỀN VỮNG, TECHCOMBANK CHỦ TRƯỞNG KHÔNG TẬP TRUNG TĂNG TRƯỞNG DƯ NỢ MÀ CHUYỂN TRỌNG TÂM PHỤC VỤ CÁC KHÁCH HÀNG CÓ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỐT, GIẢM BỚT PHẦN CHO VAY KÉM HIỆU QUẢ ĐỂ PHÒNG NGỪA RỦI RO NỢ QUÁ HẠN.

Trong năm 2017, dư nợ của nhóm khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ đã tăng trưởng 20% và cao hơn năm trước, do đó nâng tỷ trọng trong tổng dư nợ toàn ngân hàng tăng từ 13% năm 2016 lên 14% tại thời điểm cuối năm 2017 (xem bảng).

Xét trên cơ cấu dư nợ theo kỳ hạn, việc tập trung vào cho vay ngắn hạn của nhóm khách hàng doanh nghiệp giúp cho dư nợ vay ngắn hạn của Techcombank đạt mức



tăng trưởng gần gấp 2 lần và chiếm 39% tổng dư nợ, trong khi đó cho vay trung dài hạn giảm nhẹ dư nợ và chỉ còn chiếm tỷ trọng 61%.

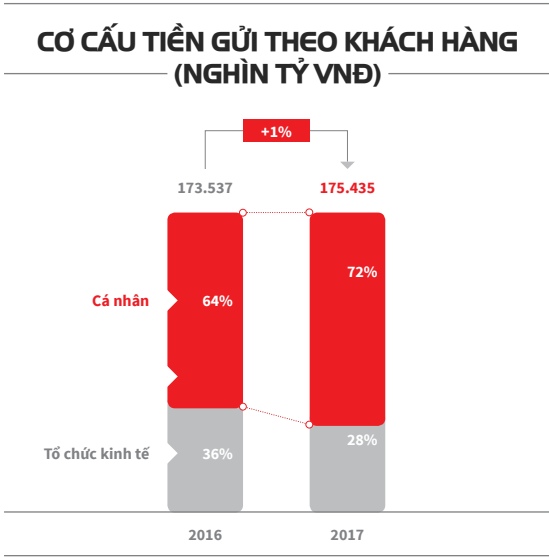
Cơ cấu dư nợ theo thời hạn cho vay	31/12/2017		31/12/2016	
	Tỷ VNĐ	Tỷ trọng	Tỷ VNĐ	Tỷ trọng
Ngắn hạn	63.413	39%	35.884	25%
Trung hạn	42.897	27%	62.493	44%
Dài hạn	54.540	34%	44.239	31%
Tổng dư nợ cho vay khách hàng	160.849	100%	142.616	100%

QUY MÔ HUY ĐỘNG TIỀN GỬI
ĐƯỢC ĐIỀU TIẾT PHÙ HỢP VỚI HOẠT ĐỘNG CHO VAY

Nhằm duy trì hệ số LDR một cách hiệu quả và chắc chắn, Techcombank đã chủ động điều tiết tăng quy mô tiền gửi của khách hàng theo từng giai đoạn trong năm. Số dư tiền gửi của khách hàng đạt mức 175.435 tỷ đồng (bao gồm 4.464 tỷ chứng chỉ tiền gửi) tại thời điểm cuối năm 2017, trong đó tiền gửi đến từ cá nhân tăng mạnh và chiếm 72% tổng huy động.

Mặc dù số dư tiền gửi không tăng trưởng nhiều trong năm 2017 nhưng tỷ trọng cơ cấu giữa tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn vẫn tiếp tục được điều chỉnh theo hướng tích cực. Cụ thể, số dư tiền gửi có kỳ hạn được giữ bằng mức năm trước, và số dư tiền gửi không kỳ hạn đã tăng, nhờ đó tỷ trọng tiền gửi không kỳ hạn trong tổng huy động của toàn ngân hàng đạt mức 23,51% năm 2017 so với mức 22,7% năm 2016.

Diễn biến này giúp cho Ngân hàng giảm sức ép về chi phí huy động, góp phần duy trì biên thu nhập lãi thuần (NIM) ở mức 3,90% - cao hơn mặt bằng chung của ngành ngân hàng.



Cơ cấu tiền gửi của khách hàng	31/12/2017		31/12/2016	
	Tỷ VNĐ	Tỷ trọng	Tỷ VNĐ	Tỷ trọng
Tiền gửi có kỳ hạn *	134.192	76,49%	134.142	77,30%
Tiền gửi không kỳ hạn	38.235	21,79%	35.827	20,65%
Tiền ký quỹ	3.008	1,71%	3.569	2,06%
Tổng *	175.435	100%	173.537	100%

* Bao gồm Chứng chỉ tiền gửi.

Chủ động nhận diện rủi ro
và quản lý chất lượng tín dụng



Trải qua thời kỳ nợ xấu của toàn hệ thống ngân hàng Việt Nam tăng mạnh trong giai đoạn 2007-2012, Techcombank đã sớm tập trung đầu tư vào quản trị rủi ro tín dụng, chuyển đổi cách quản trị từ bị động giải quyết các tổn động sang chủ động nhận diện rủi ro và có các giải pháp giảm thiểu, chấp nhận rủi ro. Nhờ đó, tỷ lệ nợ nhóm 3 - 5 được duy trì ở mức thấp 1,61%

vào cuối năm 2017, giúp Techcombank nằm ở nhóm những ngân hàng có tỷ lệ rủi ro tín dụng rất thấp trong ngành.

Tỷ lệ dự phòng trên dư nợ nhóm 3-5 của Techcombank tăng từ 67% năm 2016 lên mức 73% trong năm 2017, qua đó giảm thiểu tổn thất mà ngân hàng phải gánh chịu từ rủi ro tín dụng.

ĐẶC BIỆT, ĐẾN HẾT THÁNG 6/2017, TECHCOMBANK ĐÃ TRỞ THÀNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI THỨ HAI TẠI VIỆT NAM HOÀN THÀNH VIỆC THU HỒI VÀ XỬ LÝ CÁC KHOẢN NỢ QUÁ HẠN ĐÃ ĐƯỢC BÁN SANG CÔNG TY QUẢN LÝ TÀI SẢN CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG VIỆT NAM (VAMC) ĐỂ TẮT TOÁN TRƯỚC HẠN HOÀN TOÀN CÁC TRÁI PHIẾU ĐẶC BIỆT VAMC.

	31/12/2017		31/12/2016	
	Tỷ VNĐ	Tỷ trọng	Tỷ VNĐ	Tỷ trọng
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	155.932	96,94%	138.204	96,91%
Nhóm 2 - Nợ cần chú ý	2.333	1,45%	2.166	1,52%
Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn	575	0,36%	397	0,28%
Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ	456	0,28%	475	0,33%
Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn	1.553	0,97%	1.375	0,96%
Trái phiếu VAMC	0		2.922	

Tối ưu hóa & nâng cao
hiệu quả sử dụng chi phí

	31/12/2017		31/12/2016		Tăng / giảm	
	Tỷ VNĐ	Tỷ trọng	Tỷ VNĐ	Tỷ trọng	Tỷ VNĐ	%
Lương và các chi phí liên quan	2.595	55,23%	2.230	53,41%	365	16,35%
Chi phí thuê văn phòng, tài sản, công cụ, trang thiết bị và khấu hao tài sản	993	21,14%	963	23,06%	30	3,16%
Chi phí in ấn tiếp thị và khuyến mãi	263	5,61%	253	6,06%	10	3,95%
Chi phí bảo hiểm cho các khoản tiền gửi khách hàng	166	3,54%	135	3,23%	31	22,96%
Công tác phí	71	1,52%	60	1,44%	11	18,60%
Chi đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ	29	0,63%	29	0,68%	1	3,25%
Chi hội nghị, hội thảo	42	0,89%	41	0,98%	1	2,07%
Chi phí khác	538	11,45%	464	11,12%	73	15,78%
Tổng chi phí	4.698	100%	4,175	100%	523	12,52%
Số lượng nhân viên tại thời điểm cuối năm (người)	8.766	-	7.787	-	979	12,57%
Doanh thu / nhân viên / năm	1,86	-	1,52	-	0,34	22,69%
Chi phí / nhân viên / năm	0,54	-	0,54	-	0,00	-0,04%
Tỷ lệ chi phí / thu nhập (CIR) (%)	28,75%	-	35,29%	-	-	-6,54%

Song hành cùng với việc nâng cao chất lượng dịch vụ cho khách hàng, Techcombank cũng không ngừng cải thiện và tăng cường công tác quản lý tài chính, kiểm soát chi phí để ngày càng tối ưu hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu vào.

Năm 2017, tổng chi phí hoạt động của Techcombank tăng 12,52% so với năm 2016, chỉ bằng 1/3 tốc độ tăng trưởng của doanh thu. Theo đó, tỉ lệ chi phí trên doanh thu năm 2017 giảm xuống còn 28,75%, tỷ lệ thấp nhất trong các năm hoạt động của Techcombank, đồng thời thấp nhất trong nhóm các ngân hàng thương mại cổ phần.

◀ ĐẠT ĐƯỢC CÁC THÀNH QUẢ NÀY LÀ NHỜ TECHCOMBANK ĐÃ XÂY DỰNG MỘT CƠ CẤU CHI PHÍ HỢP LÝ VÀ GẮN LIỀN VỚI CHIẾN LƯỢC 5 NĂM CỦA NGÂN HÀNG. CÁC CHI PHÍ ĐẦU TƯ DÀI HẠN VÀO HỆ THỐNG NỀN TẢNG, VÀO CÁC SÁNG KIẾN CHIẾN LƯỢC CÙNG VỚI ĐẦU TƯ VÀO CON NGƯỜI ĐƯỢC ƯU TIÊN HÀNG ĐẦU. ▶



Chi phí cho nguồn nhân lực tăng trưởng 16% so với năm 2016, tăng tỷ trọng lên 55% trong tổng chi phí hoạt động của Ngân hàng. Số lượng nhân sự năm 2017 tăng 979 người, tương đương 12,57%. Hiệu quả hoạt động trên mỗi nhân viên (xác định bởi doanh thu/nhân viên) tăng 22,69% so với năm trước, duy trì 3 năm liên tiếp tăng trưởng trên 20%, giúp Techcombank dẫn đầu nhóm các ngân hàng thương mại cổ phần ở Việt Nam về sở hữu nguồn nhân lực hiệu quả, chất lượng cao. Điều này có được là do Techcombank đã rất chú trọng đầu tư phát triển nguồn nhân lực, giữ chân nhân tài, đào tạo nghiệp vụ và xây dựng văn hóa tổ chức, tăng cường sự gắn kết của nhân viên trong các năm qua. Tổng chi phí hoạt động bình quân trên mỗi nhân viên trong năm 2017 vẫn duy trì bằng năm trước là nhờ việc quản lý hiệu quả các chi phí định biên khác đi cùng với duy trì mức tăng thu nhập bình quân cho nhân viên.

Chi phí thuê văn phòng, tài sản, công cụ, trang thiết bị và khấu hao tài sản tăng trưởng 3% so với năm 2016, chiếm tỷ trọng 21% trong tổng chi phí hoạt động. Số liệu này bám rất sát với chiến lược dài hạn của ngân hàng trong việc đầu tư vào công nghệ, tăng cường tự động

hóa, giúp Techcombank đạt được mục tiêu dài hạn đến năm 2020.

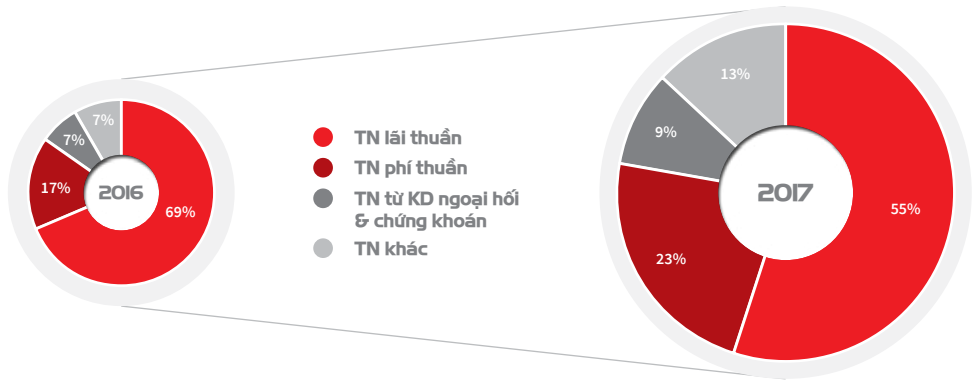
Chi phí tiếp thị, khuyến mại tiếp tục được duy trì với tỷ trọng 5,6% để mang đến các chương trình ưu đãi và các trải nghiệm sản phẩm, dịch vụ mới cho khách hàng như cho vay mua nhà, mua ô tô, sản phẩm bảo hiểm... Đồng thời, các chương trình truyền thông thương hiệu, đặc biệt là Marathon 2017 đã góp phần rất tích cực trong truyền truyền bá hình ảnh, thương hiệu Techcombank đến khách hàng và các nhà đầu tư.

Các chi phí hoạt động thông thường khác được kiểm soát ở mức ổn định so với năm 2016.

Kết quả chi phí hoạt động năm 2017 hoàn toàn nằm trong dự phóng của Techcombank. Điều này có được là nhờ công tác lập và kiểm soát ngân sách, định kỳ dự phóng được thực hiện chặt chẽ và hiệu quả, hỗ trợ Ban Điều hành đưa ra quyết định đúng đắn trong năm hoạt động. Việc kiểm soát ngân sách đã giúp loại bỏ các chi phí không hiệu quả, tập trung nguồn lực vào các chi phí đầu tư dài hạn cho hệ thống và cho nguồn nhân lực, đảm bảo nâng cao năng suất lao động cho toàn Ngân hàng.

Đa dạng hóa doanh thu ngoài lãi

◆ **TECHCOMBANK HIỂU SÂU SẮC RẰNG NHU CẦU TÀI CHÍNH CỦA KHÁCH HÀNG LÀ VÔ CÙNG ĐA DẠNG. DO ĐÓ KHÔNG CHỈ DỪNG Ở SẢN PHẨM CHO VAY, NĂM 2017, NGÂN HÀNG ĐÃ TẬP TRUNG VIỆC PHÁT TRIỂN NỀN TẢNG ĐỂ ĐA DẠNG HOÁ VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM DỊCH VỤ GIÚP CHO MỌI GIAO DỊCH CỦA KHÁCH HÀNG QUA NGÂN HÀNG ĐƯỢC THỰC HIỆN MỘT CÁCH NHANH CHÓNG VÀ THUẬN LỢI, GIA TĂNG MỨC ĐỘ HÀI LÒNG, SỰ MONG MUỐN SỬ DỤNG SẢN PHẨM VÀ TĂNG DOANH SỐ GIAO DỊCH CỦA KHÁCH HÀNG QUA TECHCOMBANK. ▶**



Định hướng này đã giúp cho Ngân hàng đa dạng hoá nguồn doanh thu ngoài lãi, giảm tỷ trọng thu nhập từ lãi trong tổng thu nhập hoạt động, đây là xu thế chung của các ngân hàng thương mại ở các nước phát triển.

Cơ cấu thu nhập hoạt động của toàn Ngân hàng năm 2017 tiếp tục có chuyển biến theo hướng tích cực khi tỷ trọng thu nhập lãi thuần giảm từ 69% xuống 55%, trong khi tỷ trọng của các nguồn doanh thu ngoài lãi đều tăng lên đáng kể. Đặc biệt, thu nhập lãi thuần từ hoạt động dịch vụ tăng trưởng ấn tượng 95% so với năm trước nhờ khoản phí đại lý trả một lần liên quan đến sản phẩm bảo hiểm. Nếu không tính đến khoản phí đại lý này, doanh thu các loại phí chính cơ bản của Techcombank vẫn duy trì mức tăng trưởng hơn 20% so với năm 2016 nhờ một số sản phẩm phí chính (xem bảng).

Cơ cấu doanh thu gộp từ hoạt động dịch vụ	2017		2016	
	Tỷ VNĐ	Tỷ trọng	Tỷ VNĐ	Tỷ trọng
Doanh thu thanh toán và tiền mặt	1.466	32,43%	1.270	49,64%
Doanh thu ủy thác và đại lý	1.543	34,15%	61	2,39%
Dịch vụ hoa hồng bảo hiểm	513	11,35%	337	13,17%
Nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán	375	8,29%	337	13,15%
Dịch vụ khác	623	13,79%	554	21,65%
Tổng	4.520	100%	2.559	100%

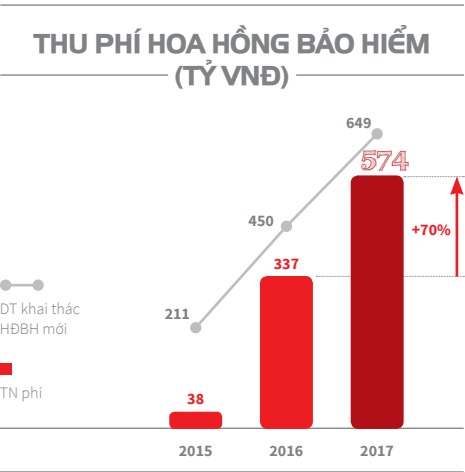
DẪN ĐẦU VỀ MÔI GIỚI TRÁI PHIẾU

Bên cạnh việc cấp các khoản vay trung - dài hạn cho các khách hàng doanh nghiệp, Techcombank đã đẩy mạnh việc tư vấn phát hành trái phiếu cho khách hàng - một phương thức huy động vốn mang nhiều ưu điểm hơn các khoản vay ngân hàng.

Trong năm 2017, khối lượng tư vấn phát hành của Công ty Chứng khoán Kỹ thương đã tăng trưởng 33% so với năm 2016, tiếp tục duy trì vị thế đứng đầu về thị phần môi giới trái phiếu, nhờ đó nâng doanh thu phí từ nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán cao hơn năm trước 11% và chiếm 8% trong tổng thu phí gộp.



ĐƯA PHÍ BẢO HIỂM TRỞ THÀNH NGUỒN THU LỚN



Không chỉ tập trung đến việc quản trị rủi ro của Ngân hàng, Techcombank cũng rất quan tâm đến việc giảm thiểu rủi ro cho khách hàng. Với sản phẩm bảo hiểm qua ngân hàng, Ngân hàng sẽ cung cấp dịch vụ tài chính trọn gói nhằm hỗ trợ khách hàng trong việc chủ động hoạch định tài chính trong hiện tại và tương lai tốt hơn, đáp ứng nhu cầu dài hạn và bền vững.

Xác định đây là một trong những sản phẩm trọng tâm trong chiến lược 5 năm, năm 2017 doanh thu khai thác hợp đồng bảo hiểm mới của Ngân hàng tăng mạnh 44%, đặc biệt vào những tháng cuối năm khi Ngân

hàng ký kết hợp đồng độc quyền với đối tác bảo hiểm Manulife. Nhờ đó, bảo hiểm đã trở thành sản phẩm phí chính có doanh thu tăng trưởng cao nhất trong năm 2017 với tỷ lệ 70%, nâng tỷ trọng của phí hoa hồng bảo hiểm trong tổng thu nhập phí chính (*) từ 13% trong năm 2016 lên mức 19%.

* Không bao gồm khoản phí đại lý thu một lần.

NĂM 2017 KHI TECHCOMBANK ĐÃ TRỞ THÀNH NGÂN HÀNG ĐỨNG ĐẦU VIỆT NAM VỀ DOANH SỐ GIAO DỊCH QUA THẺ VISA



DOANH THU TỪ PHÍ DỊCH VỤ THANH TOÁN & TIỀN MẶT

+15%

CAO HƠN MỨC 13% CỦA NĂM 2016. QUA ĐÓ, NÂNG TỶ LỆ TĂNG TRƯỞNG KÉP LÊN MỨC 14% TRONG GIAI ĐOẠN TỪ 2015 ĐẾN 2017.

THÚC ĐẨY PHÍ DỊCH VỤ THANH TOÁN VÀ TIỀN MẶT

Thanh toán bằng thẻ đã trở thành xu hướng phổ biến trên toàn thế giới và hiện đang được đông đảo người dân Việt Nam lựa chọn thay cho hình thức chi trả tiền mặt thông thường.

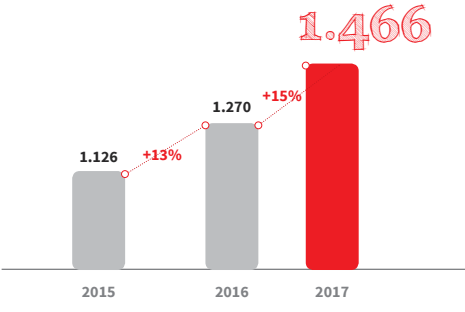
Đón đầu xu thế này, Techcombank luôn là một trong những ngân hàng tiên phong trong đầu tư vào xây dựng nền tảng hạ tầng thanh toán, liên tục triển khai và hoàn thiện các tiện ích của ngân hàng điện tử nhằm giúp cho khách hàng có những trải nghiệm thật sự thuận tiện khi sử dụng dịch vụ. Đây chính là mục tiêu chiến lược của Techcombank nhằm gia tăng doanh số giao dịch trên mỗi thẻ của khách hàng tạo lợi thế cạnh tranh so với các ngân hàng khác.

Chiến lược này bước đầu đã mang lại kết quả rất khả quan trong năm 2017 khi Techcombank đã trở thành ngân hàng đứng đầu Việt Nam về doanh số giao dịch qua thẻ Visa, doanh thu từ phí dịch vụ thanh toán & tiền mặt tăng trưởng 15%, cao hơn mức 13% của năm 2016. Qua đó, nâng tỷ lệ tăng trưởng kép lên mức 14% trong giai đoạn từ 2015 đến 2017.

Doanh thu phí dịch vụ thanh toán và tiền mặt vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng doanh thu phí chính của toàn Ngân hàng, tuy nhiên tỷ trọng này sẽ dần được nhường chỗ cho đà tăng lên của phí hoa hồng bảo hiểm.

PHÍ TỪ DỊCH VỤ THANH TOÁN & TIỀN MẶT (TỶ VNĐ)

CAGR: 14%



VỚI NHỮNG NỖ LỰC KHÔNG NGỪNG TRONG NĂM 2017, TECHCOMBANK ĐÃ TIẾP TỤC GẶT HÁI ĐƯỢC NHỮNG THÀNH QUẢ ẤN TƯỢNG CẢ VỀ CHẤT VÀ LƯỢNG. KẾT QUẢ NÀY MỘT LẦN NỮA GÓP PHẦN Củng cố, khẳng định tính đúng đắn của định hướng chiến lược kinh doanh giai đoạn 2016 - 2020 mà TECHCOMBANK đang kiên định thực hiện.



vì MỘT VIỆT NAM

**KHÁT VỌNG CỦA TECHCOMBANK
LÀ GÓP PHẦN MÌNH TẠO ĐIỀU
KIỆN CHO MỌI NGƯỜI DÂN VIỆT
NAM CÓ CƠ HỘI CẢI THIỆN, NÂNG
TẦM CUỘC SỐNG TƯƠNG LAI CỦA
MÌNH VÀ THỰC HIỆN CÁC ƯỚC MƠ,
HOÀI BẢO CÁ NHÂN.**

CHÚNG TÔI CHO RẰNG, KHÔNG CHỈ LÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI, HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG (CORPORATE SOCIAL RESPONSIBILITY - CSR) CHÍNH LÀ CHẤT KEO GIÚP GẮN KẾT TOÀN BỘ NGÂN HÀNG ĐỂ ĐẢM BẢO MỖI NHÂN VIÊN VÀ TOÀN HỆ THỐNG HÀNH XỬ ĐÚNG GIÁ TRỊ, VĂN HÓA TRONG HOẠCH ĐỊNH CHIẾN LƯỢC VÀ HOẠT ĐỘNG THƯỜNG NGÀY.

Ngân hàng hiểu rằng, việc đạt được những thành quả kinh doanh ngoài việc dựa trên chiến lược, định hướng của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, sự hợp sức của các cán bộ nhân viên thì có sự đóng góp to lớn từ hàng triệu khách hàng của Techcombank nói riêng và xã hội nói chung. Vậy nên trách nhiệm đóng góp cho xã hội luôn được Techcombank coi trọng.

Không ồn ào, rình rang, Techcomer thể hiện trách nhiệm xã hội theo cách riêng của mình. Với Techcombank, hoạt động cộng đồng là một nhu cầu tự thân, trước hết là để nuôi dưỡng, hun đúc mạch ngầm văn hóa của toàn Ngân hàng và mỗi Techcomer. Qua nhiều chương trình vì cộng đồng, mỗi cán bộ nhân viên chúng tôi có cơ hội được chung tay, san sẻ với những hoàn cảnh, vùng đất xa xôi còn nhiều gian khó, từ đó chúng tôi tự nhìn lại mình, vun đắp lòng nhân ái và tận tâm hơn với đồng nghiệp, với khách hàng và đối tác.



XA HƠN NỮA, CHÚNG TÔI CÓ KHÁT VỌNG GÓP PHẦN MÌNH TẠO ĐIỀU KIỆN CHO MỌI NGƯỜI DÂN VIỆT NAM CÓ CƠ HỘI CẢI THIỆN, NÂNG TẦM CUỘC SỐNG TƯƠNG LAI CỦA MÌNH VÀ THỰC HIỆN CÁC ƯỚC MƠ, HOÀI BẢO CÁ NHÂN.



CHÚNG TÔI
THỰC HIỆN
CAM KẾT NÀY
THEO 2 CÁCH:



Hỗ trợ các địa phương, những người dân còn gặp nhiều khó khăn thông qua các chương trình tài trợ an sinh xã hội mang tính chất thiện nguyện (CSR – Charity). Hàng năm và đặc biệt là năm 2017 vừa qua, Ngân hàng đã tài trợ rất nhiều chương trình từ thiện với giá trị lớn như xây trường ở vùng cao; xây mới/nâng cấp các cơ sở y tế, tặng nhà, làm cầu đường nông thôn, cấp học bổng... cho người nghèo trên khắp cả nước.



Kết nối cộng đồng, lan tỏa niềm tin về những giá trị sống tích cực, giúp nâng tầm cộng đồng và địa phương qua những hoạt động cộng đồng lớn như cam kết tham gia giải marathon quốc tế TP.HCM trong nhiều năm, với mong muốn xây dựng và truyền cảm hứng cho các bạn trẻ, năng động luôn phấn đấu rèn luyện bản thân để tự tin và tự hào hội nhập với khu vực và thế giới (CSR – Community Development).

COI HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG LÀ MỘT CAM KẾT KHÔNG THỂ TÁCH RỜI TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH DOANH CỦA TECHCOMBANK HIỆN TẠI VÀ TƯƠNG LAI. BAN LÃNH ĐẠO NGÂN HÀNG CHO RẰNG, VIỆC LẬP RA MỘT CHIẾN LƯỢC CSR LÀ RẤT QUAN TRỌNG ĐỂ TẠO NÊN NHỮNG CHUỖ GIÁ TRỊ TỐT CHO CẢ DOANH NGHIỆP VÀ XÃ HỘI. ĐỂ ĐẠT ĐƯỢC MỤC TIÊU NÀY, TECHCOMBANK XÁC ĐỊNH TẦM NHÌN HOẠT ĐỘNG CSR PHẢI LÀ CSR ĐỒNG HÀNH (CSR - PARTNERING). THEO ĐÓ, HỆ THỐNG NHÂN LỰC NỘI BỘ CỦA NGÂN HÀNG VỪA LÀ NGUỒN LỰC VỪA LÀ ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LỢI TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG CSR ĐỒNG HÀNH.

NĂM 2017 VỪA QUA, 2 CHƯƠNG TRÌNH TIÊU BIỂU CHO CHIẾN LƯỢC CSR ĐỒNG HÀNH LÀ NGÀY HỘI HIẾN MÁU TÌNH NGUYỆN TRONG KHUÔN KHỔ "HÀNH TRÌNH ĐỎ" VÀ GIẢI MARATHON QUỐC TẾ TP. HCM TECHCOMBANK 2017.



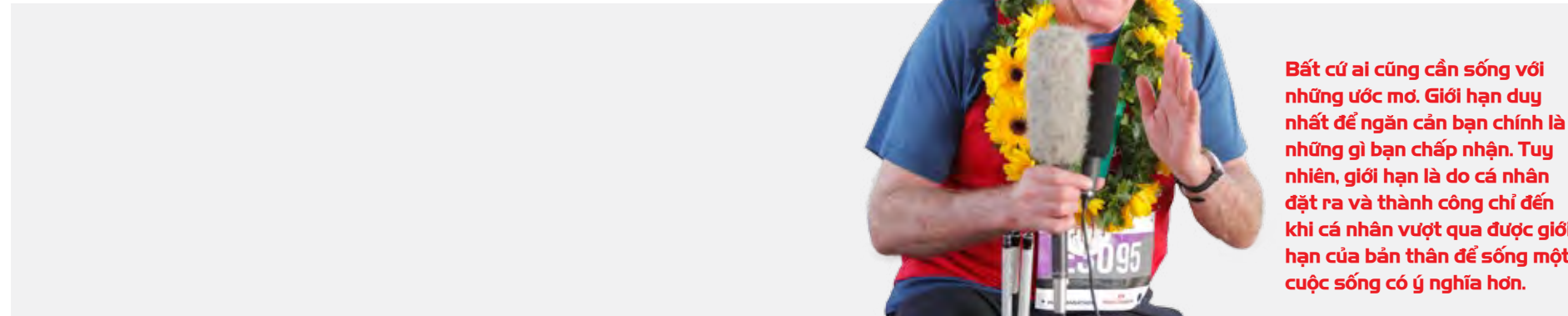
VỚI TÂM NIỆM,
MỖI GIỌT MÁU ĐÀO

SẺ CHIA

SẼ TRAO NIỀM TIN VÀ HY VỌNG TỚI NHỮNG BỆNH NHÂN ĐANG CHỐNG CHỊ VỚI BỆNH TẬT VÀO THỜI ĐIỂM VÔ CÙNG KHAN HIẾM MÁU.

Hơn 500 cán bộ, nhân viên Techcombank đã tham gia Chương trình hiến máu vì cộng đồng mang tên "Vì sẻ chia là hạnh phúc" được tổ chức vào ngày 5/7/2017 tại TP.HCM và ngày 8/7/2017 tại Hội sở Hà Nội. Tổng cộng, đã có 407 đơn vị máu thành công từ chương trình hiến máu tình nguyện "Vì sẻ chia là hạnh phúc" được gửi đến ngân hàng máu quốc gia. Đây thực sự là một món quà vô cùng ý nghĩa gửi đến những người bệnh trên cả nước, đồng thời chương trình cũng để lại một hình ảnh đẹp về một Techcombank sẻ chia và nhân ái.





Bất cứ ai cũng cần sống với những ước mơ. Giới hạn duy nhất để ngăn cản bạn chính là những gì bạn chấp nhận. Tuy nhiên, giới hạn là do cá nhân đặt ra và thành công chỉ đến khi cá nhân vượt qua được giới hạn của bản thân để sống một cuộc sống có ý nghĩa hơn.

Trong khi đó, Giải Marathon Quốc tế TP.HCM Techcombank 2017 lại mang một dấu ấn khác. Với sự tham dự của hơn 5.000 vận động viên đến từ 44 quốc gia, bao gồm hơn 600 người tham gia là cán bộ nhân viên Techcombank ở đủ các cự ly 10km, 21km và cả 42 km, Giải Marathon đã diễn ra hết sức thành công. Cùng với đó, gần 1.000 vận động viên nhí đã tham dự cự ly giải chạy Kids Run một ngày trước giải chạy chính thức (25/11/2017).

◀ **THÔNG ĐIỆP CHÍNH MÀ TECHCOMBANK MONG MUỐN MANG ĐẾN VỚI NGƯỜI DÂN VIỆT NAM NÓI CHUNG VÀ TP.HCM NÓI RIÊNG ĐÓ LÀ SỰ BỀN BỈ, KHÔNG NGỪNG VẬN ĐỘNG, TINH THẦN LẠC QUAN TÍCH CỰC, BÚT PHÁ CÁC GIỚI HẠN. NHỮNG GIÁ TRỊ NÀY LUÔN ĐƯỢC TECHCOMBANK XÂY DỰNG TRONG NGÂN HÀNG, KHUYẾN KHÍCH TRONG TẬP THỂ NHÂN VIÊN, ĐỒNG THỜI NHÂN RỘNG RA CỘNG ĐỒNG.** ▶

Miles Hilton Barber, vận động viên tham dự giải Marathon Quốc tế TP.HCM Techcombank 2017 là một người đặc biệt. Ông không chỉ là vận động viên khiếm thị, mà đồng thời còn là diễn giả truyền cảm hứng nổi tiếng thế giới. Ở độ tuổi 69, Miles chưa bao giờ ngừng thách thức các giới hạn bản thân để thực hiện những giấc mơ tưởng chừng không thể. Bất chấp đôi mắt không nhìn thấy ánh sáng, Miles là người đã thực hiện thành công những cuộc phiêu lưu khắc nghiệt, như chạy 241km xuyên qua sa mạc Sahara, kéo xe trượt tuyết vượt qua hơn 400km ở Nam Cực, chinh phục thành công đỉnh núi Kilimanjaro (đỉnh núi cao nhất châu Phi) hay đỉnh Mon Blanc (cao nhất châu Âu)...



Một ngày trước Giải Marathon, Miles cũng đã có buổi nói chuyện hơn 1 giờ đồng hồ tại khu đô thị Empire City, Thủ Thiêm, Quận 2, TP.HCM để chia sẻ về khát vọng bút phá với đồng bào người dân và các vận động viên tham gia giải. Miles chia sẻ: “Bất cứ ai cũng cần sống với những ước mơ. Giới hạn duy nhất để ngăn cản bạn chính là những gì bạn chấp nhận. Tuy nhiên, giới hạn là do cá nhân đặt ra và thành công chỉ đến khi cá nhân vượt qua được giới hạn của bản thân để sống một cuộc sống có ý nghĩa hơn”.

“Mỗi người, mỗi tổ chức cần luôn luôn nỗ lực vượt qua giới hạn của bản thân” cũng chính là lý do Techcombank mong muốn đưa giải thưởng niên Marathon Quốc tế TP.HCM Techcombank trở thành một tài sản tinh thần giá trị của người dân TP.HCM và những người yêu thể thao trong nhiều năm tới. Bởi marathon không chỉ là một đường chạy, mà là nơi thử thách giới hạn bản thân, đòi hỏi con người phải luôn tiến về phía trước.

Chinh phục những cự ly dài hơn, xa hơn đòi hỏi mỗi người phải biết lập ra kế hoạch, bền bỉ phấn đấu, kiên trì để hoàn thành mục tiêu. Đó cũng là những nền tảng cơ bản để tạo dựng nên một Techcombank từng bước tiến tới vị trí Ngân hàng số 1 Việt Nam trong tương lai.

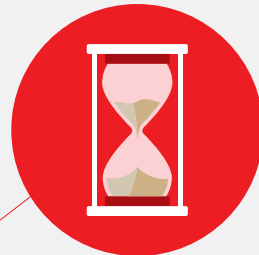


hoạch định TƯƠNG LAI

VỚI SỰ ĐẦU TƯ MẠNH MẼ VÀO NỀN TẢNG CÔNG NGHỆ TRONG THỜI GIAN TỐI CÙNG NỖ LỰC TĂNG CƯỜNG VÀ KIẾN TRÚC LẠI CÁC TÀI SẢN SỐ CŨNG NHƯ TĂNG CƯỜNG AN NINH VÀ TỐI ƯU HÓA VẬN HÀNH, TECHCOMBANK ĐẶT MỤC TIÊU TẠO LẬP MỘT CƠ SỞ HẠ TẦNG CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI, ĐẢM BẢO SỰ BỀN VỮNG CỦA HỆ THỐNG VÀ TẠO LẬP NIỀM TIN NƠI KHÁCH HÀNG.



NGÂN
HÀNG
SỐ
1



NĂM 2018 LÀ NĂM BẢN LỄ TRONG CHIẾN LƯỢC 2016 - 2020 CỦA TECHCOMBANK, VỚI KỶ VỌNG THÀNH CÔNG TRONG VIỆC TẠO RA NHỮNG CHUYỂN ĐỔI VÀ BÚT PHÁ TRONG XÂY DỰNG NĂNG LỰC VÀ PHÁT TRIỂN KINH DOANH CỦA NGÂN HÀNG, HƯỚNG TỚI MỤC TIÊU LỚN:

TRỞ THÀNH NGÂN HÀNG SỐ 1 VIỆT NAM

Kỳ vọng 2018

◆ **TECHCOMBANK SẼ NÂNG CAO HIỂU BIẾT VÀ TỐI ƯU HÓA MÔ HÌNH PHỤC VỤ NÂNG CAO TRẢI NGHIỆM VÀ GIA TĂNG GIÁ TRỊ CHO HÀNG TRIỆU KHÁCH HÀNG, MANG LẠI LỢI ÍCH VƯỢT TRỘI CHO HÀNG NGHÌN CỔ ĐÔNG.** ◆

Năm 2018 là năm bản lễ trong chiến lược 2016-2020 của Techcombank, với kỳ vọng thành công trong việc tạo ra những chuyển đổi và bút phá trong xây dựng năng lực và phát triển kinh doanh của Ngân hàng, hướng tới mục tiêu lớn: Trở thành Ngân hàng số 1 Việt Nam.

Trên nền tảng kinh tế vĩ mô được dự báo tiếp tục chu kỳ phát triển cao và những chính sách mang tính động lực của Chính phủ kỳ vọng tiếp tục tác động tích cực đến nền kinh tế, hoạt động ngân hàng nói chung sẽ có thêm cơ sở khởi sắc, và Techcombank nói riêng sẽ tiến thêm một bước dài và vững chắc tới mục tiêu lớn của mình.

GDP đang trong chu kỳ tăng trưởng cao, điều kiện kinh doanh được cải thiện giúp gia tăng thu nhập của người dân và số lượng doanh nghiệp hoạt động. Theo đó, nhu cầu đối với sản phẩm, dịch vụ của ngân hàng sẽ tiếp tục tăng mạnh. Ngoài ra, tỷ giá tiếp tục

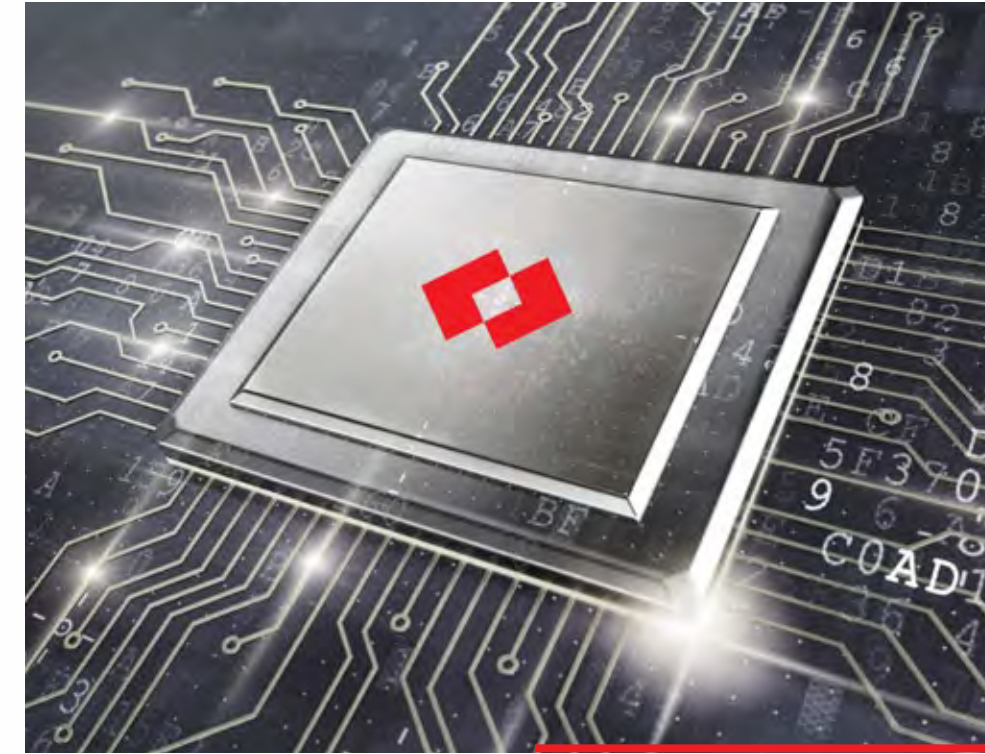
ổn định, điều kiện và khuôn khổ pháp lý cho việc xử lý nợ xấu và tài sản đảm bảo dần được hoàn thiện là các điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các ngân hàng nói chung và Techcombank nói riêng. Tuy vậy, áp lực cạnh tranh cũng sẽ gia tăng, không chỉ từ các đối thủ truyền thống ở trong và ngoài nước mà còn từ các ngân hàng số và doanh nghiệp tài chính công nghệ mới sẽ là các thách thức không nhỏ đối với Techcombank trong năm 2018

Trong bối cảnh đó, Techcombank sẽ tiếp tục định hướng chú trọng chất lượng phát triển để vượt qua thách thức và tận dụng cơ hội trong năm 2018. Techcombank sẽ tập trung nguồn lực để triển khai giai đoạn 2 của Chương trình Chuyển đổi nhằm tập trung củng cố và hoàn thiện tổ chức, nâng cao năng lực đội ngũ, tối ưu hóa các quy trình trọng yếu, xây dựng và cải thiện các hệ thống nền tảng của Ngân hàng.

Các sáng kiến sẽ giúp Techcombank nhận diện và xây dựng, triển khai mô hình kinh doanh phù hợp cho khách hàng theo chuỗi giá trị và hệ sinh thái, cung cấp các giải pháp ngân hàng giao dịch vượt trội để trở thành đối tác tin cậy của lãnh đạo và giám đốc tài chính của các doanh nghiệp khách hàng, chuyển đổi Techcombank trở thành tổ chức xây dựng kinh doanh dựa trên công nghệ, chuyển đổi nguồn nhân lực và nâng cao văn hóa doanh nghiệp...

Với các giải pháp nêu trên, Techcombank kỳ vọng năm 2018 sẽ tiếp tục là một năm thành công với tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận tiếp tục ở mức cao, tỷ lệ chi phí hoạt động và chi phí dự phòng tiếp tục được cải thiện so với năm 2017. Quan trọng hơn, Techcombank sẽ nâng cao hiểu biết và tối ưu hóa mô hình phục vụ khách hàng, cải thiện điều kiện và hiệu quả làm việc của hàng nghìn cán bộ nhân viên, nâng cao trải nghiệm và gia tăng giá trị cho hàng triệu khách hàng, mang lại lợi ích vượt trội cho hàng nghìn cổ đông.

Ngân hàng số, chuyện không của ngày mai



Theo Báo cáo “Hành vi người dùng điện thoại thông minh” của Nielsen Việt Nam công bố cuối năm 2017, tỷ lệ người sử dụng điện thoại thông minh (smartphone) chiếm 84% vào năm 2017, tăng 6% so với chỉ một năm trước đó. Đáng chú ý hơn, ngay cả ở khu vực nông thôn, đã có tới hơn 68% số người sử dụng điện thoại di động sở hữu điện thoại thông minh. Những con số trên cho thấy xu hướng bùng nổ các thiết bị kỹ thuật số đang dẫn thay đổi mọi thói quen và hành vi của con người ở mọi vùng miền, mọi tầng lớp, lứa tuổi. Đó là lý do giải thích cho xu hướng trực tuyến ngày càng trở nên phổ biến trong mọi hoạt động: mua sắm, kết bạn, trao đổi thông tin,... và bao gồm cả lĩnh vực ngân hàng, khi người dùng mong muốn có thể sử dụng các tiện ích ngân hàng mọi lúc, mọi nơi và trên mọi thiết bị.

Trong xu thế đó, mỗi ngân hàng có cách tiếp cận riêng để triển khai dịch vụ ngân hàng số, lựa chọn tập trung vào trải nghiệm của khách hàng hoặc nâng cao khả năng cung cấp các dịch vụ trực tuyến. Tuy nhiên, những lựa chọn này chỉ có thể thành công khi mang lại những giá trị tốt nhất cho khách hàng. Là một ngân hàng ngay từ khi khởi đầu đã chú trọng sử dụng công nghệ, coi công nghệ là phương tiện hữu hiệu để phục vụ khách hàng, thúc đẩy phát triển kinh doanh, trong suốt 24 năm hình thành và phát triển, Techcombank đã không ngừng xây dựng và củng cố năng lực, hệ thống để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng. Đặc biệt, trong những năm gần đây, hoạt động ứng dụng công nghệ tại Techcombank đã đạt được những tiến bộ đáng kể, tạo bước đột phá giúp nâng cao hiệu quả hoạt động và làm hài lòng khách hàng.

Xác định “Dữ liệu xuất sắc” và “Vận hành xuất sắc” là nền tảng trọng yếu trong chiến lược “Khách hàng là trọng tâm”, Ngân hàng đã và đang triển khai thực hiện nhiều dự án nhằm tự động hóa quy trình, phát triển các kênh giao dịch điện tử, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm dịch vụ nhằm tập trung vào trải nghiệm của khách hàng và đảm bảo an ninh thông tin. Đặc biệt trong năm 2017, Techcombank đã chú trọng nâng cấp dữ liệu và khả năng phân tích, giúp chúng tôi hiểu khách hàng để đưa ra những quyết định cho vay chính xác, nhanh chóng, và đảm bảo giảm thiểu rủi ro.

Thêm vào đó, nền tảng kỹ thuật số tích hợp trên điện thoại di động và Internet banking của chúng tôi đã được khách hàng đánh giá cao bởi tính thân thiện và đã đạt được giải thưởng xuất sắc trong lĩnh vực ngân hàng điện tử. Hệ thống ngân hàng kỹ thuật số của Techcombank cho phép khách hàng của chúng tôi sử dụng các tiện ích ngân hàng 24/7, hỗ trợ nhu cầu tài chính của họ mọi lúc, mọi nơi, giúp khách hàng tiết kiệm được công sức, thời gian bỏ ra cho các giao dịch ngân hàng. Các chuyên viên ngân hàng cũng đồng thời có nhiều thời gian hơn để tập trung tư vấn cho khách hàng những dịch vụ phức tạp, có giá trị nhằm nâng tầm đời sống của khách hàng.

◀ TRONG NĂM 2017, SỐ LƯỢNG NGƯỜI DÙNG E-BANKING CỦA TECHCOMBANK TĂNG 73,2% VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH QUA KÊNH ĐIỆN TỬ TĂNG 128%, MỘT PHẦN LỚN NHỜ VÀO TRẢI NGHIỆM HIỆU QUẢ KHI KHÁCH HÀNG SỬ DỤNG CÁC DỊCH VỤ SỐ CỦA NGÂN HÀNG. ▶

Ngoài ra, Techcombank còn chú trọng áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về An ninh Thông tin, áp dụng các biện pháp bảo mật thông tin được đồng bộ từ con người, thiết bị, hệ thống đến chính sách và các giải pháp công nghệ, có khả năng phát hiện ngay các cuộc tấn công của hệ thống cũng như các hành vi vi phạm mất dữ liệu để phản ứng kịp thời. Đội ngũ nhân sự cũng liên tục được tăng cường, trang bị kiến thức và đào tạo theo các chuẩn mực và thông lệ quốc tế với sự hỗ trợ từ các đối tác tư vấn nước ngoài. Sự đầu tư kịp thời này đã giúp Techcombank trong năm 2017 tiếp tục là một trong số các ngân hàng duy trì 2 chứng nhận IS hàng đầu thế giới đồng thời là ISO27001: 2013 và PCI DSS 3.2.

Trong bối cảnh công nghệ đang tác động đến mọi khía cạnh của cuộc sống, với sự phát triển của trí thông minh nhân tạo, dữ liệu lớn (big data), sự cạnh tranh của các công ty tài chính sử dụng công nghệ (fintech), hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ ngân hàng sẽ có nhiều thay đổi lớn đòi hỏi các ngân hàng phải liên tục đổi mới, cập nhật công nghệ để theo kịp xu hướng. Techcombank không chỉ lựa chọn con đường “chấp nhận” cuộc chơi công nghệ mà luôn phấn đấu trở thành người



dẫn đầu xu hướng, xác lập các tiêu chuẩn về ngân hàng số tại Việt Nam. Ngân hàng đã chủ động triển khai nhiều nghiên cứu nhằm đưa các ứng dụng công nghệ mới vào các hoạt động ngân hàng như: phê duyệt tín dụng dựa trên dữ liệu lớn, kiểm tra dữ liệu tự động v.v...

Với sự đầu tư mạnh mẽ vào nền tảng công nghệ trong thời gian tới cùng nỗ lực tăng cường và kiến trúc lại các tài sản số cũng như tăng cường an ninh và tối ưu hóa vận hành, Techcombank đặt mục tiêu tạo lập một cơ sở hạ tầng công nghệ hiện đại, đảm bảo sự bền vững của hệ thống và tạo lập niềm tin nơi khách hàng.

báo cáo TÀI CHÍNH 2017

THÔNG TIN CHUNG

NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép hoạt động Ngân hàng số 0040/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp ngày 06 tháng 08 năm 1993 và Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0100230800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 28 tháng 12 năm 2017. Thời gian hoạt động của Ngân hàng được gia hạn thành 99 năm theo Quyết định số 330/QĐ-NH5 do NHNN cấp ngày 08 tháng 10 năm 1997.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cung cấp tín dụng ngắn, trung và dài hạn dựa trên tính chất và khả năng cung ứng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán và ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Hồ Hùng Anh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đăng Quang	Phó Chủ tịch thứ nhất
Ông Nguyễn Thiếu Quang	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Cảnh Sơn	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Tuấn Anh	Phó Chủ tịch
Ông Lee Boon Huat	Thành viên
Ông Nguyễn Đoàn Hùng	Thành viên độc lập

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Hoàng Huy Trung	Trưởng ban kiêm thành viên chuyên trách
Ông Mag Rec Soc Oec Romauch Hannes	Thành viên
Bà Nguyễn Thu Hiền	Thành viên chuyên trách
Bà Bùi Thị Hồng Mai	Thành viên

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Lê Quốc Anh	Tổng Giám đốc Giám đốc Khối Chiến lược và Phát triển Ngân hàng (đến ngày 12/08/2017)
Ông Đỗ Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Bằng	Giám đốc Tài chính Tập đoàn (từ ngày 25/01/2018)
Ông Phạm Quang Thắng	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Kiểm soát Tuân thủ và Pháp chế
Ông Lê Bá Dũng	Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro
Ông Nguyễn Cảnh Vinh	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 01/03/2017 đến ngày 19/05/2017) Giám đốc Khối Ngân hàng Bán buôn (đến ngày 28/02/2017)
Bà Trần Thị Minh Lan	Giám đốc Khối Chiến lược và Phát triển Ngân hàng (từ ngày 14/08/2017)
Ông Chester Gorski	Giám đốc Khối Vận hành và Công nghệ
Bà Nguyễn Hương Giang	Giám đốc Khối Ngân hàng Giao dịch (từ ngày 03/07/2017)
Ông Vũ Minh Trường	Giám đốc Khối Nguồn vốn và Thị trường Tài chính
Ông Phùng Quang Hưng	Giám đốc Khối Bán hàng và Kênh phân phối
Bà Phạm Vũ Minh Đan	Giám đốc Khối Quản trị nguồn nhân lực
Bà Lê Thị Bích Phượng	Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng Tài chính Cá nhân
Bà Nguyễn Thị Vân Anh	Giám đốc Khối Tiếp thị và Xây dựng Thương hiệu
Ông Chung Bá Phương	Giám đốc Khối Bảo hiểm (từ ngày 07/08/2017)
Ông Ashish Sharma	Giám đốc Chuyển đổi - Văn phòng Chuyển đổi (từ ngày 19/06/2017)
Ông Phan Thanh Sơn	Giám đốc Chuyển đổi - Ngân hàng Giao dịch (từ ngày 03/07/2017) Giám đốc Khối Ngân hàng Giao dịch (đến ngày 02/07/2017)
Bà Phan Thị Thanh Bình	Giám đốc Chuyển đổi – Ngân hàng Bán buôn (từ ngày 26/07/2017)
Ông Chan Jonathan Chung Ming	Giám đốc Chuyển đổi – Dịch vụ Ngân hàng Tài chính Cá nhân (từ ngày 01/12/2017)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất là Ông Hồ Hùng Anh, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Nguyễn Lê Quốc Anh được Ông Hồ Hùng Anh ủy quyền ký kết các giấy tờ/tài liệu liên quan đến hoạt động điều hành Ngân hàng, trong đó có báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định số 0312/UQ-HĐQT ngày 25 tháng 02 năm 2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Ngân hàng.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“Ngân hàng”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành Ngân hàng cần phải:

- » lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- » thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- » nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- » lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Điều hành Ngân hàng cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Ngân hàng cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Điều hành:



Ông NGUYỄN LÊ QUỐC ANH

Tổng Giám đốc
Hà Nội, Việt Nam, ngày 09 tháng 02 năm 2018

Số tham chiếu: 60899747/19428498-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“Ngân hàng”) và các công ty con, được lập ngày 09 tháng 02 năm 2018 và được trình bày từ trang 119 đến trang 201, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



ĐẶNG PHƯƠNG HÀ

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam, ngày 09 tháng 02 năm 2018

TRẦN THỊ THU HIỀN

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2487-2018-004-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

B02/TCTD-HN

	Thuyết minh	31/12/2017 triệu đồng	31/12/2016 triệu đồng
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc	5	2.344.362	2.956.708
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”)	6	4.279.431	2.533.875
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng (“TCTD”) khác	7	30.155.807	21.598.874
Tiền gửi tại các TCTD khác	7.1	16.243.054	9.058.942
Cho vay các TCTD khác	7.2	13.912.753	12.539.932
Chứng khoán kinh doanh	8	6.758.094	8.024.620
Chứng khoán kinh doanh		6.775.118	8.035.905
Dự phòng chứng khoán kinh doanh		(17.024)	(11.285)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	20	36.292	-
Cho vay khách hàng		158.964.456	141.120.529
Cho vay khách hàng	9	160.849.037	142.616.004
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(1.884.581)	(1.495.475)
Hoạt động mua nợ	11	10.332	18.493
Mua nợ		12.092	19.466
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		(1.760)	(973)
Chứng khoán đầu tư	12	51.542.484	45.674.924
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		46.018.398	38.575.369
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		5.715.484	8.560.113
Dự phòng chứng khoán đầu tư		(191.398)	(1.460.558)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	13	9.683	577.746
Đầu tư dài hạn khác		12.084	582.672
Dự phòng giảm giá góp vốn, đầu tư dài hạn		(2.401)	(4.926)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Thuyết minh	31/12/2017 triệu đồng	31/12/2016 triệu đồng
Tài sản cố định	14	1.511.446	1.582.722
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>14.1</i>	<i>569.789</i>	<i>576.836</i>
Nguyên giá tài sản cố định		1.602.956	1.518.287
Hao mòn tài sản cố định		(1.033.167)	(941.451)
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>14.2</i>	<i>941.657</i>	<i>1.005.886</i>
Nguyên giá tài sản cố định		1.449.616	1.423.050
Hao mòn tài sản cố định		(507.959)	(417.164)
Bất động sản đầu tư	15	1.238.030	1.278.536
Nguyên giá bất động sản đầu tư		1.442.827	1.447.256
Hao mòn bất động sản đầu tư		(204.797)	(168.720)
Tài sản có khác	16	12.541.963	9.996.109
Các khoản phải thu		9.417.589	6.829.557
Các khoản lãi, phí phải thu		3.876.528	3.992.328
Tài sản thuế TNDN hoãn lại		1.773	27.659
Tài sản Có khác		557.642	650.888
<i>Trong đó: Lợi thế thương mại</i>		<i>19.765</i>	<i>29.647</i>
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác		(1.311.569)	(1.504.323)
TỔNG TÀI SẢN		269.392.380	235.363.136

	Thuyết minh	31/12/2017 triệu đồng	31/12/2016 triệu đồng
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	17	1.000.000	1.447.970
Tiền gửi và vay các TCTD khác	18	46.323.825	25.473.509
Tiền gửi của các TCTD khác	18.1	21.274.375	15.114.917
Vay các TCTD khác	18.2	25.049.450	10.358.592
Tiền gửi của khách hàng	19	170.970.833	173.448.929
Các công cụ tài chính phái sinh và nợ phải trả tài chính khác	20	-	67.892
Phát hành giấy tờ có giá	21	17.639.970	10.414.842
Các khoản nợ khác	22	6.527.007	4.923.518
Các khoản lãi, phí phải trả		2.764.162	2.195.582
Các khoản phải trả và công nợ khác		3.762.845	2.727.936
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		242.461.635	215.776.660
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn		9.777.116	8.878.079
Vốn điều lệ		11.655.307	8.878.079
Thặng dư vốn cổ phần		2.165.058	-
Cổ phiếu quỹ		(4.043.249)	-
Các quỹ		6.156.928	5.219.182
Lợi nhuận chưa phân phối		10.996.701	5.489.215
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	24	26.930.745	19.586.476
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		269.392.380	235.363.136

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Thuyết minh	31/12/2017 triệu đồng	31/12/2016 triệu đồng
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn			
Bảo lãnh vay vốn		8.558	6.547
Cam kết giao dịch hối đoái		121.109.669	55.015.026
- Cam kết mua ngoại tệ		2.911.065	1.895.364
- Cam kết bán ngoại tệ		5.440.635	598.543
- Cam kết giao dịch hoán đổi tiền tệ	20	112.757.969	52.521.119
Cam kết trong nghiệp vụ L/C		9.366.321	9.651.241
Bảo lãnh khác		16.001.135	11.731.082
Cam kết kỳ hạn giấy tờ có giá		9.638.324	14.303.477
Các cam kết khác		23.045.517	9.545.202
		179.169.524	100.252.575

Người lập:



Bà BÙI THỊ KHÁNH VÂN
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam, ngày 09 tháng 02 năm 2018

Người phê duyệt:



Bà THÁI HÀ LINH
Giám đốc Kế toán,
Chính sách Tài chính và Thuế,
Khối Tài chính và Kế hoạch

Người phê duyệt:



Ông NGUYỄN LÊ QUỐC ANH
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B03/TCTD-HN

	Thuyết minh	2017 triệu đồng	2016 triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	25	17.594.504	15.736.077
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	26	(8.664.092)	(7.593.856)
Thu nhập lãi thuần		8.930.412	8.142.221
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		4.519.685	2.558.990
Chi phí hoạt động dịch vụ		(707.783)	(603.226)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	27	3.811.902	1.955.764
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	28	278.585	240.201
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	29	396.730	124.780
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	30	855.760	481.457
Thu nhập từ hoạt động khác		1.963.425	1.567.677
Chi phí hoạt động khác		(248.534)	(679.417)
Lãi thuần từ hoạt động khác	31	1.714.891	888.260
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	32	355.526	470
Tổng thu nhập hoạt động		16.343.806	11.833.153
Chi phí hoạt động	33	(4.698.283)	(4.175.422)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		11.645.523	7.657.731
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	34	(3.609.226)	(3.661.091)
Tổng lợi nhuận trước thuế		8.036.297	3.996.640
Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	(1.564.816)	(872.808)
(Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	23.3	(25.886)	25.014
Chi phí thuế TNDN		(1.590.702)	(847.794)
Lợi nhuận sau thuế		6.445.595	3.148.846
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	35	7.719	3.525
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	35	(*)	2.929

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, lãi cơ bản trên cổ phiếu của Ngân hàng không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố suy giảm.

Người lập:



Bà BÙI THỊ KHÁNH VÂN
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam, ngày 09 tháng 02 năm 2018

Người phê duyệt:



Bà THÁI HÀ LINH
Giám đốc Kế toán,
Chính sách Tài chính và Thuế,
Khối Tài chính và Kế hoạch

Người phê duyệt:



Ông NGUYỄN LÊ QUỐC ANH
Tổng Giám đốc

	Thuyết minh	2017 triệu đồng	2016 triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		17.710.304	14.790.288
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(8.095.512)	(7.484.939)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		3.747.154	1.955.764
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ và chứng khoán)		1.635.194	834.851
Thu nhập khác		598.071	484.065
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	31	1.116.820	404.195
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(4.168.108)	(3.407.938)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	23.1	(1.034.529)	(721.092)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		11.509.394	6.855.194
<i>Những thay đổi về tài sản hoạt động</i>			
Tăng các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác		(1.202.041)	(5.459.376)
Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán		(3.337.613)	(7.140.332)
Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		(36.292)	-
Tăng các khoản cho vay khách hàng		(18.233.033)	(30.436.115)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn, phải thu khác		(4.779.696)	(4.108.625)
(Tăng)/giảm khác về tài sản hoạt động		(2.472.881)	3.134.746
<i>Những thay đổi về công nợ hoạt động</i>			
Tăng/(giảm) các khoản nợ Chính phủ và NHNN		(447.970)	1.447.970
Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD		20.850.316	4.391.098
Tăng/(giảm) tiền gửi của khách hàng		(2.478.096)	31.209.383
Tăng phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		7.359.251	2.278.819
Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		(67.892)	(17.999)
Tăng khác về công nợ hoạt động khác		304.627	200.534
Chi từ các quỹ		(263)	(127)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		6.967.811	2.355.170

	Thuyết minh	2017 triệu đồng	2016 triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(175.815)	(941.512)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		5.795	2.303
Tiền chi cho thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		(717)	(1.189)
Tiền thu từ đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		925.780	18.558
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		334	470
Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng trong) hoạt động đầu tư		755.377	(921.370)

	Thuyết minh	2017 triệu đồng	2016 triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tăng vốn cổ phần từ phát hành cổ phiếu		2.099.999	-
Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		2.708.164	2.127
Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ		(4.043.249)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		764.914	2.127
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		8.488.102	1.435.927
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		14.193.097	12.757.170
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	36	22.681.199	14.193.097

Người lập:

Bà BUI THI KHANH VÂN
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Bà THÁI HÀ LINH
Giám đốc Kế toán,
Chính sách Tài chính và Thuế,
Khối Tài chính và Kế hoạch

Người phê duyệt:

Ông NGUYỄN LÊ QUỐC ANH
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam, ngày 09 tháng 02 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Thành lập và Hoạt động

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép hoạt động Ngân hàng số 0040/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp ngày 06 tháng 08 năm 1993 và Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0100230800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 28 tháng 12 năm 2017. Thời gian hoạt động của Ngân hàng được gia hạn thành 99 năm theo Quyết định số 330/QĐ-NH5 do NHNN cấp ngày 08 tháng 10 năm 1997.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cung cấp tín dụng ngắn, trung và dài hạn dựa trên tính chất và khả năng cung ứng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán và ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 11.655.307.200.000 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 8.878.078.710.000 đồng).

Mạng lưới Hoạt động

Hội sở chính của Ngân hàng đặt tại 191 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Ngân hàng có một (01) Hội sở chính, hai (02) văn phòng đại diện, ba trăm mười hai (312) điểm giao dịch trên cả nước và bốn (04) công ty con.

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Ngân hàng có bốn (04) công ty con như sau:

STT	Tên Công ty	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng
1	Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương	98/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18/09/2008	Các hoạt động chứng khoán	100%
2	Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	0104003519 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 18/06/2008	Quản lý nợ và khai thác tài sản	100%
3	Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ thương	40/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21/10/2008	Quản lý quỹ	100%
4	Công ty Tài chính TNHH MTV Kỹ thương	340/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 29/12/2008	Tài chính – Tín dụng	100%

Nhân viên

Tổng số cán bộ nhân viên của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 8.766 người (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 7.787 người).

2. KỲ KẾ TOÁN NĂM VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Ngân hàng bắt đầu vào ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Ngân hàng là đồng Việt Nam (VND) và được làm tròn đến hàng triệu đồng cho mục đích trình bày báo cáo tài chính.

3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Tuyên bố tuân thủ

Ban Điều hành Ngân hàng cam kết đã lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng được lập theo Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 04 năm 2004 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2005 và Thông tư 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 03 năm 2014 bổ sung, sửa đổi Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN, Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 04 năm 2007, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- » Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- » Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- » Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- » Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- » Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Ngân hàng nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Ngân hàng mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các công ty con và Ngân hàng, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

3.4 Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Điều hành phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có thay đổi dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán

4.1.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán trong năm

Các chính sách kế toán của Ngân hàng sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, trừ các thay đổi sau:

Nghị định số 93/2017/NĐ-CP về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn Nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn Nhà nước.

Ngày 07 tháng 08 năm 2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 93/2017/NĐ-CP (“Nghị định 93”) về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn Nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn Nhà nước. Nghị định 93 thay thế cho Nghị định số 57/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ, và có hiệu lực từ ngày 25 tháng 09 năm 2017, trừ quy định về đánh giá hiệu quả đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là tổ chức tín dụng cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

Nghị định 93 sửa đổi, bổ sung các quy định về đảm bảo an toàn vốn, doanh thu, chi phí, đồng tiền hạch toán và trình tự phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Ngày 30 tháng 12 năm 2016, Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 39/2016/TT-NHNN thông qua quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 03 năm 2017.

4.1.2 Các chính sách kế toán đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, NHNN ban hành Thông tư số 22/2017/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 04 năm 2004 và Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 04 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“Thông tư 22”).

Các thay đổi chính của Thông tư 22 bao gồm:

- » Sửa đổi, bổ sung các hướng dẫn về hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ và vàng;
- » Sửa đổi một số tài khoản trong Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng;
- » Sửa đổi các hướng dẫn hạch toán một số tài khoản trong Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng; và
- » Sửa đổi, bổ sung một số quy định về Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng.

Thông tư 22 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 04 năm 2018.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, vàng, tiền gửi tại NHNN, tín phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện tái chiết khấu với NHNN, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác không kì hạn và đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua.

4.3 Tiền gửi và cho vay các TCTD khác

Tiền gửi và cho vay các TCTD khác được phản ánh theo giá gốc. Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 21 tháng 01 năm 2013 quy định về việc phân loại các tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Thông tư 02”) và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 18 tháng 03 năm 2014 về việc sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 02 (“Thông tư 09”).

Theo đó, Ngân hàng trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo phương pháp nêu tại Thuyết minh 4.6.

Theo Thông tư 02, Ngân hàng không cần phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Chứng khoán kinh doanh

4.4.1 Phân loại và ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh bao gồm chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn được mua với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

4.4.2 Đo lường

Chứng khoán nợ kinh doanh niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán xác định dựa trên tỷ suất sinh lợi được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chứng khoán nợ kinh doanh là trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09 như trình bày trong Thuyết minh 4.6.

Dự phòng rủi ro đối với chứng khoán kinh doanh được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi của chứng khoán kinh doanh là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi chưa lập dự phòng.

Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.4.3 Dừng ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Ngân hàng đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

4.5 Các khoản cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay dưới 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay từ 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư 02 và Thông tư 09 như trình bày trong Thuyết minh 4.6.

4.6 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng và ủy thác cấp tín dụng

Việc phân loại nợ đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng và ủy thác cấp tín dụng (gọi chung là “các khoản nợ”) được thực hiện theo phương pháp định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư 02.

Dự phòng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 được xác định bằng dư nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản đảm bảo đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng theo phân loại nhóm nợ tại ngày 30 tháng 11. Cơ sở xác định giá trị và giá trị khấu trừ của từng loại tài sản đảm bảo được quy định trong Thông tư 02.

Việc phân loại nợ và tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

Nhóm nợ	Diễn giải	Tỷ lệ dự phòng
1 Nợ đủ tiêu chuẩn	(a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc	0%
	(b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.	
2 Nợ cần chú ý	(a) Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc	5%
	(b) Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu.	
3 Nợ dưới tiêu chuẩn	(a) Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc	20%
	(b) Nợ gia hạn nợ lần đầu; hoặc	
	(c) Nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng; hoặc	
	(d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi:	
	» Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc	
	» Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc	
	» Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng.	
	(e) Nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra.	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng và ủy thác cấp tín dụng (tiếp theo)

Nhóm nợ	Diễn giải	Tỷ lệ dự phòng
4 Nợ nghi ngờ	(a) Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc	50%
	(b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc	
	(c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai; hoặc	
	(d) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc	
	(e) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được.	
5 Nợ có khả năng mất vốn	(a) Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc	100%
	(b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc	
	(c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc	
	(d) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặc	
	(e) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc	
	(f) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc	
	(g) Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng được NHNNVN công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản.	

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Ngân hàng mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Ngân hàng phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Khi Ngân hàng tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, Ngân hàng thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối và đánh giá của Ngân hàng.

Theo Thông tư 02, Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng chung tại thời điểm ngày 31 tháng 12 với mức bằng 0,75% tổng số dư tại ngày 30 tháng 11 của các khoản nợ ngoại trừ các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và các khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn.

4.7 Chứng khoán đầu tư

4.7.1 Phân loại

Chứng khoán đầu tư bao gồm chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Ngân hàng ghi nhận ban đầu chứng khoán đầu tư theo giá gốc. Ngân hàng phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNN ban hành ngày 14 tháng 04 năm 2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Ngân hàng được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, mà Ngân hàng có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán trong mọi thời điểm.

4.7.2 Ghi nhận

Ngân hàng ghi nhận chứng khoán đầu tư vào ngày nhận chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

4.7.3 Đo lường

Chứng khoán vốn

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán được tính theo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đối với chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng được giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom), dự phòng giảm giá chứng khoán được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 Chứng khoán đầu tư (tiếp theo)

4.7.3 Đo lường (tiếp theo)

Đối với chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom), dự phòng giảm giá chứng khoán được tính theo giá bình quân của ba báo giá của ba công ty chứng khoán lớn, có vốn điều lệ trên 300 tỷ đồng.Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ được hạch toán theo giá trị ghi sổ tại thời điểm xác định giá thị trường.

Chứng khoán nợ

Chứng khoán nợ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm các chi phí giao dịch và các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Sau đó, chứng khoán nợ được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ (chịu tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội) trừ đi dự phòng giảm giá. Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

Lãi sau khi mua của chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán được tính dựa trên tỷ suất sinh lợi được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đối với chứng khoán nợ doanh nghiệp chưa niêm yết: dự phòng rủi ro tín dụng được xác định theo quy định của Thông tư 02 như được đề cập tại Thuyết minh 4.6.

Đối với chứng khoán nợ sẵn sàng bán và giữ đến ngày đáo hạn còn lại: dự phòng rủi ro tín dụng được xác định theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013.

4.8 Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của Ngân hàng. Trái phiếu đặc biệt được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo mệnh giá trong thời gian nắm giữ. Mệnh giá của trái phiếu đặc biệt được phát hành tương ứng với khoản nợ xấu được bán và là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập nhưng chưa sử dụng của khoản nợ xấu đó.

Trong thời gian nắm giữ trái phiếu đặc biệt, định kỳ, Ngân hàng tính toán và trích lập dự phòng rủi ro cụ thể hàng năm theo hướng dẫn tại Thông tư số 14/2015/TT-NHNN ngày 28 tháng 08 năm 2015 của NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

Dự phòng cụ thể cho trái phiếu đặc biệt được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục “Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng”. Trái phiếu đặc biệt này không phải trích lập dự phòng chung.

4.9 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đi vay trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được ghi nhận vào báo cáo hoạt động kinh doanh hợp nhất theo lãi suất hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được ghi nhận vào báo cáo hoạt động kinh doanh hợp nhất theo lãi suất hợp đồng.

4.10 Các khoản đầu tư dài hạn

4.10.1 Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản góp vốn dài hạn vào các công ty khác và Ngân hàng không nắm quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc tại thời điểm đầu tư.

4.10.2 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác của Ngân hàng đều là các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết và không xác định được giá trị hợp lý một cách tin cậy tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Do đó, dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư dài hạn khác được lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế bị gặp thua lỗ, ngoại trừ trường hợp lỗ được dự báo trước trong kế hoạch kinh doanh của các đơn vị trước khi đầu tư. Dự phòng giảm giá được tính bằng tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế (theo mệnh giá) trừ (-) vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng (theo mệnh giá) tại tổ chức kinh tế. Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của chứng khoán tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng được ghi nhận hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

4.11 Tài sản cố định hữu hình

4.11.1 Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.11 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

4.11.1 Nguyên giá (tiếp theo)

Chi phí thuê tài sản cũng được ghi nhận là nguyên giá tài sản cố định hữu hình trong trường hợp thời gian thuê tài sản chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản và hợp đồng thuê tài sản thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- » Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và doanh nghiệp cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- » Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- » Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;
- » Doanh nghiệp cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

4.11.2 Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| » Nhà cửa, vật kiến trúc | 8 - 50 năm |
| » Máy móc thiết bị | 3 - 10 năm |
| » Phương tiện vận tải | 6 - 10 năm |
| » Tài sản cố định khác | 4 - 10 năm |

4.12 Tài sản cố định vô hình

4.12.1 Phần mềm vi tính

Giá mua phần mềm vi tính mới, mà phần mềm vi tính này không phải là một bộ phận không thể tách rời của phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và được hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Hao mòn phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 đến 8 năm.

4.12.2 Quyền sử dụng đất

- Quyền sử dụng đất gồm có:
- » Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
 - » Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê đất.

4.12.3 Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Hao mòn lũy kế được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 4 đến 8 năm.

4.13 Bất động sản đầu tư

4.13.1 Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

4.13.2 Khấu hao

- Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:
- | | |
|-----------|-------------|
| » Nhà cửa | 10 - 40 năm |
|-----------|-------------|

4.14 Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

4.15 Các khoản phải thu khác

Các khoản nợ phải thu khác, ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng, được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, Ngân hàng áp dụng mức trích lập dự phòng dựa trên thời gian quá hạn theo hướng dẫn của Thông tư 228 và Thông tư 89 như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.15 Các khoản phải thu khác (tiếp theo)

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu tháng đến dưới một năm	30%
Từ một năm đến dưới hai năm	50%
Từ hai năm đến dưới ba năm	70%
Từ ba năm trở lên	100%

Phân loại nợ và trích lập dự phòng cho các khoản nợ đã bán nhưng chưa thu được tiền.

Đối với nợ đã bán nhưng chưa thu được tiền, Ngân hàng phân loại và trích lập dự phòng theo nguyên tắc phân loại nợ và xác định giá trị tài sản đảm bảo như trước khi bán nợ theo Thông tư 02 và Thông tư 09.

4.16 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là năm (05) năm.

4.17 Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi do Ngân hàng phát hành cho phép trái chủ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phổ thông với một số lượng nhất định của Ngân hàng tại thời điểm phát hành trái phiếu chuyển đổi. Do đó, việc phát hành cổ phiếu thưởng hoặc cổ tức sau ngày phát hành sẽ có ảnh hưởng tới giá chuyển đổi và số lượng cổ phiếu sẽ được chuyển đổi vào ngày đáo hạn của trái phiếu chuyển đổi do các điều khoản chống pha loãng của trái phiếu chuyển đổi.

Ngân hàng phân loại trái phiếu chuyển đổi là nợ tài chính. Trái phiếu chuyển đổi được phân làm hai loại: (1) trái phiếu chuyển đổi bắt buộc khi các trái chủ kí cam kết chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu tại ngày đáo hạn và (2) trái phiếu chuyển đổi thông thường khi các trái chủ có quyền chuyển đổi tại ngày đáo hạn. Cả hai loại trái phiếu chuyển đổi trên đều được phân loại là nợ phải trả tài chính trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo yêu cầu của Thông tư 49/2014/TT-NHNN, cấu phần vốn và cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi được xác định và trình bày tại Thuyết minh số 24.3.

4.18 Vốn cổ phần

4.18.1 Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm liên quan trực tiếp đến giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

4.18.2 Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được tiền góp vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

4.18.3 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Ngân hàng mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Ngân hàng không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

4.18.4 Các quỹ và dự trữ

Các quỹ dự trữ của Ngân hàng:

Ngân hàng thực hiện trích lập các quỹ dự trữ sau đây theo Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12, Nghị định số 93/2017/NĐ-CP và theo Điều lệ của Ngân hàng như sau:

	Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế	Mức tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100 % vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

Các quỹ dự trữ của công ty con:

Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam:

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 03 năm 2002, Công ty được yêu cầu thực hiện trích lập các quỹ tương tự như Ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.18 Vốn cổ phần (tiếp theo)

4.18.4 Các quỹ và dự trữ (tiếp theo)

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương và Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ thương:

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 10 năm 2014, lợi nhuận thực hiện của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối như sau:

	Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế	Mức tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5,00% lợi nhuận sau thuế	10,00% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5,00% lợi nhuận sau thuế	10,00% vốn điều lệ

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. Các quỹ dự trữ pháp định này được trích vào cuối năm, không được phép phân phối và được phân loại là vốn chủ sở hữu.

Công ty Tài chính TNHH một thành viên Kỹ thương

Theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 07 tháng 08 năm 2017, Công ty được yêu cầu thực hiện trích lập các quỹ tương tự như Ngân hàng.

4.19 Ghi nhận doanh thu và chi phí

4.19.1 Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 theo quy định được ghi nhận khi Ngân hàng thực thu được.

4.19.2 Thu nhập từ phí và hoa hồng

Thu nhập từ phí và hoa hồng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

4.19.3 Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức bằng tiền của Ngân hàng được thiết lập.

Theo Thông tư số 244/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài Chính ban hành, cổ tức được nhận dưới dạng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông hiện tại, cổ phiếu được chia từ lợi nhuận chưa phân phối không được ghi nhận là một khoản tăng giá trị khoản đầu tư và thu nhập không được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Thay vào đó, chỉ có thay đổi về số lượng cổ phiếu nắm giữ bởi Ngân hàng sẽ được cập nhật và trình bày.

4.19.4 Doanh thu và chi phí mua bán nợ

Doanh thu và chi phí bán nợ được ghi nhận theo Quyết định số 59/2006/QĐ-NHNN của NHNN về việc ban hành Quy chế mua, bán nợ của các tổ chức tín dụng. Kể từ ngày 01 tháng 09 năm 2015, doanh thu và chi phí bán nợ được ghi nhận theo Thông tư số 09/2015/TT-NHNN của NHNN quy định về hoạt động mua, bán nợ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Theo hướng dẫn tại Quyết định 59/2006/QĐ-NHNN và Thông tư 09/2015/TT-NHNN, phần chênh lệch giữa giá mua, bán nợ và giá trị ghi sổ khoản nợ của bên bán nợ được xử lý như sau:

- » Đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bảng:
 - Trường hợp giá bán nợ cao hơn giá trị ghi sổ khoản nợ thì phần chênh lệch cao hơn được hạch toán vào thu nhập trong năm của Ngân hàng.
 - Trường hợp giá bán nợ thấp hơn giá trị khoản nợ thì phần chênh lệch thấp hơn được bù đắp từ tiền bồi thường của cá nhân, tập thể (trong trường hợp tổn thất đã được xác định do cá nhân, tập thể gây ra và phải bồi thường theo quy định), tiền bảo hiểm của tổ chức bảo hiểm và quỹ dự phòng rủi ro đã được trích lập trong chi phí, phần còn thiếu được hạch toán vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng trong năm.
- » Đối với các khoản nợ đang theo dõi ngoại bảng, khoản nợ đã xuất toán ra khỏi bảng cân đối kế toán, thì số tiền bán khoản nợ được hạch toán vào thu nhập khác của Ngân hàng.

Giá trị ghi sổ khoản nợ được mua, bán gồm giá trị ghi sổ số dư nợ gốc, dư nợ lãi của khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan đến khoản nợ (nếu có) đến thời điểm mua, bán nợ đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bảng, ngoại bảng; hoặc trên sổ sách tại thời điểm xuất toán ngoại bảng hoặc tại thời điểm mua, bán nợ đối với khoản nợ đã xuất toán ra khỏi bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Giá mua, bán nợ là số tiền bên mua nợ phải thanh toán cho bên bán nợ theo hợp đồng mua, bán nợ.

4.19.5 Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo cơ sở dự chi.

4.20 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá áp dụng tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND trong năm được ghi nhận và theo dõi trên khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được kết chuyển hết vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm cuối năm tài chính.

4.21 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp trên số lãi hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính hợp nhất và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.21 Thuế (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dùng để khấu trừ với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

4.22 Tài sản ủy thác quản lý giữ hộ

Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng và vì thế không được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng.

4.23 Các cam kết và nợ tiềm ẩn

Tại bất cứ thời điểm nào Ngân hàng cũng có các cam kết cấp tín dụng chưa thực hiện. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Ngân hàng cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

Cam kết ngoại bảng bao gồm các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và các cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời gian thực hiện cụ thể.

Việc phân loại các khoản cam kết ngoại bảng được thực hiện chỉ nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng theo chính sách phân loại áp dụng đối với các khoản nợ như được trình bày tại Thuyết minh 4.6.

Theo Thông tư 02, Ngân hàng không cần phải trích lập dự phòng cho các cam kết ngoại bảng.

4.24 Các công cụ tài chính phái sinh

4.24.1 Các hợp đồng ngoại hối

Ngân hàng ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Ngân hàng.

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được đánh giá lại cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất theo tỷ giá tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Lãi hoặc lỗ đã hoặc chưa thực hiện được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản

nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng hoán đổi.

4.24.2 Các hợp đồng hoán đổi lãi suất

Giá trị cam kết trong các giao dịch hợp đồng hoán đổi lãi suất không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch lãi suất hoán đổi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

4.24.3 Các hợp đồng hàng hóa tương lai

Ngân hàng thực hiện dịch vụ môi giới cho khách hàng để ký kết các hợp đồng hàng hóa tương lai, do vậy giá trị các hợp đồng này không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thu nhập từ các hoạt động môi giới này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.25 Cấn trừ/(bù trừ)

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cấn trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chỉ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để thực hiện việc bù trừ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng hoặc việc tất toán tài sản và nợ phải trả xảy ra đồng thời.

4.26 Lợi ích của nhân viên

4.26.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% lương cơ bản hàng tháng của họ. Từ ngày 01 tháng 06 năm 2017, mức đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên là 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Ngân hàng không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.26.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 48 Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 có hiệu lực ngày 01 tháng 05 năm 2013, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

4.26.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 32/2010/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Ngân hàng có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.27 Các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC, Ngân hàng phân loại các công cụ tài chính như sau:

4.27.1 Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- » Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- » Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng xếp tài sản tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Ngân hàng có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- » Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Ngân hàng xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- » Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- » Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- » Các khoản mà có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- » Các khoản được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- » Các khoản mà có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- » Các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- » Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- » Các khoản cho vay và các khoản phải thu.

4.27.2 Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- » Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - Khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- » Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

4.28 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng do NHNN ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2014 là các khoản mục không có số dư.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.29 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Ngân hàng và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Cho mục đích quản lý, Ngân hàng và các công ty con được tổ chức thành các bộ phận theo hoạt động kinh doanh dựa trên các lĩnh vực sau:

- » Hoạt động Ngân hàng: Các dịch vụ sản phẩm cung cấp cho khách hàng bao gồm:
 - Nhận tiền gửi;
 - Tín dụng;
 - Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản; và
 - Các hoạt động ngân hàng khác.
- » Hoạt động quản lý và khai thác tài sản;
- » Hoạt động kinh doanh chứng khoán;
- » Hoạt động quản lý quỹ;
- » Hoạt động tài chính khác;

Hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và các công ty con chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam vì vậy bộ phận được chia theo khu vực địa lý gồm miền Bắc, miền Trung và miền Nam Việt Nam.

5. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC

	31/12/2017 triệu đồng	31/12/2016 triệu đồng
Tiền mặt bằng VND	1.948.066	2.187.535
Tiền mặt bằng ngoại tệ	374.120	733.126
Vàng tiền tệ	22.176	36.047
	2.344.362	2.956.708

6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	31/12/2017 triệu đồng	31/12/2016 triệu đồng
Tiền gửi thanh toán tại NHNN		
- Bằng VND	4.277.877	1.744.926
- Bằng ngoại tệ	1.554	788.949
	4.279.431	2.533.875

Tiền gửi tại NHNN bao gồm quỹ dự trữ bắt buộc và tài khoản tiền gửi thanh toán.

Theo quy định của NHNN về dự trữ bắt buộc, các ngân hàng được phép duy trì một số dư thả nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc. Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng tháng phải không được thấp hơn tỷ lệ dự trữ bắt buộc nhân với bình quân số dư tiền gửi của tháng trước tại Ngân hàng như sau:

	Tỷ lệ dự trữ bắt buộc	
	31/12/2017	31/12/2016
Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn dưới 12 tháng	8,00%	8,00%
Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn từ 12 tháng trở lên	6,00%	6,00%
Tiền gửi bằng VND có thời hạn dưới 12 tháng	3,00%	3,00%
Tiền gửi bằng VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên	1,00%	1,00%

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2017	31/12/2016
Tiền gửi bằng VND		
Trong mức dự trữ bắt buộc	1,20%	1,20%
Ngoài mức dự trữ bắt buộc	0,00%	0,00%
Tiền gửi bằng USD		
Trong mức dự trữ bắt buộc	0,00%	0,00%
Ngoài mức dự trữ bắt buộc	0,05%	0,05%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

7. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TCTD KHÁC

7.1 Tiền gửi tại các TCTD khác

	31/12/2017 triệu đồng	31/12/2016 triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	7.108.306	1.510.529
- <i>Bảng VND</i>	<i>1.359.152</i>	<i>224.066</i>
- <i>Bảng ngoại tệ</i>	<i>5.749.154</i>	<i>1.286.463</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	9.134.748	7.548.413
- <i>Bảng VND</i>	<i>7.071.648</i>	<i>6.185.634</i>
- <i>Bảng ngoại tệ</i>	<i>2.063.100</i>	<i>1.362.779</i>
	16.243.054	9.058.942

Lãi suất năm của các khoản tiền gửi tại các TCTD khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2017	31/12/2016
Tiền gửi không kỳ hạn		
- <i>Bảng VND</i>	<i>0,30%</i>	<i>0,15%</i>
- <i>Bảng ngoại tệ</i>	<i>0,00%</i>	<i>0,00%</i>
Tiền gửi có kỳ hạn		
- <i>Bảng VND</i>	<i>1,60% - 9,60%</i>	<i>3,20% - 9,60%</i>
- <i>Bảng ngoại tệ</i>	<i>1,55% - 2,10%</i>	<i>0,80% - 1,70%</i>

7.2 Cho vay các TCTD khác

	31/12/2017 triệu đồng	31/12/2016 triệu đồng
Bảng VND	11.146.941	8.624.954
Bảng ngoại tệ	2.765.812	3.914.978
	13.912.753	12.539.932

Lãi suất năm của các khoản cho vay các TCTD khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2017	31/12/2016
Bảng VND	3,20% - 5,40%	2,40% - 7,00%
Bảng ngoại tệ	2,40% - 3,40%	1,50% - 3,60%

7.3 Chất lượng dư nợ tiền gửi và cho vay các TCTD khác

Phân tích chất lượng dư nợ tiền gửi (không bao gồm tiền gửi không kỳ hạn) và cho vay các TCTD khác như sau:

Nhóm nợ	31/12/2017 triệu đồng	31/12/2016 triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	23.047.501	20.088.345

8. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	31/12/2017 triệu đồng	31/12/2016 triệu đồng
Chứng khoán Nợ	6.775.118	8.035.905
- Trái phiếu Chính phủ	3.822.161	5.823.972
- Trái phiếu do các TCTD trong nước phát hành	116.614	960.155
<i>Trong đó: Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thanh toán</i>	<i>116.614</i>	<i>960.155</i>
- Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	2.836.343	1.251.778
Dự phòng chứng khoán kinh doanh	(17.024)	(11.285)
Trong đó:		
Dự phòng chung chứng khoán nợ	(14.246)	(11.285)
Dự phòng giảm giá chứng khoán	(2.778)	-
	6.758.094	8.024.620

Tình hình biến động dự phòng chứng khoán kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	Dự phòng chung triệu đồng	Dự phòng giảm giá triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Tại ngày 01/01/2017	11.285	-	11.285
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 29)	2.961	2.778	5.739
Tại ngày 31/12/2017	14.246	2.778	17.024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

8. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng chứng khoán kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	31/12/2017 triệu đồng	31/12/2016 triệu đồng
Tại ngày 01/01/2016	9.105	9.105
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 29)	2.180	2.180
Tại ngày 31/12/2016	11.285	11.285

Tình trạng niêm yết của chứng khoán kinh doanh như sau:

	31/12/2017 triệu đồng	31/12/2016 triệu đồng
Chứng khoán Nợ		
- Đã niêm yết	4.176.174	6.822.527
- Chưa niêm yết	2.598.944	1.213.378
	6.775.118	8.035.905

9. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2017 triệu đồng	31/12/2016 triệu đồng
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	158.497.737	141.203.267
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	1.983.527	1.038.376
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	358.449	362.158
Các khoản trả thay khách hàng	2.166	2.166
Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân nước ngoài	7.158	10.037
	160.849.037	142.616.004

Mức lãi suất cho vay khách hàng tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2017	31/12/2016
Cho vay bằng VND	0,00% - 19,35%	0,84% - 21,84%
Cho vay bằng ngoại tệ	1,70% - 6,75%	0,00% - 5,70%

9.1. Phân tích chất lượng nợ cho vay

	31/12/2017		31/12/2016	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Nợ đủ tiêu chuẩn	155.931.825	96,94	138.203.644	96,91
Nợ cần chú ý	2.333.286	1,45	2.166.056	1,52
Nợ dưới tiêu chuẩn	575.397	0,36	396.736	0,28
Nợ nghi ngờ	455.567	0,28	474.551	0,33
Nợ có khả năng mất vốn	1.552.962	0,97	1.375.017	0,96
	160.849.037	100,00	142.616.004	100,00

Theo báo cáo tình hình thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ của Ngân hàng gửi NHNN, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số dư của các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo Điều 10, Khoản 3a của Thông tư 02/2013/TT-NHNN và Quyết định 780/QĐ-NHNN trước đây như sau:

	31/12/2017 triệu đồng	31/12/2016 triệu đồng
Phần dư nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ của các khoản nợ được giữ nguyên nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn)	75.724	750.020
Phần dư nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ của các khoản nợ được giữ nguyên nhóm 2 (Nợ cần chú ý)	649	1.033
	76.373	751.053

9.2. Phân tích dư nợ theo thời gian cho vay gốc

	31/12/2017		31/12/2016	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Nợ ngắn hạn	63.412.628	39,42	35.884.319	25,16
Nợ trung hạn	42.896.541	26,67	62.492.501	43,82
Nợ dài hạn	54.539.868	33,91	44.239.184	31,02
	160.849.037	100,00	142.616.004	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

9. CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

9.3. Phân tích dư nợ theo ngành nghề kinh doanh

	31/12/2017		31/12/2016	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Cho vay các tổ chức kinh tế	96.071.606	59,73	80.972.179	56,78
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	301.494	0,19	66.167	0,05
Khai khoáng	1.271.854	0,79	1.528.042	1,07
Công nghiệp chế biến, chế tạo	20.070.075	12,48	16.793.775	11,78
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	1.858.933	1,16	1.270.437	0,89
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	88.955	0,06	24.549	0,02
Xây dựng	6.100.546	3,79	7.329.029	5,14
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa mô-tô, ô-tô, xe máy và xe có động cơ khác	14.726.910	9,16	10.798.437	7,57
Vận tải kho bãi	3.257.263	2,03	6.045.594	4,24
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	5.571.892	3,46	2.370.756	1,66
Thông tin và truyền thông	1.081.104	0,67	894.777	0,63
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	9.304.078	5,78	3.911.569	2,74
Hoạt động kinh doanh bất động sản	20.326.233	12,64	24.182.046	16,96
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	767.880	0,48	161.191	0,11
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	1.868.575	1,16	462.050	0,32
Giáo dục và đào tạo	71.687	0,04	31.624	0,02
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	84.188	0,05	97.574	0,07
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	15.818	0,01	80.563	0,06
Hoạt động dịch vụ khác	9.267.660	5,76	4.285.579	3,00
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	36.461	0,02	638.420	0,45
Cho vay cá nhân	64.777.431	40,27	61.643.825	43,22
	160.849.037	100,00	142.616.004	100,00

9.4. Phân tích dư nợ theo loại hình doanh nghiệp

	31/12/2017		31/12/2016	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Cho vay các tổ chức kinh tế	96.071.606	59,73	80.972.179	56,78
Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước	8.424.332	5,24	3.795.377	2,66
Công ty trách nhiệm hữu hạn khác	32.494.895	20,20	32.321.234	22,66
Công ty cổ phần có vốn cổ phần của nhà nước	63.292	0,04	283.305	0,20
Công ty cổ phần khác	51.326.364	31,91	41.220.658	28,91
Doanh nghiệp tư nhân	401.537	0,25	881.741	0,62
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	2.076.046	1,29	1.701.518	1,19
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	70.592	0,04	31.547	0,02
Đơn vị hành chính sự nghiệp, đảng, đoàn thể và hiệp hội	820.739	0,51	422.558	0,30
Khác	393.809	0,25	314.241	0,22
Cho vay cá nhân	64.777.431	40,27	61.643.825	43,22
	160.849.037	100,00	142.616.004	100,00

10. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG

Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng như sau:

	31/12/2017 triệu đồng	31/12/2016 triệu đồng
Dự phòng chung	1.061.081	1.001.355
Dự phòng cụ thể	823.500	494.120
	1.884.581	1.495.475

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	Dự phòng cụ thể triệu đồng	Dự phòng chung triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Tại ngày 01/01/2017	494.120	1.001.355	1.495.475
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 34)	2.208.338	397.468	2.605.806
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 34)	(130.568)	(337.742)	(468.310)
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro	(1.748.390)	-	(1.748.390)
Tại ngày 31/12/2017	823.500	1.061.081	1.884.581

10. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	Dự phòng cụ thể triệu đồng	Dự phòng chung triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Tại ngày 01/01/2016	411.226	756.015	1.167.241
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 34)	4.014.875	474.998	4.489.873
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 34)	(201.729)	(229.658)	(431.387)
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro	(3.730.252)	-	(3.730.252)
Tại ngày 31/12/2016	494.120	1.001.355	1.495.475

11. HOẠT ĐỘNG MUA NỢ

	31/12/2017 triệu đồng	31/12/2016 triệu đồng
Mua nợ bằng VND	12.092	19.466
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ	(1.760)	(973)
	10.332	18.493

Chi tiết giá trị nợ gốc, lãi của các khoản nợ đã mua như sau:

	31/12/2017 triệu đồng	31/12/2016 triệu đồng
Nợ gốc đã mua	49.516	54.821
Lãi của khoản nợ đã mua	23.619	21.538
	73.135	76.359

Thay đổi dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ như sau:

	2017 triệu đồng	2016 triệu đồng
Số dư đầu năm	973	1.612
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm (Thuyết minh 34)	787	(639)
Số dư cuối năm	1.760	973

12. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

Chứng khoán đầu tư tại thời điểm cuối năm bao gồm:

	31/12/2017 triệu đồng	31/12/2016 triệu đồng
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	46.018.398	38.575.369
Chứng khoán nợ	45.798.398	38.428.116
Chứng khoán vốn	220.000	147.253
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	5.715.484	8.560.113
Trái phiếu đặc biệt VAMC	-	2.922.058
Chứng khoán nợ khác	5.715.484	5.638.055
Dự phòng chứng khoán đầu tư	(191.398)	(1.460.558)
	51.542.484	45.674.924

12.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31/12/2017 triệu đồng	31/12/2016 triệu đồng
Chứng khoán Nợ	45.798.398	38.428.116
Trái phiếu Chính phủ	13.048.507	15.483.278
Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	17.010.279	14.858.346
<i>Trong đó: Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thanh toán</i>	<i>12.459.709</i>	<i>10.156.005</i>
Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành (*)	15.739.612	8.086.492
Chứng khoán Vốn	220.000	147.253
Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành	220.000	2.255
Chứng khoán Vốn do các TCTD khác trong nước phát hành	-	144.998
Dự phòng chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(156.851)	(76.996)
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(141.035)	(76.996)
Dự phòng giảm giá chứng khoán	(15.816)	-
	45.861.547	38.498.373

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

12. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

12.2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)

	31/12/2017 triệu đồng	31/12/2016 triệu đồng
Chứng khoán Nợ	5.715.484	5.638.055
Trái phiếu Chính phủ	569.283	571.803
Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	2.030.001	30.001
<i>Trong đó: Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thanh toán</i>	<i>30.001</i>	<i>30.001</i>
Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành (*)	3.116.200	5.036.251
Dự phòng chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	(34.547)	(16.022)
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	(34.547)	(16.022)
	5.680.937	5.622.033

(*) Trong năm, Ngân hàng đã phân loại lại 2.900 tỷ đồng trái phiếu của TCKT từ chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn sang chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán do thay đổi mục đích nắm giữ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số dư khoản mục chứng khoán sẵn sàng để bán tăng 2.900 tỷ đồng do việc phân loại lại này.

12.3 Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành

	31/12/2017 triệu đồng	31/12/2016 triệu đồng
Mệnh giá trái phiếu đặc biệt	-	2.922.058
Dự phòng trái phiếu đặc biệt	-	(1.367.540)
	-	1.554.518

12.4 Phân tích chất lượng chứng khoán được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

Phân tích chất lượng chứng khoán (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành) được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng tại thời điểm cuối năm như sau:

Phân loại	31/12/2017 triệu đồng	31/12/2016 triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	24.110.635	15.903.094

12.5 Dự phòng chứng khoán đầu tư

	31/12/2017 triệu đồng	31/12/2016 triệu đồng
Dự phòng rủi ro trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (*)	175.582	93.018
Dự phòng giảm giá chứng khoán (*)	15.816	-
Dự phòng trái phiếu đặc biệt VAMC (**)	-	1.367.540
	191.398	1.460.558

(*) Tình hình biến động dự phòng rủi ro tín dụng cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết và dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	Dự phòng chung triệu đồng	Dự phòng giảm giá triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Tại ngày 01/01/2017	93.018	-	93.018
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 30)	82.564	15.816	98.380
Tại ngày 31/12/2017	175.582	15.816	191.398

Tình hình biến động dự phòng rủi ro tín dụng cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	Dự phòng chung triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Tại ngày 01/01/2016	106.785	106.785
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 30)	(13.767)	(13.767)
Tại ngày 31/12/2016	93.018	93.018

(**) Tình hình biến động dự phòng trái phiếu VAMC như sau:

	2017 triệu đồng	2016 triệu đồng
Số dư đầu năm	1.367.540	1.021.983
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 34)	1.743.194	879.386
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 34)	(79.428)	(155.456)
Số dự phòng đã sử dụng trong năm	(3.031.306)	(378.373)
Số dư cuối năm	-	1.367.540

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

13. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	31/12/2017 triệu đồng	31/12/2016 triệu đồng
Đầu tư dài hạn khác	12.084	582.672
Dự phòng giảm giá góp vốn, đầu tư dài hạn	(2.401)	(4.926)
	9.683	577.746

13.1 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2017		31/12/2016	
	Tỷ lệ nắm giữ %	Giá gốc triệu đồng	Tỷ lệ nắm giữ %	Giá gốc triệu đồng
Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam	0,00	417	2,08	570.405
Công ty CP Sàn Giao Dịch Bất Động Sản Việt Nam	11,00	660	11,00	660
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư TCBOND	-	-	10,00	600
Công ty CP Đầu tư PCB	6,64	7.962	6,64	7.962
Hiệp hội Viễn thông Tài chính Liên ngân hàng toàn thế giới	0,00	1.005	0,00	1.005
Công ty Đào tạo và Tư vấn Nghiệp vụ Ngân hàng	7,79	1.040	7,79	1.040
Công ty CP Chuyển mạch Tài chính Quốc gia	0,42	1.000	0,42	1.000
		12.084		582.672

Trong kỳ, Ngân hàng thực hiện bán 25.560.000 cổ phần tại Tổng Công ty Hàng không Việt Nam theo hình thức khớp lệnh trên sàn Upcom. Ngân hàng thu được khoản lãi ròng từ bán cổ phần 355.192 triệu đồng (Thuyết minh số 32).

13.2 Dự phòng giảm giá góp vốn, đầu tư dài hạn

	2017 triệu đồng	2016 triệu đồng
Số dư đầu năm	4.926	4.079
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng trong năm (Thuyết minh 33)	(2.525)	847
Số dư cuối năm	2.401	4.926

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

14.1. Tài sản cố định hữu hình

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm 2017 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư tại ngày 01/01/2017	241.190	1.121.608	153.345	2.144	1.518.287
Mua trong năm	95.552	29.521	8.879	-	133.952
Thanh lý, nhượng bán	-	(33.091)	(13.374)	-	(46.465)
Biến động khác	-	(2.818)	-	-	(2.818)
Số dư tại ngày 31/12/2017	336.742	1.115.220	148.850	2.144	1.602.956
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại ngày 01/01/2017	21.860	833.454	84.546	1.591	941.451
Khấu hao trong năm	10.673	108.885	19.228	186	138.972
Thanh lý, nhượng bán	-	(32.246)	(13.374)	-	(45.620)
Biến động khác	407	(2.214)	171	-	(1.636)
Số dư tại ngày 31/12/2017	32.940	907.879	90.571	1.777	1.033.167
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2017	219.330	288.154	68.799	553	576.836
Tại ngày 31/12/2017	303.802	207.341	58.279	367	569.789

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

14.1. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm 2016 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư tại ngày 01/01/2016	103.356	1.089.097	146.967	2.578	1.341.998
Mua trong năm	138.042	40.366	8.314	-	186.722
Thanh lý, nhượng bán	(208)	(6.107)	(1.936)	(90)	(8.341)
Biến động khác	-	(1.748)	-	(344)	(2.092)
Số dư tại ngày 31/12/2016	241.190	1.121.608	153.345	2.144	1.518.287
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại ngày 01/01/2016	15.786	714.147	72.081	1.837	803.851
Khấu hao trong năm	6.279	125.677	14.017	214	146.187
Thanh lý, nhượng bán	(208)	(5.420)	(1.683)	(90)	(7.401)
Biến động khác	3	(950)	131	(370)	(1.186)
Số dư tại ngày 31/12/2016	21.860	833.454	84.546	1.591	941.451
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2016	87.570	374.950	74.886	741	538.147
Tại ngày 31/12/2016	219.330	288.154	68.799	553	576.836

Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình

	31/12/2017 triệu đồng	31/12/2016 triệu đồng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	401.835	297.613

14.2 Tài sản cố định vô hình

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm 2017 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

	Phần mềm vi tính	Quyền sử dụng đất có thời hạn	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư tại ngày 01/01/2017	802.879	615.768	4.403	1.423.050
Mua trong năm	41.408	455	-	41.863
Thanh lý, nhượng bán	(15.297)	-	-	(15.297)
Số dư tại ngày 31/12/2017	828.990	616.223	4.403	1.449.616
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư tại ngày 01/01/2017	408.309	6.548	2.307	417.164
Hao mòn trong năm	94.115	11.899	78	106.092
Thanh lý, nhượng bán	(15.297)	-	-	(15.297)
Số dư tại ngày 31/12/2017	487.127	18.447	2.385	507.959
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2017	394.570	609.220	2.096	1.005.886
Tại ngày 31/12/2017	341.863	597.776	2.018	941.657

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm 2016 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

	Phần mềm vi tính	Quyền sử dụng đất có thời hạn	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư tại ngày 01/01/2016	641.837	22.250	4.403	668.490
Mua trong năm	161.272	593.518	-	754.790
Biến động khác	(230)	-	-	(230)
Số dư tại ngày 31/12/2016	802.879	615.768	4.403	1.423.050
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư tại ngày 01/01/2016	321.986	341	2.229	324.556
Hao mòn trong năm	86.363	6.207	78	92.648
Biến động khác	(40)	-	-	(40)
Số dư tại ngày 31/12/2016	408.309	6.548	2.307	417.164
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2016	319.851	21.909	2.174	343.934
Tại ngày 31/12/2016	394.570	609.220	2.096	1.005.886

Các thông tin khác về tài sản cố định vô hình

	31/12/2017 triệu đồng	31/12/2016 triệu đồng
Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	175.684	42.753

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư chủ yếu bao gồm Tòa nhà Techcombank với nguyên giá là 1.435.699 triệu đồng và hao mòn lũy kế tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 203.575 triệu đồng.

Biến động của bất động sản đầu tư trong năm 2017 như sau:

Đơn vị: triệu đồng	
	Nhà cửa
Nguyên giá	
Số dư tại ngày 01/01/2017	1.447.256
Thanh lý	(4.429)
Số dư tại ngày 31/12/2017	1.442.827
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư tại ngày 01/01/2017	168.720
Khấu hao trong năm	36.077
Số dư tại ngày 31/12/2017	204.797
Giá trị còn lại	
Số dư tại ngày 01/01/2017	1.278.536
Số dư tại ngày 31/12/2017	1.238.030

Biến động của bất động sản đầu tư trong năm 2016 như sau:

Đơn vị: triệu đồng	
	Nhà cửa
Nguyên giá	
Số dư tại ngày 01/01/2016	1.442.827
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	4.429
Số dư tại ngày 31/12/2016	1.447.256
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư tại ngày 01/01/2016	132.643
Khấu hao trong năm	36.077
Số dư tại ngày 31/12/2016	168.720
Giá trị còn lại	
Số dư tại ngày 01/01/2016	1.310.184
Số dư tại ngày 31/12/2016	1.278.536

16. TÀI SẢN CÓ KHÁC

	31/12/2017 triệu đồng	31/12/2016 triệu đồng
Các khoản phải thu	9.417.589	6.829.557
Các khoản phải thu nội bộ	25.774	67.263
Các khoản phải thu bên ngoài	9.391.815	6.762.294
- Đặt cọc thuê văn phòng (i)	395.207	496.778
- Đặt cọc mua trụ sở văn phòng (ii)	2.352.839	-
- Phải thu liên quan đến Chương trình Hỗ trợ lãi suất	21.148	21.148
- Trả trước cho người bán	55.040	59.508
- Các khoản tiền đặt cọc cho các giao dịch vàng, hàng hóa và ngoại tệ trên thị trường tương lai	45.586	74.000
- Tạm ứng mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang (iii)	946.456	135.495
- Phải thu từ hợp đồng bán nợ (iv)	1.862.038	3.488.943
- Phải thu từ dịch vụ thư tín dụng nhập hàng trả chậm (v)	2.789.982	2.189.972
- Thuế TNDN nộp thừa (Thuyết minh 23)	-	112
- Thu chi hộ với các tổ chức tín dụng khác	134.884	-
- Phải thu gốc lãi trái phiếu đến hạn vào ngày nghỉ lễ	368.300	-
- Các khoản phải thu khác từ bên ngoài	420.335	296.338
Các khoản lãi, phí phải thu	3.876.528	3.992.328
Tài sản thuế TNDN hoãn lại (vi)	1.773	27.659
Tài sản Có khác	557.642	650.888
- Vật liệu	24.475	19.960
- Chi phí trả trước	513.402	485.258
- Lợi thế thương mại (vii)	19.765	29.647
- Tài sản có khác	-	116.023
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác (viii)	(1.311.569)	(1.504.323)
	12.541.963	9.996.109

(i) Đây là các khoản đặt cọc của Ngân hàng cho việc thực hiện thuê văn phòng làm trụ sở, chi nhánh, trong đó chủ yếu bao gồm khoản đặt cọc cho tòa nhà Lim Tower làm Hội sở chính Miền Nam của Ngân hàng tại số 9 -11 đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị 292 tỷ đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

16. TÀI SẢN CÓ KHÁC (tiếp theo)

- (ii) Đây là các khoản đặt cọc để mua trụ sở văn phòng làm việc của Ngân hàng tại Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.
- (iii) Đây là các khoản thanh toán mua sắm tài sản cố định và xây dựng trụ sở văn phòng làm việc của Ngân hàng tại Thành phố Hà Nội.
- (iv) Phải thu từ hợp đồng bán nợ là các khoản phải thu từ các hợp đồng bán nợ cho các công ty mua bán nợ được cấp phép.
- (v) Phải thu từ dịch vụ thư tín dụng nhập hàng trả chậm là các khoản phải thu các nhà nhập khẩu là khách hàng của Ngân hàng từ dịch vụ thanh toán trước bộ chứng từ trả chậm theo thư tín dụng nhập khẩu do Ngân hàng phát hành. Sản phẩm này được thực hiện theo chấp thuận của NHNNVN tại Công văn số 5698/NHNN-TD. Theo đó, Ngân hàng thanh toán cho người hưởng (nhà xuất khẩu) trước ngày đáo hạn bộ chứng từ trả chậm và hưởng phí dịch vụ thanh toán trước từ 1,00% đến 6,00% giá trị thanh toán trước. Thời hạn thanh toán thông thường từ 1 tháng đến 17 tháng.
- (vi) Biến động tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm như sau:

Đơn vị: triệu đồng

	Số đầu năm	Ghi nhận thu nhập trong năm	Hoàn nhập	Số cuối năm
Tài sản thuế TNDN hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	27.659	-	(25.886)	1.773

- (vii) Lợi thế thương mại (“LTTM”) của Ngân hàng phát sinh từ việc mua Công ty Tài chính TNHH MTV Kỹ thương (“TCF”) trong năm 2015. Thay đổi LTTM trong năm như sau:

	31/12/2017 triệu đồng	31/12/2016 triệu đồng
Tổng giá trị lợi thế thương mại	49.411	49.411
Thời gian phân bổ	5 năm	5 năm
Giá trị LTTM chưa phân bổ đầu năm	29.647	39.529
Lợi thế thương mại giảm trong năm		
Giá trị LTTM phân bổ trong năm	(9.882)	(9.882)
Tổng giá trị LTTM chưa phân bổ cuối năm	19.765	29.647

- (viii) Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác bao gồm dự phòng cho hàng tồn kho, các khoản phải thu quá hạn, phải thu từ dịch vụ thư tín dụng nhập hàng trả chậm và phải thu từ hợp đồng bán nợ:

	31/12/2017 triệu đồng	31/12/2016 triệu đồng
Dự phòng rủi ro tín dụng	1.242.318	1.435.143
- Dự phòng chung	22.127	22.242
- Dự phòng cụ thể	1.220.191	1.412.901
Dự phòng rủi ro khác	69.251	69.180
	1.311.569	1.504.323

Biến động dự phòng rủi ro cho các tài sản có khác như sau:

	2017 triệu đồng	2016 triệu đồng
Số dư đầu năm	1.504.323	2.614.476
Hoàn nhập dự phòng cho các khoản phải thu từ các hợp đồng mua bán nợ (Thuyết minh 34)	(193.809)	(1.141.115)
Trích lập dự phòng cho thư tín dụng nhập hàng trả chậm (Thuyết minh 34)	986	20.429
Trích lập dự phòng cho các tài sản có khác (Thuyết minh 33)	317	11.895
Hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho (Thuyết minh 33)	(248)	(1.362)
Số dư cuối năm	1.311.569	1.504.323

17. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

	31/12/2017 triệu đồng	31/12/2016 triệu đồng
Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước	1.000.000	-
Vay khác từ Ngân hàng Nhà nước	-	1.447.970
	1.000.000	1.447.970

Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có thời hạn 2 tháng, lãi suất 4%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

18. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC

18.1 Tiền gửi của các TCTD khác

	31/12/2017 triệu đồng	31/12/2016 triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	1.032.265	449.116
- Bằng VND	1.031.740	448.525
- Bằng ngoại tệ	525	591
Tiền gửi có kỳ hạn	20.242.110	14.665.801
- Bằng VND	15.999.300	10.526.500
- Bằng ngoại tệ	4.242.810	4.139.301
	21.274.375	15.114.917

Lãi suất năm của các khoản tiền gửi của các TCTD khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2017	31/12/2016
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	1,00% - 7,00%	2,70% - 6,20%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	1,60% - 2,20%	0,85% - 1,60%

18.2 Vay các TCTD khác

	31/12/2017 triệu đồng	31/12/2016 triệu đồng
Bằng VND	19.321.553	6.819.013
Bằng ngoại tệ	5.727.897	3.539.579
	25.049.450	10.358.592

Lãi suất năm của các khoản vay các TCTD khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2017	31/12/2016
Bằng VND	3,50% - 5,90%	3,20% - 5,00%
Bằng ngoại tệ	0,75% - 5,40%	0,75% - 4,79%

19. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

19.1. Thuyết minh theo loại hình tiền gửi

	31/12/2017 triệu đồng	31/12/2016 triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	38.234.560	35.826.887
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	34.061.915	31.030.697
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	4.172.645	4.796.190
Tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn	129.727.778	134.053.365
Tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	121.993.210	125.958.279
Tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	7.734.568	8.095.086
Tiền ký quỹ	3.008.495	3.568.677
Tiền gửi ký quỹ bằng VND	2.843.993	3.405.369
Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	164.502	163.308
	170.970.833	173.448.929

Mức lãi suất năm của các khoản tiền gửi tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2017	31/12/2016
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,00% - 0,80%	0,00% - 0,30%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00% - 0,10%	0,00% - 1,25%
Tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	0,30% - 11,94%	0,50% - 11,94%
Tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00% - 0,75%	0,00% - 0,60%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

19. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

19.2. Thuyết minh theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp

	31/12/2017		31/12/2016	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Tiền gửi của các tổ chức kinh tế	49.926.989	29,20	61.662.821	35,55
Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước	2.658.251	1,55	6.186.670	3,57
Công ty trách nhiệm hữu hạn khác	19.461.912	11,38	23.719.606	13,68
Công ty cổ phần có vốn cổ phần của nhà nước	132.206	0,08	585.640	0,34
Công ty cổ phần khác	23.100.099	13,51	26.386.488	15,21
Doanh nghiệp tư nhân	99.386	0,06	160.296	0,09
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	2.683.171	1,57	2.690.503	1,55
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	3.010	0,00	7.372	0,00
Đơn vị hành chính sự nghiệp, đảng, đoàn thể và hiệp hội	1.227.830	0,72	1.145.799	0,66
Khác	561.124	0,33	780.447	0,45
Tiền gửi của cá nhân	121.043.844	70,80	111.786.108	64,45
	170.970.833	100,00	173.448.929	100,00

20. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH KHÁC

Đơn vị: triệu đồng

	31/12/2017		31/12/2016	
	Tổng giá trị của hợp đồng	Tổng giá trị ghi sổ kế toán	Tổng giá trị của hợp đồng	Tổng giá trị ghi sổ kế toán
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	18.133.992	144.445	23.144.183	(85.978)
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	112.757.969	(108.153)	52.521.119	18.086
	130.891.961	36.292	75.665.302	(67.892)

Tổng giá trị của hợp đồng là giá trị được quy đổi theo tỷ giá tại ngày hiệu lực hợp đồng.

Tổng giá trị ghi sổ kế toán là giá trị tài sản/(nợ phải trả) thuần theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

21. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

Giấy tờ có giá đã phát hành phân loại theo kỳ hạn như sau:

	31/12/2017 triệu đồng	31/12/2016 triệu đồng
Dưới 12 tháng (i)	6	42.822
Từ 12 tháng đến 5 năm (ii)	11.039.964	3.480.184
Trên 5 năm (iii)	6.600.000	3.891.836
Phát hành trái phiếu chuyển đổi (iv)	-	3.000.000
	17.639.970	10.414.842

- (i) Các giấy tờ có giá này là các chứng chỉ tiền gửi chịu lãi suất năm là 0,00% (2016: 6,00% đến 7,20%).
- (ii) Các giấy tờ có giá này là các trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi chịu lãi suất năm trong khoảng từ 5,60% đến 8,20% (2016: 7,10% đến 8,00%).
- (iii) Các giấy tờ có giá này là các trái phiếu chịu lãi suất năm khoảng từ 7,73% đến 8,80% (2016: 8,20% đến 8,80%).
- (iv) Trong năm, Ngân hàng đã phê duyệt và thực hiện chuyển đổi thành cổ phiếu đối với các trái phiếu cam kết chuyển đổi thành cổ phiếu, tổng mệnh giá trái phiếu là 2.842.287 triệu đồng, quy đổi theo tỷ lệ 13.683,04 VND, tương đương với 207.722.849 cổ phiếu. Số trái phiếu không chuyển đổi được phân loại lại như giấy tờ có giá thông thường (xem thêm Thuyết minh số 24.3).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

22. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

	31/12/2017 triệu đồng	31/12/2016 triệu đồng
Các khoản lãi, phí phải trả	2.764.162	2.195.582
Các khoản phải trả và công nợ khác	3.762.845	2.727.936
Các khoản phải trả nội bộ	13.465	23.694
Các khoản phải trả bên ngoài	3.749.380	2.704.242
- Chuyển tiền phải trả	927.230	104.153
- Phải trả nhân viên	615.387	456.896
- Các khoản phải trả hộ các tổ chức tín dụng khác	-	101.399
- Thuế phải trả (i)	928.393	376.979
- Doanh thu chưa thực hiện	9.141	8.903
- Nhận ứng trước của khách hàng	52.595	2.232
- Chi phí trích trước khác	368.949	452.838
- Trích trước chi phí lương	237.113	220.199
- Phải trả các hoạt động quảng cáo, khuyến mại	20.135	16.093
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.680	17.864
- Tiền đã giải ngân chờ thanh toán	6.990	200.892
- Tiền giữ hộ và đợi thanh toán	176.308	327.624
- Tiền thu từ việc bán tài sản đảm bảo chờ xử lý	156.580	155.501
- Các khoản phải trả khác	247.879	262.669
	6.527.007	4.923.518

(i) Thuế phải trả chi tiết như sau:

	31/12/2017 triệu đồng	31/12/2016 triệu đồng
Thuế giá trị gia tăng (“GTGT”)	10.406	13.438
Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)	866.900	336.725
Các loại thuế khác	51.087	26.816
	928.393	376.979

Các khoản thuế phải nộp được trình bày tại Thuyết minh 23.

23. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Số phải trả đầu năm	Số phải thu đầu năm	Phát sinh trong năm			Số phải trả cuối năm
			Số phải nộp	Số điều chỉnh	Số đã nộp	
Thuế GTGT	13.438	-	308.343	-	(311.375)	10.406
Thuế TNDN	336.725	(112)	1.564.816	-	(1.034.529)	866.900
Các loại thuế khác	26.816	-	341.851	(2.370)	(315.210)	51.087
Thuế phải trả	376.979	(112)	2.215.010	(2.370)	(1.661.114)	928.393

23.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Ngân hàng và các quy định thuế hiện hành và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Ngân hàng được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

23. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

23.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được ước tính như sau:

	2017 triệu đồng	2016 triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh trước thuế	8.036.297	3.996.640
<i>Điều chỉnh:</i>		
- Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế	(334)	(470)
- Thu nhập không chịu thuế khác	(682)	(727)
- Các khoản chi không được khấu trừ năm trước nay được hoàn nhập/đã có chứng từ	(268.418)	-
- Chênh lệch tạm thời kỳ trước được khấu trừ kỳ này	(129.430)	-
- Điều chỉnh lợi nhuận do hợp nhất báo cáo tài chính	27.833	12.507
- Chi phí không được khấu trừ	239.978	355.784
- Lỗ từ công ty con	-	(2.502)
Thu nhập chịu thuế TNDN	7.905.244	4.361.232
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	1.581.049	872.246
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	(16.233)	562
Chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm	1.564.816	872.808
Thuế TNDN phải trả đầu năm	336.725	189.170
Thuế TNDN phải thu đầu năm	(112)	(4.302)
Thuế TNDN đã trả trong năm	(1.034.529)	(721.092)
Điều chỉnh chênh lệch thuế TNDN của các năm trước	-	29
Thuế TNDN phải trả cuối năm	866.900	336.725
Thuế TNDN phải thu cuối năm	-	(112)

23.2 Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập của Ngân hàng hiện tại là 20% (2016: 20%).

23.3 Thuế thu nhập hoãn lại

	2017 triệu đồng	2016 triệu đồng
Thu nhập/(Chi phí) thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ:		
Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(25.886)	25.026
Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(12)
	(25.886)	25.014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

24. VỐN VÀ QUỸ (tiếp theo)

24.1. Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017:

Đơn vị: triệu đồng									
	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Các quỹ khác	Tổng cộng các quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2017	8.878.079	-	-	3.658.696	1.560.012	474	5.219.182	5.489.215	19.586.476
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	6.445.595	6.445.595
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(4.043.249)	-	-	-	-	-	(4.043.249)
Tăng vốn trong kỳ	700.000	1.399.999	-	-	-	-	-	-	2.099.999
Tăng vốn từ trái phiếu chuyển đổi	2.077.228	765.059	-	-	-	-	-	-	2.842.287
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(263)	-	(263)	-	(263)
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	-	(100)	(100)
Trích lập các quỹ dự trữ	-	-	-	325.056	612.953	-	938.009	(938.009)	-
Số dư tại ngày 31/12/2017	11.655.307	2.165.058	(4.043.249)	3.983.752	2.172.702	474	6.156.928	10.996.701	26.930.745

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016:

Đơn vị: triệu đồng							
	Vốn điều lệ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Các quỹ khác	Tổng cộng các quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2016	8.878.079	3.492.508	1.251.921	474	4.744.903	2.834.584	16.457.566
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	3.148.846	3.148.846
Sử dụng các quỹ	-	-	(127)	-	(127)	-	(127)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(19.716)	(19.716)
Biến động khác	-	-	-	-	-	(93)	(93)
Trích lập các quỹ dự trữ	-	166.188	308.218	-	474.406	(474.406)	-
Số dư tại ngày 31/12/2016	8.878.079	3.658.696	1.560.012	474	5.219.182	5.489.215	19.586.476

24.2. Vốn cổ phần

Chi tiết vốn cổ phần của Ngân hàng tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2017 triệu đồng	31/12/2016 triệu đồng
Vốn điều lệ	11.655.307	8.878.079
Thặng dư vốn cổ phần	2.165.058	-
Cổ phiếu quỹ	(4.043.249)	-
	9.777.116	8.878.079

Biến động số lượng cổ phiếu trong năm 2017 như sau:

	31/12/2017 Số cổ phiếu	31/12/2016 Số cổ phiếu
Vốn cổ phần đăng ký phát hành	1.165.530.720	887.807.871
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	1.165.530.720	887.807.871
Số cổ phiếu được mua lại		
Cổ phiếu phổ thông	(172.353.345)	-
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	993.177.375	887.807.871

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Ngân hàng. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Ngân hàng công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Ngân hàng.

Trong năm 2017, Ngân hàng đã phát hành 70.000.000 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 đồng và tăng vốn từ nguồn trái phiếu chuyển đổi là 2.077.228.490.000 đồng, tương ứng với 207.722.849 cổ phiếu. Ngoài ra, Ngân hàng cũng thực hiện mua lại 172.353.345 cổ phiếu của Ngân hàng HSBC để làm cổ phiếu quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

24. VỐN VÀ QUỸ (tiếp theo)

24.3. Thuyết minh về các công cụ tài chính phức hợp

	31/12/2017 triệu đồng	31/12/2016 triệu đồng
Trái phiếu chuyển đổi		
Giá trị cấu phần Nợ	-	157.713
Giá trị cấu phần Vốn chủ sở hữu	-	2.842.287
Tổng giá trị	-	3.000.000

Trong năm, Ngân hàng đã phê duyệt và thực hiện chuyển đổi thành cổ phiếu đối với các trái phiếu cam kết chuyển đổi thành cổ phiếu, tổng mệnh giá trái phiếu là 2.842.287 triệu đồng, quy đổi theo tỷ lệ 13.683,04 VND, tương đương với 207.722.849 cổ phiếu. Số trái phiếu không chuyển đổi được phân loại lại như giấy tờ có giá thông thường.

24.4. Cổ tức

Việc chia cổ tức sẽ được quyết định tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

25. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	2017 triệu đồng	2016 triệu đồng
Thu nhập lãi tiền gửi	332.772	220.924
Thu nhập lãi cho vay	13.366.312	11.985.852
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán Nợ	3.532.333	3.298.872
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	280.709	223.400
Thu khác từ hoạt động tín dụng	82.378	7.029
	17.594.504	15.736.077

26. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	2017 triệu đồng	2016 triệu đồng
Trả lãi tiền gửi	7.645.664	6.727.965
Trả lãi tiền vay	317.362	288.629
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	701.066	577.262
	8.664.092	7.593.856

27. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	2017 triệu đồng	2016 triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	4.519.685	2.558.990
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt	1.465.532	1.270.342
Dịch vụ ngân quỹ	1.355	1.784
Dịch vụ ủy thác và đại lý	1.543.389	61.050
Dịch vụ tư vấn	3.537	75.926
Dịch vụ hoa hồng hợp tác bảo hiểm	512.882	336.976
Dịch vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán	374.551	336.504
Dịch vụ khác	618.439	476.408
Chi phí hoạt động dịch vụ	(707.783)	(603.226)
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt	(277.686)	(241.119)
Chi phí đường truyền	(36.819)	(34.319)
Dịch vụ ngân quỹ	(53.905)	(52.502)
Dịch vụ tư vấn	(125.430)	(88.973)
Dịch vụ khác	(213.943)	(186.313)
	3.811.902	1.955.764

28. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	2017 triệu đồng	2016 triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.105.028	1.027.292
Thu từ kinh doanh ngoại tệ	193.142	347.317
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	911.886	679.975
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	(826.443)	(787.091)
Chi về kinh doanh ngoại tệ	(244.100)	(103.865)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(582.343)	(683.226)
	278.585	240.201

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

29. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	2017 triệu đồng	2016 triệu đồng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	539.888	274.046
Chi phí từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(137.419)	(147.086)
Trích lập dự phòng chung cho chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 8)	(2.961)	(2.180)
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 8)	(2.778)	-
	396.730	124.780

30. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	2017 triệu đồng	2016 triệu đồng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	1.165.122	646.829
Chi phí từ mua bán chứng khoán đầu tư	(210.982)	(179.139)
(Trích lập)/hoàn nhập dự phòng chung chứng khoán đầu tư (Thuyết minh 12.5)	(82.564)	13.767
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư (Thuyết minh 12.5)	(15.816)	-
	855.760	481.457

31. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	2017 triệu đồng	2016 triệu đồng
Thu nhập hoạt động kinh doanh khác	1.963.425	1.567.677
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh khác	193.008	402.533
Thu hồi nợ đã xóa sổ trong những năm trước	1.116.820	404.195
Thu từ nghiệp vụ ủy thác thu hồi nợ	71.659	109.315
Thu nhập từ tất toán trái phiếu đặc biệt VAMC	424.134	505.597
Thu nhập khác	157.804	146.037
Chi phí hoạt động kinh doanh khác	(248.534)	(679.417)
Chi từ các công cụ tài chính phái sinh khác	(128.764)	(328.310)
Chi khác	(119.770)	(351.107)
	1.714.891	888.260

32. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN MUA CỔ PHẦN

	2017 triệu đồng	2016 triệu đồng
Cổ tức nhận được trong năm từ góp vốn, mua cổ phần	334	470
Thu từ thanh lý khoản đầu tư dài hạn (Thuyết minh 13.1)	355.192	-
	355.526	470

33. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Thuyết minh	2017 triệu đồng	2016 triệu đồng
Lương và các chi phí liên quan	2.594.878	2.230.301
Chi phí in ấn, tiếp thị và khuyến mại	263.412	253.236
Chi phí thuê văn phòng và tài sản	441.778	440.688
Khấu hao tài sản cố định	281.141	274.912
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	77.426	65.899
Chi phí dụng cụ và thiết bị	51.593	32.942
Chi phí thông tin liên lạc	35.469	35.557
Chi phí bảo dưỡng và sửa chữa tài sản	218.704	214.234
Chi phí điện nước	53.710	49.127
Chi phí bảo hiểm cho các khoản tiền gửi khách hàng	166.187	134.792
Công tác phí	71.397	60.200
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá góp vốn, đầu tư dài hạn	13.2	(2.525)
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	16	9.882
Chi phí dự phòng cho các tài sản có khác	69	10.533
- Trích lập dự phòng cho các tài sản có khác	16	317
- Hoàn nhập dự phòng cho hàng tồn kho	16	(248)
Chi đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ	29.455	28.529
Chi hội nghị	41.958	41.107
Chi phí hoạt động khác	363.749	292.636
	4.698.283	4.175.422

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

34. CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

	Thuyết minh	2017 triệu đồng	2016 triệu đồng
Trích lập dự phòng chung cho vay khách hàng	10	397.468	474.998
Hoàn nhập dự phòng chung cho vay khách hàng	10	(337.742)	(229.658)
Trích lập dự phòng cụ thể cho vay khách hàng	10	2.208.338	4.014.875
Hoàn nhập dự phòng cụ thể cho vay khách hàng	10	(130.568)	(201.729)
Hoàn nhập dự phòng cho các khoản nợ đã bán nhưng chưa thu được tiền	16	(193.809)	(1.141.115)
Trích lập dự phòng cho thư tín dụng nhập hàng trả chậm	16	986	20.429
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng cho hoạt động mua nợ	11	787	(639)
Trích lập dự phòng trái phiếu VAMC	12.5	1.743.194	879.386
Hoàn nhập dự phòng trái phiếu VAMC	12.5	(79.428)	(155.456)
		3.609.226	3.661.091

35. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

35. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

Ngân hàng sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	2017	2016
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (triệu đồng)	6.445.595	3.148.846
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(19.716)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (triệu đồng)	6.445.595	3.129.130
Ảnh hưởng chi phí lãi của trái phiếu có thể chuyển đổi (triệu đồng)	-	79.549
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm (triệu đồng)	6.445.595	3.208.679
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	835.039.242	887.807.871
Ảnh hưởng suy giảm do trái phiếu có thể chuyển đổi	(*)	207.723.346
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	835.039.242	1.095.531.217
Lãi trên mỗi cổ phiếu (đồng)		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.719	3.525
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(*)	2.929

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, lãi cơ bản trên cổ phiếu của Ngân hàng không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố suy giảm.

36. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017 triệu đồng	31/12/2016 triệu đồng
Tiền mặt, vàng bạc	2.344.362	2.956.708
Tiền gửi tại NHNN	4.279.431	2.533.875
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	16.057.406	8.702.514
	22.681.199	14.193.097

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

37. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

	2017 triệu đồng	2016 triệu đồng
I. Bình quân số cán bộ, nhân viên (người)	8.277	7.702
II. Thu nhập của cán bộ, nhân viên		
1. Tổng quỹ lương	2.069.106	1.675.188
2. Phụ cấp và thu nhập khác	525.772	555.113
3. Tổng thu nhập (1+2)	2.594.878	2.230.301
4. Tiền lương bình quân/tháng	21	18
5. Thu nhập bình quân/tháng	26	24

38. TÀI SẢN, GIẤY TỜ CÓ GIÁ (GTCG) THẾ CHẤP, CẦM CỐ VÀ CHIẾT KHẤU, TÁI CHIẾT KHẤU

38.1 Tài sản, GTCG nhận thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

	31/12/2017 triệu đồng	31/12/2016 triệu đồng
Của khách hàng	406.535.584	378.892.668
Bất động sản	182.200.811	180.972.454
Động sản	52.230.799	52.800.245
Giấy tờ có giá	72.913.916	65.630.986
Các tài sản đảm bảo khác	99.190.058	79.488.983
Của các tổ chức tín dụng khác	1.733.143	1.533.856
Giấy tờ có giá	1.724.979	695.291
Các tài sản đảm bảo khác	8.164	838.565
	408.268.727	380.426.524

38.2 Tài sản, GTCG đưa đi thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

	31/12/2017 triệu đồng	31/12/2016 triệu đồng
Chứng khoán đầu tư	17.662.700	7.668.288
Tài sản có khác	1.930.000	303.012
	19.592.700	7.971.300

39. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Ngân hàng. Một bên được coi là bên có liên quan với Ngân hàng nếu:

- (a) Những doanh nghiệp kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Ngân hàng (bao gồm công ty mẹ, công ty con, các công ty con cùng tập đoàn);
- (b) Các công ty liên kết (quy định tại Chuẩn mực kế toán số 07 “Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết”);
- (c) Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Ngân hàng dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này. Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi người đó khi giao dịch với Ngân hàng như quan hệ: bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột;
- (d) Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Ngân hàng, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Ngân hàng và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- (e) Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở đoạn (c) hoặc (d) nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng. Trường hợp này bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Ngân hàng và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Ngân Hàng báo cáo.

39. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm:

Đơn vị: triệu đồng

Bên liên quan	Quan hệ	Phải thu/(phải trả)	
		31/12/2017	31/12/2016
Tiền cho vay của Ngân hàng			
Công ty Cổ phần Cửa sổ nhựa Châu Âu	(ii)	394.097	407.606
Công ty Cổ phần Đầu tư T&M Hà Tây	(ii)	-	193.052
Công ty TNHH khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo (*)	(ii)	890.802	681.982
Trong đó: Tăng trong kỳ		1.192.178	1.572.799
Giảm trong kỳ		(938.358)	(2.758.133)
Mệnh giá trái phiếu đầu tư của Ngân hàng			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	(i)	274.155	94.000
Công ty Cổ phần Masan	(ii)	6.012	-
Tiền gửi tại Ngân hàng			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	(i)	(172.521)	(49.854)
Công ty Cổ phần Cửa sổ nhựa Châu Âu	(ii)	(23.793)	(40.354)
Công ty TNHH khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo	(ii)	(167.262)	(39.828)
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng MaSan	(ii)	(311.562)	(3.091.157)
Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan	(ii)	(7.741)	(5.839)
Công ty TNHH Một thành viên Masan Brewery	(iii)	(507)	(220.887)
Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hào	(iii)	(62.706)	(134.260)
Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa	(iii)	(1.486.643)	(283.071)
Công ty TNHH MTV Masan Beverage	(iii)	(770.203)	(73.713)

(*) Đây là khoản vay bằng USD với giá trị nguyên tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 39.723.599 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 30.776.770 USD).

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm nay và năm trước:

Đơn vị: triệu đồng

Bên liên quan	Quan hệ	Số tiền	
		2017	2016
Thu nhập lãi			
Công ty CP Cửa sổ nhựa Châu Âu	(ii)	35.342	21.840
Công ty TNHH khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo	(ii)	41.962	91.276
Công ty Cổ phần Đầu tư T&M Hà Tây	(ii)	18.652	10.807
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	(i)	8.294	5.790
Công ty Cổ phần Masan	(ii)	16	-
Chi phí lãi			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	(i)	(11.854)	(7.982)
Công ty Cổ phần Cửa sổ nhựa Châu Âu	(ii)	(10)	(83)
Công ty TNHH khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo	(ii)	(1.063)	(153)
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng MaSan	(ii)	(56.635)	(110.108)
Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan	(ii)	(1.492)	(5.931)
Công ty TNHH Một thành viên Masan Brewery	(iii)	(6.127)	(14.291)
Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo	(iii)	(3.016)	(5.592)
Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa	(iii)	(7.663)	(2.516)
Công ty TNHH MTV Masan Beverage	(iii)	(5.179)	(2.758)
Thu nhập của HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành			
Thu nhập của HĐQT và Ban Kiểm soát		(28.903)	(28.989)
Thu nhập của Ban Điều hành		(65.511)	(67.372)

- (i) Cổ đông và bên liên quan có thành viên trong Hội đồng Quản trị
- (ii) Bên liên quan có thành viên trong Hội đồng Quản trị
- (iii) Bên liên quan có thành viên là người liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, hoặc Ban Điều hành hoặc Ban Kiểm soát của Ngân hàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

40. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ CỦA CÁC TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG

	Tổng dư nợ cho vay triệu đồng	Tổng tiền gửi triệu đồng	Các cam kết tín dụng triệu đồng	CCTC phái sinh (*) triệu đồng	Kinh doanh và đầu tư chứng khoán triệu đồng
Trong nước	174.754.632	191.691.596	48.421.531	130.891.961	58.509.000
Nước ngoài	7.158	553.612	-	-	-
	174.761.790	192.245.208	48.421.531	130.891.961	58.509.000

(*) Tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng

41. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Phần này cung cấp chi tiết về các rủi ro mà Ngân hàng có thể gặp phải liên quan đến các công cụ tài chính và mô tả chi tiết các chính sách và phương pháp mà Ban Lãnh đạo Ngân hàng sử dụng để kiểm soát các rủi ro này. Các loại rủi ro tài chính quan trọng nhất mà Ngân hàng gặp phải là rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

Hội đồng Quản trị có quyền hạn và nhiệm vụ cao nhất trong việc điều hành tất cả các hoạt động của Ngân hàng liên quan đến quản lý rủi ro, bảo đảm hoạt động kinh doanh của Ngân hàng không ngừng phát triển an toàn và bền vững.

Để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm ban hành các chính sách và chiến lược quản lý rủi ro phù hợp trong từng thời kỳ; xác lập các giới hạn kinh doanh an toàn; trực tiếp phê duyệt các giao dịch kinh doanh có giá trị lớn theo quy định của pháp luật và Ngân hàng trong từng thời kỳ; quyết định cơ cấu tổ chức và các vị trí nhân sự chủ chốt.

Các chính sách, hoạt động quản lý rủi ro của Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định tại Điều lệ của Ngân hàng và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trong từng thời kỳ.

Ủy ban kiểm toán và rủi ro (“ARCO”) là cơ quan được Hội đồng Quản trị thiết lập nhằm thực thi một số chức năng, nhiệm vụ chuyên môn do Hội đồng Quản trị phân công và/hoặc ủy quyền thực hiện liên quan đến kiểm toán, kiểm tra giám sát và quản trị rủi ro của hoạt động Ngân hàng.

ARCO có nhiệm vụ ban hành và giám sát thực hiện chính sách rủi ro, khẩu vị rủi ro và các quy định về quản lý các vấn đề rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng và phê duyệt hạn mức rủi ro thị trường, hạn mức rủi ro tín dụng theo ngành, lĩnh vực, và các hạn mức rủi ro tổng thể khác của Ngân hàng.

42. RỦI RO TÍN DỤNG

Ngân hàng chịu rủi ro tín dụng trong quá trình cho vay, đầu tư cũng như khi Ngân hàng đóng vai trò trung gian thay mặt khách hàng hay các bên thứ ba khác hay khi Ngân hàng cấp bảo lãnh. Rủi ro khi các bên đối tác không có khả năng thanh toán nợ được giám sát một cách liên tục. Để quản lý được mức độ rủi ro tín dụng, Ngân hàng chỉ giao dịch với các đối tác có uy tín tín dụng cao và khi thích hợp, sẽ yêu cầu có tài sản đảm bảo. Rủi ro tín dụng chính mà Ngân hàng gặp phải phát sinh từ các khoản cho vay của Ngân hàng. Mức độ rủi ro tín dụng này được phản ánh theo giá trị ghi sổ của các tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Ngoài ra Ngân hàng còn gặp phải rủi ro tín dụng ngoại bảng dưới dạng các cam kết cấp tín dụng và cấp bảo lãnh.

Để quản lý rủi ro tín dụng Ngân hàng sử dụng các công cụ: xây dựng chính sách và ban hành các quy định liên quan công tác quản lý rủi ro tín dụng; xây dựng các quy trình tín dụng; thực hiện rà soát rủi ro tín dụng; xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại nợ; phân cấp thẩm quyền trong hoạt động tín dụng.

Số liệu thể hiện mức độ rủi ro tín dụng nội bảng tối đa của Ngân hàng, không tính đến tài sản đảm bảo hay các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng, bao gồm:

	31/12/2017 triệu đồng	31/12/2016 triệu đồng
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	30.155.807	21.598.874
Chứng khoán kinh doanh – gộp	6.775.118	8.035.905
Cho vay khách hàng – gộp	160.849.037	142.616.004
Hoạt động mua nợ - gộp	12.092	19.466
Chứng khoán đầu tư – gộp (*)	51.513.882	46.988.229
Tài sản tài chính khác – gộp	12.326.513	10.665.130
	261.632.449	229.923.608

(*) Không bao gồm chứng khoán vốn.

42.1. Các tài sản tài chính chưa quá hạn và chưa bị giảm giá

Thông tin về chất lượng tín dụng của các tài sản tài chính chưa quá hạn và chưa bị giảm giá như sau:

	31/12/2017 triệu đồng	31/12/2016 triệu đồng
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	30.155.807	21.598.874
Chứng khoán kinh doanh – gộp	6.775.118	8.035.905
Cho vay khách hàng – gộp	155.931.825	138.203.644
Chứng khoán đầu tư – gộp	51.513.882	44.066.171
Tài sản tài chính khác – gộp	10.378.441	7.108.731
	254.755.073	219.013.325

Các tài sản tài chính không quá hạn hay không bị giảm giá trị của Ngân hàng bao gồm các khoản cho vay (nhóm 1); các chứng khoán, các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác không quá hạn.

Ngân hàng đánh giá rằng Ngân hàng hoàn toàn có khả năng thu hồi đầy đủ và đúng hạn các tài sản tài chính này trong tương lai.

42. RỦI RO TÍN DỤNG (tiếp theo)

42.2. Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá

Tuổi nợ của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày dưới đây:

Đơn vị: triệu đồng

	Quá hạn				
	Dưới 90 ngày	91-180 ngày	181-360 ngày	Trên 360 ngày	Tổng cộng
Cho vay khách hàng	383.681	61.811	91.820	396.460	933.772
Tài sản có khác	-	19.450	-	-	19.450
	383.681	81.261	91.820	396.460	953.222

Tuổi nợ của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được trình bày dưới đây:

Đơn vị: triệu đồng

	Quá hạn				
	Dưới 90 ngày	91-180 ngày	181-360 ngày	Trên 360 ngày	Tổng cộng
Cho vay khách hàng	619.147	111.705	181.714	414.454	1.327.020

Các khoản cho vay bị quá hạn nhưng chưa bị giảm giá do các khoản cho vay này đã được đảm bảo đầy đủ bởi các tài sản đảm bảo của bên vay.

42.3. Các tài sản tài chính đã bị giảm giá

Tuổi nợ của các tài sản tài chính đã bị giảm giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày dưới đây:

Đơn vị: triệu đồng

	Quá hạn					Tổng cộng
	Chưa quá hạn	Dưới 90 ngày	91-180 ngày	181-360 ngày	Trên 360 ngày	
Cho vay khách hàng	-	1.949.605	513.586	363.747	1.156.502	3.983.440
Hoạt động mua nợ	-	-	10.410	-	1.682	12.092
Tài sản có khác	1.862.038	-	-	-	66.584	1.928.622
	1.862.038	1.949.605	523.996	363.747	1.224.768	5.924.154

Tuổi nợ của các tài sản tài chính đã bị giảm giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được trình bày dưới đây:

Đơn vị: triệu đồng

	Quá hạn					Tổng cộng
	Chưa quá hạn	Dưới 90 ngày	91-180 ngày	181-360 ngày	Trên 360 ngày	
Cho vay khách hàng	-	1.546.909	285.031	292.837	960.563	3.085.340
Hoạt động mua nợ	17.784	-	-	-	1.682	19.466
Chứng khoán đầu tư	2.922.058	-	-	-	-	2.922.058
Tài sản có khác	3.488.943	-	-	-	67.456	3.556.399
	6.428.785	1.546.909	285.031	292.837	1.029.701	9.583.263

43. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

43.1. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất phát sinh khi có sự chênh lệch về thời hạn định giá lãi suất giữa tài sản có và tài sản nợ. Tất cả các hoạt động cho vay, huy động, đầu tư của ngân hàng đều tạo ra rủi ro lãi suất.

Dựa trên cơ sở trạng thái “nhạy cảm với lãi suất” theo từng kỳ thay đổi lãi suất, các chỉ tiêu là tài sản, nguồn vốn và các tài sản ngoại bảng được xếp vào các kỳ hạn của của bảng “khe hở lãi suất” của toàn ngân hàng.

Thời hạn định lại lãi suất đối với các khoản mục có lãi suất cố định là thời gian còn lại cho đến khi đáo hạn của tài sản, còn đối với lãi suất thả nổi là thời gian còn lại cho đến kỳ thay đổi lãi suất gần nhất.

43. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

43.1. Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong xây dựng bảng “khe hở lãi suất”:

- » Tiền mặt và vàng; góp vốn, đầu tư dài hạn, tài sản cố định và các khoản nợ phải thu, phải trả khác được xếp loại vào khoản mục “Không nhạy cảm lãi suất”;
- » Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác không kỳ hạn, tiền gửi không kỳ hạn được xếp loại vào khoản mục “Không nhạy cảm lãi suất”;
- » Thời gian định lại lãi suất của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu chứng khoán đó có lãi suất cố định hoặc dựa trên thời gian định giá lại lãi suất nếu chứng khoán đó có lãi suất là thả nổi;
- » Thời gian định lại lãi suất của các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác; các khoản cho vay khách hàng; các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; các khoản tiền gửi và vay của các TCTD khác và khoản mục tiền gửi của khách hàng được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: thời gian định lại lãi suất dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất;
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: thời gian định lại lãi suất dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.
- » Thời gian định lại lãi suất của khoản mục phát hành giấy tờ có giá dựa trên thời gian đáo hạn thực tế của từng loại giấy tờ có giá nếu giấy tờ có giá có lãi suất cố định hoặc dựa trên thời gian định giá lại lãi suất nếu là lãi suất thả nổi;
- » Thời gian định lại lãi suất của khoản mục nguồn vốn tài trợ uỷ thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro được tính dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất của từng khoản vốn tài trợ uỷ thác đầu tư nếu là lãi suất cố định hoặc dựa trên thời gian định giá lại nếu là lãi suất thả nổi;

Độ nhạy đối với lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng như sau:

	Ảnh hưởng đến		
	Mức tăng lãi suất	Lợi nhuận trước thuế triệu đồng	Vốn chủ sở hữu triệu đồng
Tại ngày 31/12/2017			
USD	1,50%	(10.415)	(8.332)
VND	3,00%	1.490.727	1.192.582

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và công nợ của Ngân hàng theo mô hình “Khe hở lãi suất” tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

Ngày 31 tháng 12 năm 2017										Đơn vị: triệu đồng
	Quá hạn	Không chịu lãi	Đến 1 tháng	Ảnh hưởng do định giá lại lãi suất trong khoảng thời gian					Tổng	
				Từ 1-3 tháng	Từ 3-6 tháng	Từ 6-12 tháng	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm		
Tài sản										
Tiền mặt, vàng bạc	-	2.344.362	-	-	-	-	-	-	2.344.362	
Tiền gửi tại NHNN	-	-	4.279.431	-	-	-	-	-	4.279.431	
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	14.067.026	12.518.193	2.853.255	641.539	75.794	-	30.155.807	
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	-	1.128.550	1.463.394	237.399	227.196	3.718.579	6.775.118	
Trong đó: Trái phiếu Chính phủ và Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thanh toán	-	-	-	-	-	-	220.196	3.718.579	3.938.775	
Công cụ tài chính phái sinh và tài sản tài chính khác	-	-	(2.185)	(1.118.212)	82.036	88.978	985.675	-	36.292	
Cho vay khách hàng (*)	4.917.212	-	71.809.355	29.825.417	13.811.532	16.224.593	22.271.060	1.989.868	160.849.037	
Hoạt động mua nợ (*)	12.092	-	-	-	-	-	-	-	12.092	
Chứng khoán đầu tư (*)	-	1.183.369	993.452	2.343.163	11.967.201	9.612.105	17.408.036	8.226.556	51.733.882	
Trong đó: Trái phiếu Chính phủ và Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thanh toán	-	-	179.167	-	-	4.029.582	13.432.850	8.465.901	26.107.500	
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	12.084	-	-	-	-	-	-	12.084	
Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	-	2.749.476	-	-	-	-	-	-	2.749.476	
Tài sản có khác (*)	86.034	13.767.498	-	-	-	-	-	-	13.853.532	
Tổng tài sản	5.015.338	20.056.789	91.147.079	44.697.111	30.177.418	26.804.614	40.967.761	13.935.003	272.801.113	
Nợ phải trả										
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	1.000.000	-	-	-	-	-	1.000.000	
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	34.786.036	9.652.688	807.149	145.628	899.739	32.585	46.323.825	
Tiền gửi của khách hàng	-	-	91.968.268	32.948.023	22.683.104	17.520.224	5.833.492	17.722	170.970.833	
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	-	1.150.000	13.292.170	3.197.800	17.639.970	
Các khoản nợ khác	-	6.527.007	-	-	-	-	-	-	6.527.007	
Tổng nợ phải trả	-	6.527.007	127.754.304	42.600.711	23.490.253	18.815.852	20.025.401	3.248.107	242.461.635	
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng	5.015.338	13.529.782	(36.607.225)	2.096.400	6.687.165	7.988.762	20.942.360	10.686.896	30.339.478	

(*) Không bao gồm các khoản dự phòng rủi ro.

43. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

43.2. Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VND. Cấu trúc tài sản – nợ phải trả của Ngân hàng bao gồm các loại ngoại tệ khác nhau (như USD, EUR, AUD...) là nguyên nhân dẫn đến rủi ro tiền tệ. Ngân hàng đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của Ngân hàng và các quy định của NHNNVN. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Độ nhạy đối với tỷ giá

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng do các thay đổi có thể xảy ra của tỷ giá. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Ngân hàng là không đáng kể.

	Mức tăng tỷ giá	Ảnh hưởng đến	
		Lợi nhuận trước thuế triệu đồng	Vốn chủ sở hữu triệu đồng
Tại ngày 31/12/2017			
USD	1,00%	138.842	111.074
EUR	1,00%	(4.087)	(3.270)
Vàng	3,00%	665	532

Bảng ở trang tiếp theo trình bày phân tích tài sản và công nợ tài chính của Ngân hàng theo nhóm tiền tệ được quy đổi sang VND tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Đơn vị: triệu đồng						
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	VND	USD được quy đổi	EUR được quy đổi	Vàng được quy đổi	Các ngoại tệ khác được quy đổi	Tổng
Tài sản						
Tiền mặt, vàng bạc	1.948.066	238.486	66.392	22.176	69.242	2.344.362
Tiền gửi tại NHNN	4.277.877	1.554	-	-	-	4.279.431
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	19.577.741	9.223.666	935.164	-	419.236	30.155.807
Chứng khoán kinh doanh (*)	6.775.118	-	-	-	-	6.775.118
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(2.523.991)	2.923.082	(485.984)	-	123.185	36.292
Cho vay khách hàng (*)	152.379.665	8.439.290	30.082	-	-	160.849.037
Hoạt động mua nợ (*)	12.092	-	-	-	-	12.092
Chứng khoán đầu tư (*)	51.733.882	-	-	-	-	51.733.882
Đầu tư dài hạn khác (*)	12.084	-	-	-	-	12.084
Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	2.749.476	-	-	-	-	2.749.476
Tài sản có khác (*)	10.845.609	2.808.867	190.036	-	9.020	13.853.532
Tổng tài sản	247.787.619	23.634.945	735.690	22.176	620.683	272.801.113
Nợ phải trả						
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	1.000.000	-	-	-	-	1.000.000
Tiền gửi và vay từ các TCTD khác	36.352.593	9.782.128	189.104	-	-	46.323.825
Tiền gửi của khách hàng	158.899.118	10.934.596	536.877	-	600.242	170.970.833
Phát hành giấy tờ có giá	17.639.970	-	-	-	-	17.639.970
Các khoản nợ khác	6.445.242	73.273	6.664	-	1.828	6.527.007
Tổng nợ phải trả	220.336.923	20.789.997	732.645	-	602.070	242.461.635
Trạng thái tiền tệ nội bảng	27.450.696	2.844.948	3.045	22.176	18.613	30.339.478
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	(13.450.405)	11.039.203	(411.762)	-	133.578	(2.689.386)
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	14.000.291	13.884.151	(408.717)	22.176	152.191	27.650.092

(*) Không bao gồm các khoản dự phòng rủi ro.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

43. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

43.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản phát sinh trong quá trình Ngân hàng huy động vốn nói chung và trong quá trình quản lý các trạng thái tiền tệ của Ngân hàng. Rủi ro thanh khoản bao gồm rủi ro do việc không có khả năng tài trợ cho các tài sản các thời điểm đáo hạn và lãi suất phù hợp cũng như rủi ro do việc không có khả năng thanh lý được một tài sản với một giá cả hợp lý và trong một khoảng thời gian phù hợp.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời hạn còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất đến lần thanh toán cuối cùng theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- » Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước được xếp loại tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc. Số dư của tiền gửi dự trữ bắt buộc phụ thuộc vào thành phần và kỳ hạn của các khoản tiền gửi khách hàng của Ngân hàng;
- » Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán; Trong đó, các khoản chứng khoán do chính phủ phát hành được chính phủ bảo lãnh, mặc dù được xếp vào các kỳ hạn dài theo kỳ hạn còn lại, nhưng là tài sản thanh khoản trên thị trường, hoàn toàn có thể chuyển thành tiền trong một khoảng thời gian ngắn mà không phát sinh chi phí đáng kể;
- » Thời gian đáo hạn của các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đáo hạn của hợp đồng. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các khế ước cho vay được gia hạn/trả trước;
- » Thời gian đáo hạn của các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần được coi là hơn năm năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định;
- » Các khoản tiền gửi và vay của các TCTD khác và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và là tiền gửi không kỳ hạn, tuy nhiên, tỷ trọng lớn loại tiền gửi này của khách hàng được duy trì ổn định tại ngân hàng với thời gian trên 1 năm. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu;
- » Thời gian đáo hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản;
- » Thời gian đáo hạn của khoản mục phát hành giấy tờ có giá dựa trên thời gian đáo hạn thực tế của từng loại giấy tờ có giá;
- » Thời gian đáo hạn của khoản mục nguồn vốn tài trợ uỷ thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro được tính dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất của từng khoản vốn tài trợ uỷ thác đầu tư;
- » Thời gian đáo hạn của các khoản nợ khác được xếp loại theo thời gian đáo hạn thực tế của từng khoản nợ.

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và công nợ tài chính của Ngân hàng theo các nhóm kỳ đáo hạn như sau:

								Đơn vị: triệu đồng
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Quá hạn			Trong hạn				Tổng
	Đến 3 tháng	Trên 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1-3 tháng	Từ 3-12 tháng	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	
Tài sản								
Tiền mặt, vàng bạc	-	-	2.344.362	-	-	-	-	2.344.362
Tiền gửi tại NHNN	-	-	4.279.431	-	-	-	-	4.279.431
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	14.172.940	12.415.143	3.491.930	75.794	-	30.155.807
Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	767.399	2.289.140	3.718.579	6.775.118
Trong đó: Trái phiếu Chính phủ và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thanh toán	-	-	-	-	-	220.196	3.718.579	3.938.775
Các công cụ tài chính phái sinh	-	-	(38.492)	(107.453)	154.537	27.700	-	36.292
Cho vay khách hàng (*)	2.333.286	2.583.926	9.509.028	15.600.616	38.912.024	42.605.273	49.304.884	160.849.037
Hoạt động mua nợ (*)	-	12.092	-	-	-	-	-	12.092
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	399.167	-	11.024.163	29.057.332	11.253.220	51.733.882
Trong đó: Trái phiếu Chính phủ và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thanh toán	-	-	179.167	-	4.029.582	13.432.850	8.465.901	26.107.500
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	-	12.084	12.084
Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	-	-	28.823	409	34.396	319.330	2.366.518	2.749.476
Tài sản có khác (*)	-	86.034	3.639.122	3.068.201	4.186.724	2.197.993	675.458	13.853.532
Tổng tài sản	2.333.286	2.682.052	34.334.381	30.976.916	58.571.173	76.572.562	67.330.743	272.801.113
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	1.000.000	-	-	-	-	1.000.000
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	34.812.855	9.627.334	951.312	900.965	31.359	46.323.825
Tiền gửi của khách hàng	-	-	87.115.228	29.706.655	35.569.611	18.511.516	67.823	170.970.833
Trong đó: Tiền gửi không kỳ hạn	-	-	38.234.560	-	-	-	-	38.234.560
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	1.150.000	9.891.970	6.598.000	17.639.970
Các khoản nợ khác	-	-	3.623.168	1.576.834	1.182.037	136.559	8.409	6.527.007
Tổng nợ phải trả	-	-	126.551.251	40.910.823	38.852.960	29.441.010	6.705.591	242.461.635
Mức chênh thanh khoản ròng	2.333.286	2.682.052	(92.216.870)	(9.933.907)	19.718.213	47.131.552	60.625.152	30.339.478

(*) Không bao gồm các khoản dự phòng rủi ro

44. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

44.1 Giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của tài sản tài chính

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản tài chính của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017:

Đơn vị: triệu đồng							
	Giá trị ghi sổ					Tổng cộng giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	Ghi nhận giá trị hợp lý thông qua kết quả hoạt động kinh doanh	Giữ đến ngày đáo hạn	Cho vay và phải thu	Sẵn sàng để bán	Tài sản khác hạch toán theo giá trị phân bổ		
Tiền mặt, vàng bạc	-	-	2.344.362	-	-	2.344.362	2.344.362
Tiền gửi tại NHNN	-	-	4.279.431	-	-	4.279.431	4.279.431
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	-	-	30.155.807	-	-	30.155.807	(*)
Chứng khoán kinh doanh	6.775.118	-	-	-	-	6.775.118	(*)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	36.292	-	-	-	-	36.292	(*)
Cho vay khách hàng	-	-	160.849.037	-	-	160.849.037	(*)
Hoạt động mua nợ	-	-	12.092	-	-	12.092	(*)
Chứng khoán sẵn sàng để bán	-	-	-	46.018.398	-	46.018.398	(*)
Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	-	5.715.484	-	-	-	5.715.484	(*)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	-	12.084	-	12.084	(*)
Tài sản tài chính khác	-	-	12.326.513	-	-	12.326.513	(*)
	6.811.410	5.715.484	209.967.242	46.030.482	-	268.524.618	

(*) Ngân hàng chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản mục này do chưa có hướng dẫn về xác định giá trị hợp lý theo Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các TCTD Việt Nam cũng như chưa có đủ thông tin.

44.2 Giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý nợ phải trả tài chính

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017:

Đơn vị: triệu đồng							
	Giá trị ghi sổ						
	Ghi nhận giá trị hợp lý thông qua kết quả hoạt động kinh doanh	Giữ đến ngày đáo hạn	Cho vay và phải thu	Sẵn sàng để bán	Công nợ và nợ khác hạch toán theo giá trị phân bổ	Tổng cộng giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	-	-	1.000.000	1.000.000	(*)
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	-	46.323.825	46.323.825	(*)
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	170.970.833	170.970.833	(*)
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	17.639.970	17.639.970	(*)
Các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	-	5.589.473	5.589.473	(*)
	-	-	-	-	241.524.101	241.524.101	

(*) Ngân hàng chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản mục này do chưa có hướng dẫn về xác định giá trị hợp lý theo Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các TCTD Việt Nam cũng như chưa có đủ thông tin.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

45. BÁO CÁO BỘ PHẬN

45.1. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017:

Đơn vị: triệu đồng					
Chỉ tiêu	Miền Bắc (*)	Miền Trung	Miền Nam	Điều chỉnh (**)	Tổng cộng
I. Doanh thu	31.061.209	623.795	18.211.918	(291.790)	49.605.132
1. Doanh thu lãi	22.067.063	548.156	17.418.306	(77.067)	39.956.458
Doanh thu lãi khách hàng bên ngoài	13.974.152	366.490	3.253.862	-	17.594.504
Doanh thu lãi nội bộ	8.092.911	181.666	14.164.444	(77.067)	22.361.954
2. Doanh thu từ hoạt động dịch vụ	3.860.377	55.090	610.305	(6.087)	4.519.685
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	5.133.769	20.549	183.307	(208.636)	5.128.989
II. Chi phí	(20.371.830)	(442.168)	(17.387.587)	241.976	(37.959.609)
1. Chi phí lãi	(14.200.574)	(364.096)	(16.538.443)	77.067	(31.026.046)
Chi phí lãi từ khách hàng bên ngoài	(6.107.663)	(182.430)	(2.373.999)	-	(8.664.092)
Chi phí lãi từ nội bộ	(8.092.911)	(181.666)	(14.164.444)	77.067	(22.361.954)
2. Chi phí khấu hao TSCĐ	(273.058)	(661)	(7.422)	-	(281.141)
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(5.898.198)	(77.411)	(841.722)	164.909	(6.652.422)
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	10.689.379	181.627	824.331	(49.814)	11.645.523
Chi phí dự phòng rủi ro	(3.379.540)	(27.146)	(194.621)	(7.919)	(3.609.226)
Kết quả kinh doanh bộ phận	7.309.839	154.481	629.710	(57.733)	8.036.297
III. Tài sản	221.519.989	4.781.452	47.178.993	(4.088.054)	269.392.380
1. Tiền mặt, vàng bạc	1.526.442	108.079	709.841	-	2.344.362
2. Tài sản cố định	1.447.694	1.271	62.481	-	1.511.446
3. Tài sản khác	218.545.853	4.672.102	46.406.671	(4.088.054)	265.536.572
IV. Nợ phải trả	180.065.705	4.965.116	59.326.666	(1.895.852)	242.461.635
1. Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	178.164.156	4.957.354	59.326.660	-	242.448.170
2. Nợ phải trả nội bộ	1.901.549	7.762	6	(1.895.852)	13.465

(*) Hội Sở chính Ngân hàng thuộc khu vực miền Bắc đã thực hiện chi các khoản chi phí hoạt động cho toàn hệ thống nhưng không phân bổ cho các đơn vị khác.

(**) Điều chỉnh đối với các giao dịch nội bộ.

45.2. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017:

Đơn vị: triệu đồng							
Chỉ tiêu	Ngân hàng	Quản lý và khai thác tài sản	Kinh doanh chứng khoán	Quản lý quỹ	Tài chính	Điều chỉnh (*)	Tổng cộng
I. Doanh thu	48.463.254	283.630	1.084.079	37.272	28.687	(291.790)	49.605.132
1. Doanh thu lãi	39.883.130	4.711	111.300	5.763	28.621	(77.067)	39.956.458
Doanh thu lãi khách hàng bên ngoài	17.521.176	-	106.186	5.274	10.786	(48.918)	17.594.504
Doanh thu lãi nội bộ	22.361.954	4.711	5.114	489	17.835	(28.149)	22.361.954
2. Doanh thu từ hoạt động dịch vụ	4.012.138	-	482.229	31.405	-	(6.087)	4.519.685
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	4.567.986	278.919	490.550	104	66	(208.636)	5.128.989
II. Chi phí	(37.804.135)	(206.188)	(166.687)	(17.482)	(7.093)	241.976	(37.959.609)
1. Chi phí lãi	(31.054.433)	(48.625)	(55)	-	-	77.067	(31.026.046)
Chi phí lãi từ khách hàng bên ngoài	(8.692.479)	-	238	-	-	28.149	(8.664.092)
Chi phí lãi từ nội bộ	(22.361.954)	(48.625)	(293)	-	-	48.918	(22.361.954)
2. Chi phí khấu hao TSCĐ	(237.504)	(39.572)	(3.739)	(43)	(283)	-	(281.141)
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(6.512.198)	(117.991)	(162.893)	(17.439)	(6.810)	164.909	(6.652.422)
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	10.659.119	77.442	917.392	19.790	21.594	(49.814)	11.645.523
Chi phí dự phòng rủi ro	(3.602.150)	367	(475)	-	951	(7.919)	(3.609.226)
Kết quả kinh doanh bộ phận	7.056.969	77.809	916.917	19.790	22.545	(57.733)	8.036.297
III. Tài sản	268.354.282	1.492.117	2.814.882	75.341	743.812	(4.088.054)	269.392.380
1. Tiền mặt, vàng bạc	2.344.362	-	-	-	-	-	2.344.362
2. Tài sản cố định	1.493.089	10.070	7.870	97	320	-	1.511.446
3. Tài sản khác	264.516.831	1.482.047	2.807.012	75.244	743.492	(4.088.054)	265.536.572
IV. Nợ phải trả	243.383.888	752.247	211.836	6.726	2.790	(1.895.852)	242.461.635
1. Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	243.370.423	752.247	211.836	6.726	2.790	(1.895.852)	242.448.170
2. Nợ phải trả nội bộ	13.465	-	-	-	-	-	13.465

(*) Điều chỉnh đối với các giao dịch nội bộ.

46. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng của năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay:

	Thuyết minh	31/12/2016 (đã được trình bày trước đây) triệu đồng	Phân loại lại triệu đồng	31/12/2016 (phân loại lại) triệu đồng
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT				
Vay các TCTD khác	i	9.771.209	587.383	10.358.592
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	i	587.383	(587.383)	-
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT				
Thu nhập từ hoạt động khác	ii	1.653.250	(85.573)	1.567.677
Chi phí hoạt động	ii	(4.260.995)	85.573	(4.175.422)
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT				
Thu nhập khác	ii	569.638	(85.573)	484.065
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	ii	(3.493.511)	85.573	(3.407.938)
Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD	i	4.140.136	250.962	4.391.098
Tăng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay chịu rủi ro	i	250.962	(250.962)	-

- (i) Phân loại lại các khoản “Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư” sang “Vay các TCTD khác”.
- (ii) Phân loại lại các khoản “Chi phí hoạt động” và “Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ” từ “Thu nhập khác”.

47. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Ngân hàng và kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng cần phải thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất.

48. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ SO VỚI VND VÀO THỜI ĐIỂM KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

	31/12/2017 đồng	31/12/2016 đồng
AUD	17.718	16.432
CAD	18.053	16.952
CHF	23.306	22.360
CNY	3.490	3.279
DKK	3.660	3.223
EUR	27.246	23.946
GBP	30.691	28.106
HKD	2.907	2.936
JPY	201.53	195
NOK	2.766	2.636
SEK	2.768	2.500
SGD	16.979	15.723
THB	697.45	635
USD	22.425	22.159

Người lập:

Bà BÙI THỊ KHÁNH VÂN
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam, ngày 09 tháng 02 năm 2018

Người phê duyệt:

Bà THÁI HÀ LINH
Giám đốc Kế toán,
Chính sách Tài chính và Thuế,
Khối Tài chính và Kế hoạch

Người phê duyệt:

Ông NGUYỄN LÊ QUỐC ANH
Tổng Giám đốc

TECHCOMBANK,
SAU

24

NĂM HÌNH THÀNH VÀ KHÔNG NGỪNG PHÁT TRIỂN MẠNH MẼ, TECHCOMBANK HIỆN ĐANG SỞ HỮU MẠNG LƯỚI DỊCH VỤ ĐA DẠNG VÀ RỘNG KHẮP VỚI 315 CHI NHÁNH/PHÒNG GIAO DỊCH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ 1.117 MÁY ATM TẠI 45 TỈNH THÀNH TRÊN TOÀN QUỐC CÙNG HỆ THỐNG CÔNG NGHỆ NGÂN HÀNG TIỀN TIẾN.



TECHCOMBANK
HIỆN CÓ

1.117

MÁY ATM
TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2017



TECHCOMBANK
HIỆN CÓ

315

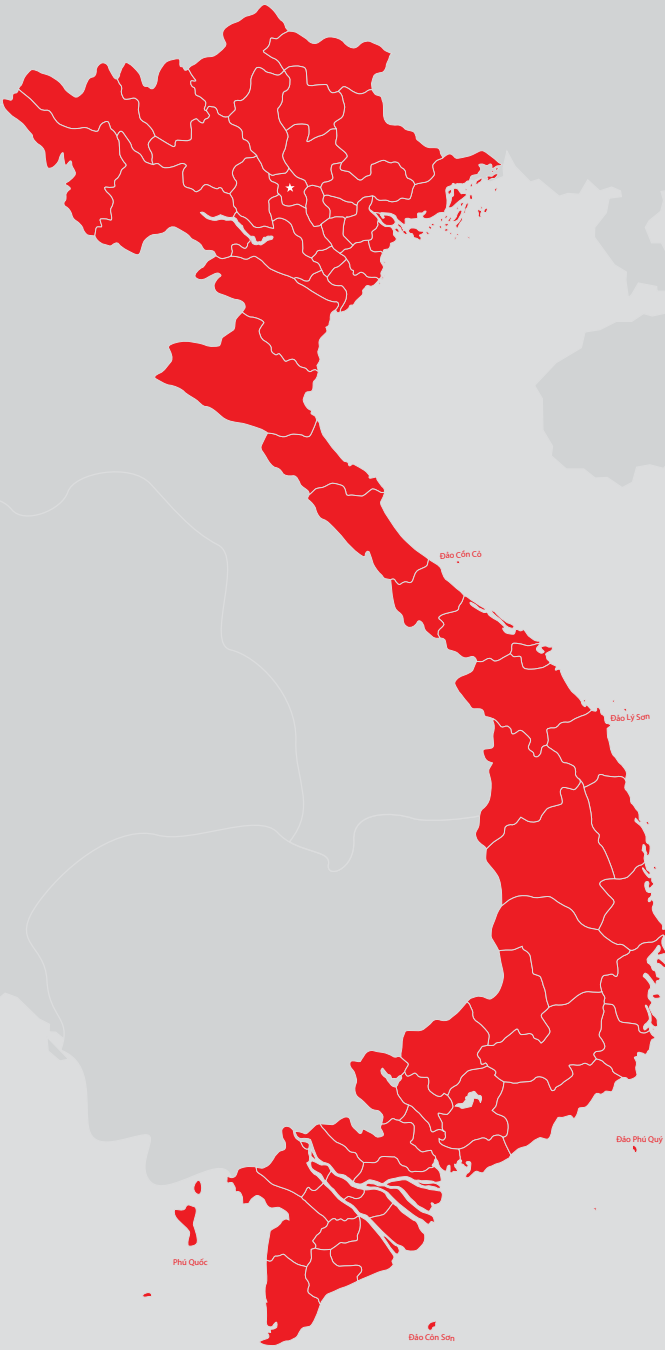
CHI NHÁNH/ PHÒNG GIAO DỊCH
/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN
TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2017



TECHCOMBANK
CÓ MẶT TẠI

45

TỈNH THÀNH
TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2017



BIỂN ĐÔNG

STT	Tỉnh/ Thành phố	Số CN/ PGD
1	An Giang	1
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	5
3	Bắc Giang	2
4	Bắc Ninh	5
5	Bình Định	1
6	Bình Dương	4
7	Bình Phước	1
8	Bình Thuận	1
9	Cà Mau	1
10	Cần Thơ	5
11	Đà Nẵng	10
12	Daklak	1
13	Đồng Nai	6
14	Đồng Tháp	1
15	Gia Lai	1
16	Hà Nam	1
17	Hà Nội	99
18	Hà Tĩnh	3
19	Hải Dương	3
20	Hải Phòng	9
21	Hồ Chí Minh	100
22	Hưng Yên	3
23	Khánh Hòa	4
24	Kiên Giang	2
25	Lâm Đồng	1
26	Lạng Sơn	3
27	Lào Cai	3
28	Long An	1
29	Nam Định	2
30	Nghệ An	4
31	Ninh Bình	1
32	Phú Thọ	2
33	Quảng Nam	2
34	Quảng Ngãi	2
35	Quảng Ninh	5
36	Sóc Trăng	1
37	Tây Ninh	1
38	Thái Bình	1
39	Thái Nguyên	4
40	Thanh Hóa	2
41	Thừa Thiên - Huế	3
42	Tiền Giang	1
43	Vĩnh Long	2
44	Vĩnh Phúc	3
45	Yên Bái	2
TỔNG		315